

Tháng 02/2024

# Báo cáo sức khỏe ngành ngân hàng

## Số quý 04/2023

Được thực hiện bởi  
WiResearch





# NỘI DUNG BÁO CÁO

---

**PHẦN 1: THỊ TRƯỜNG VĨ MÔ TIỀN TỆ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC**

**PHẦN 2: SỨC KHỎE NGÀNH NGÂN HÀNG**

**PHẦN 3: DỰ PHÓNG KẾT QUẢ KINH DOANH 2024**





**PHẦN 1**

**THỊ TRƯỜNG VĨ MÔ TIỀN TỆ  
TRONG & NGOÀI NƯỚC**

# TỔNG HỢP CÁC YẾU TỐ VĨ MÔ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NGÀNH NGÂN HÀNG

Q3/2023 Q4/2023

Diễn giải

## THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ QUỐC TẾ

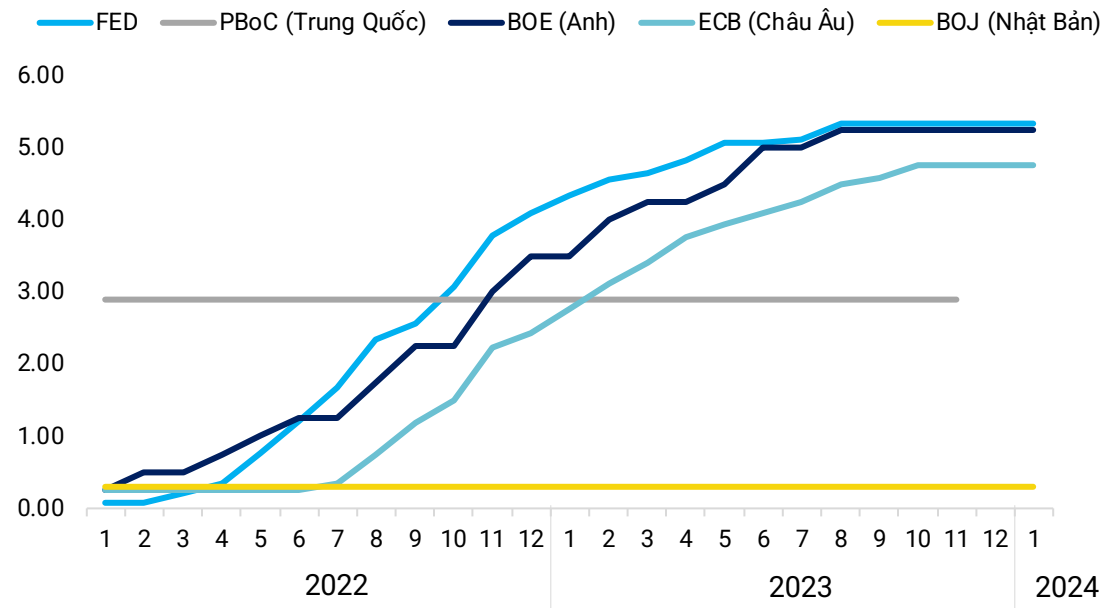
Lãi suất ở Mỹ	5.25-5.5%	5.25-5.5%	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Lãi suất cao ở Mỹ kéo dài</b> có thể tạo những áp lực trong việc điều hành chính sách tiền tệ ở các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển</li> </ul>
Lạm phát ở Mỹ	3.7%	3.4%	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Lạm phát được kiểm soát tốt</b> và hướng về mức mục tiêu nhưng Fed vẫn thể hiện một quan điểm rất thận trọng</li> </ul>
Chỉ số Đô-la Mỹ	103.07	104.33	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Chỉ số Đô-la Mỹ bật tăng lại trong quý 4 nhưng đã hạ nhiệt so với cùng kỳ.</b> Các đồng tiền nhìn chung đang dần phục hồi so với đồng USD, sau khi giảm mạnh trong năm 2022</li> </ul>
Đường cong lợi suất	-0.44%	-0.35%	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Đường cong lợi suất đảo ngược vẫn tiếp tục diễn ra trong quý 4</b>, báo hiệu sự giảm sút lòng tin vào mức tăng trưởng của nền kinh tế.</li> </ul>

## THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ TRONG NƯỚC

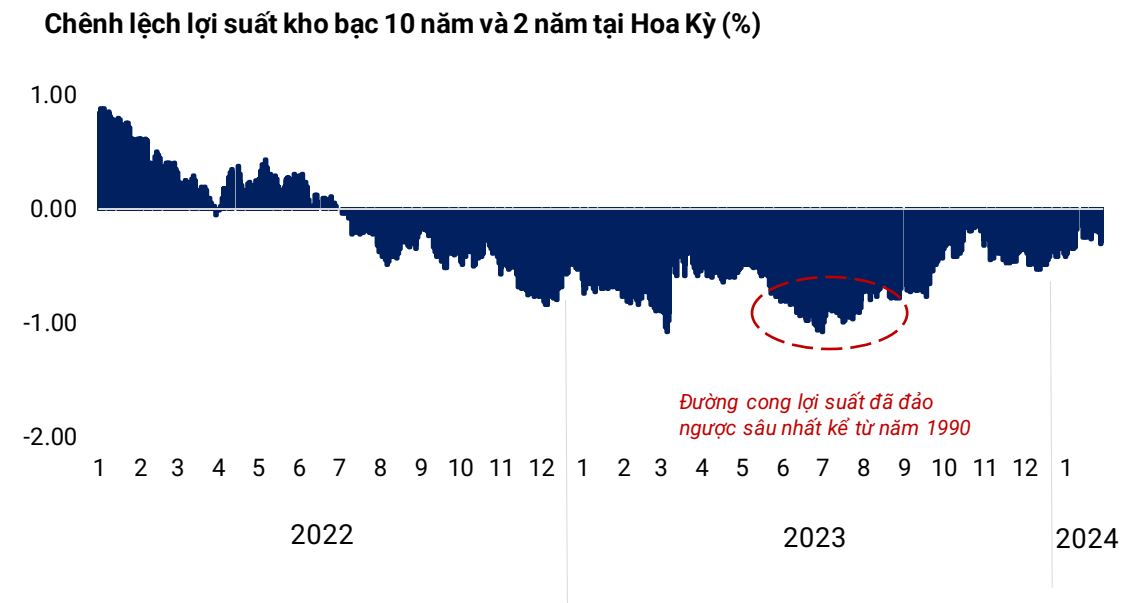
Lãi suất thị trường liên ngân hàng	0.22%	0.63%	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Lãi suất liên ngân hàng vẫn được duy trì ở mức thấp</b> trước thanh khoản dồi dào của thị trường</li> </ul>
Lạm phát	3.66%	3.58%	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Lạm phát vẫn được duy trì ổn định</b>, từ đó giúp chính sách tiền tệ thuận lợi hơn trong quá trình mở rộng.</li> </ul>
Tỷ giá USD/VND	24,090	24,050	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Tỷ giá giảm nhẹ so với quý trước</b> nhờ nguồn ngoại tệ dồi dào từ vốn đầu tư FDI và thặng dư cán cân thương mại</li> </ul>
Tăng trưởng tín dụng	7%	13.5%	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Tăng trưởng tín dụng tăng tốc rất nhanh</b> trong quý 4, từ mức tăng trưởng 9.11% cuối tháng 11, tín dụng toàn ngành đã đạt vọt lên 13.5% vào cuối tháng 12</li> </ul>

# LÃI SUẤT QUỐC TẾ ĐƯỢC DUY TRÌ Ở MỨC CAO LÂU HƠN DỰ KIẾN

## Có sự khác biệt trong điều hành chính sách tiền tệ của các quốc gia



## Chênh lệch lợi suất kho bạc 10 năm và 2 năm tại Hoa Kỳ (%)



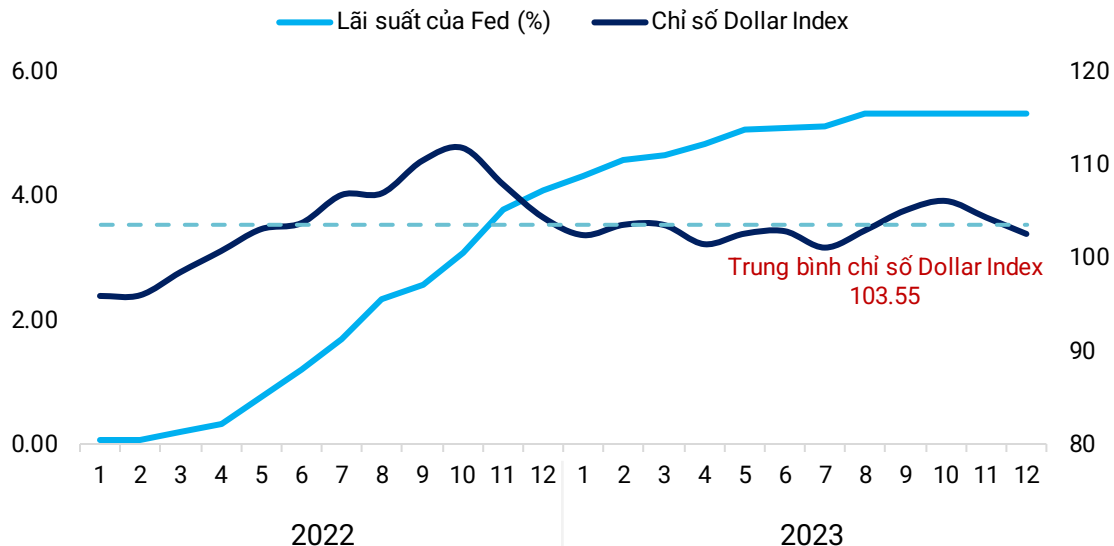
**Xu hướng lãi suất ở Châu Âu cho thấy cuộc chiến chống lạm phát vẫn đang được ưu tiên** mặc dù kinh tế khó khăn và sản xuất sụt giảm. Lạm phát tại Châu Âu đã được đưa về mức 2.9% và 2.8% trong tháng 12/2023 và tháng 01/2024 nhờ giá năng lượng giảm mạnh. Song, kỳ vọng giảm lãi suất ở châu Âu vẫn chưa thể thực hiện khi lạm phát của một số ngành chính như ngành dịch vụ vẫn đang tăng ở mức 4%. Ở Anh, lãi suất tiếp tục duy trì mức cao (5.25%) khi lạm phát kết thúc năm ở mức 4% - cách xa mục tiêu 2% của BOE. **Trong khi đó tại Châu Á, Trung Quốc và Nhật Bản ưu tiên phục hồi kinh tế** và tiếp tục giữ mức lãi suất ổn định so với giai đoạn 5 năm

**Đường cong lợi suất đang dần ít đảo ngược sau khi chạm đáy vào tháng 7 năm 2023.** Điều này được kết hợp với những tín hiệu tích cực, bao gồm (1) Tăng trưởng GDP quý IV/2023 đạt 3.3%, vượt xa dự báo 2% ban đầu, (2) Chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) đạt 2.9%, (3) Tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 30 năm gần đây (3.7%) và, 216.000 và 353.000 việc làm mới đã tăng thêm trong tháng 12/2023 và tháng 01/2024. Những tín hiệu này **xóa tan sự lo ngại về suy thoái kinh tế** của Mỹ, khả năng cao Fed sẽ không tăng lãi suất vào tháng 3 nhưng khả năng cao sẽ thực hiện cắt giảm vào tháng 5 khi lạm phát tiếp tục giảm sâu về mức mục tiêu.



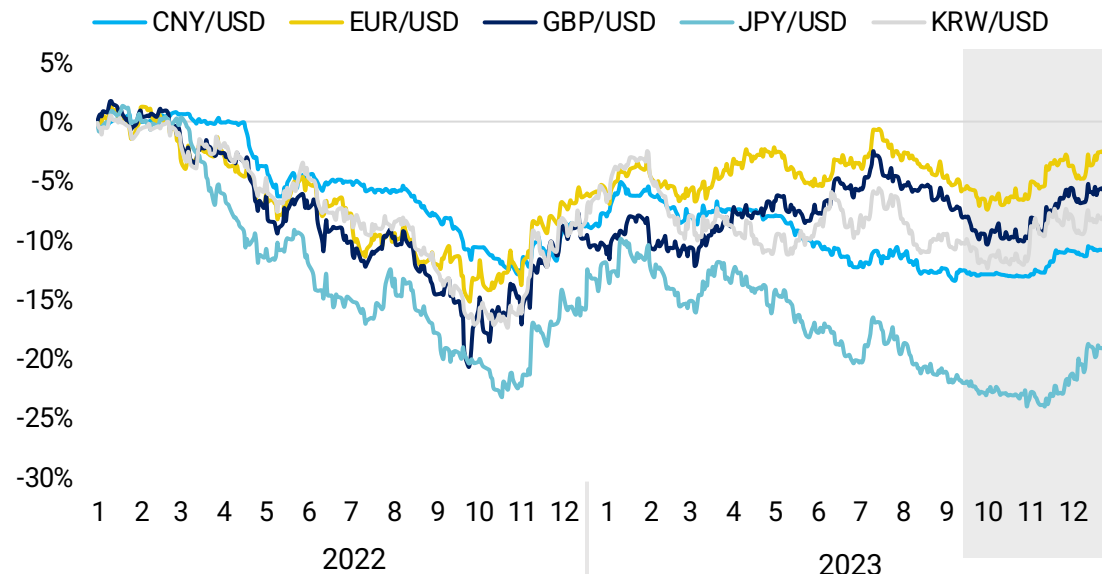
# CÁC ĐỒNG TIỀN CHÍNH BẮT ĐẦU PHỤC HỒI ỔN ĐỊNH KHI FED NGỪNG TĂNG LÃI SUẤT

## Lãi suất của Fed và chỉ số USD



**Chỉ số Dollar Index tiếp tục duy trì ổn định trong biên độ hẹp trong 6 tháng cuối năm 2023.** Xét trong quý 4 thì đồng USD tăng mạnh nhất vào tháng 10 và đạt đỉnh tại 106.13 điểm tuy nhiên đến cuối tháng 12, chỉ số Dollar Index giảm về mức 103.55 điểm. Gần như chắc chắn **Fed sẽ dừng tăng lãi suất** trong thời gian sắp tới khi tỷ lệ lạm phát đã giảm dưới 4% nhưng Fed vẫn duy trì sự thận trọng để đảm bảo lạm phát về mức mục tiêu 2%. Việc **Fed tiếp tục giữ mức lãi suất cao như hiện tại sẽ có những ảnh hưởng đến chính sách tiền tệ của các nước**, đặc biệt là quốc gia có độ mở về kinh tế như Việt Nam.

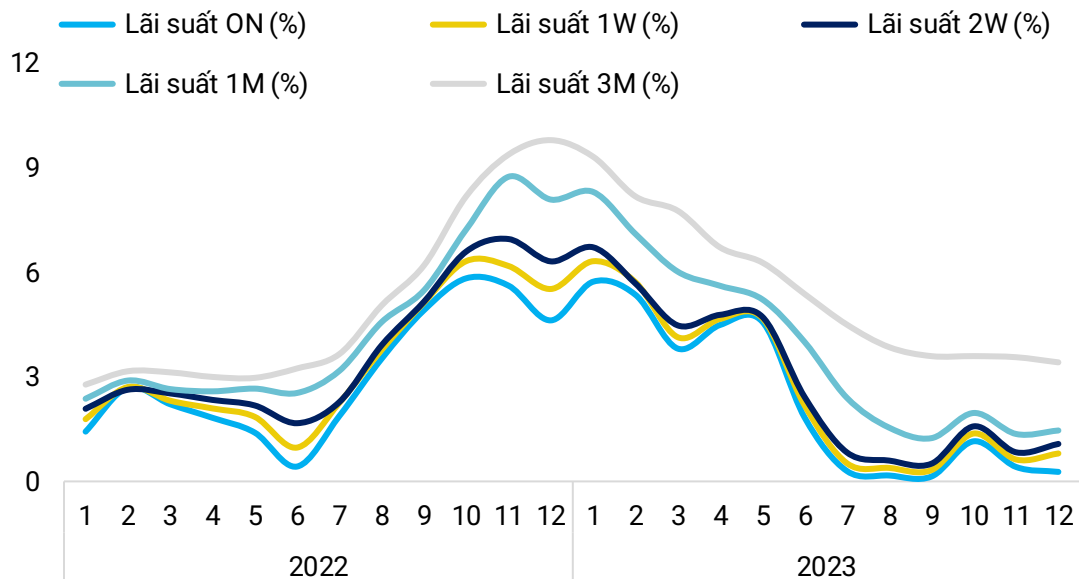
## Diễn biến tỷ giá của các đồng tiền



Các đồng tiền có xu hướng yếu hơn đồng USD trong quý 4/2023. **Đồng Yên Nhật vẫn có xu hướng suy giảm mạnh** sau khi trải qua giai đoạn mất giá từ đầu năm 2022. Nguyên nhân ảnh hưởng đến sức mạnh của đồng Yên Nhật chủ yếu do bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi việc tăng lãi suất của Mỹ. **Đồng Euro tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực**, cuối quý 4 đã trở về mức đầu năm 2022. **Đồng CNY của Trung Quốc sụt giảm** khi NHTW Trung Quốc duy trì mức lãi suất ổn định trước một loạt động thái tăng lãi suất của Mỹ cũng như châu Âu. Đồng CNY có mức cải thiện ít trong quý 4 vừa rồi. Song, bối cảnh kinh tế Trung Quốc vẫn còn rất khó khăn bởi sức cầu yếu trong nước và hoạt động xuất khẩu sụt giảm, điều này sẽ ảnh hưởng đến quá trình phục hồi của tỷ giá.

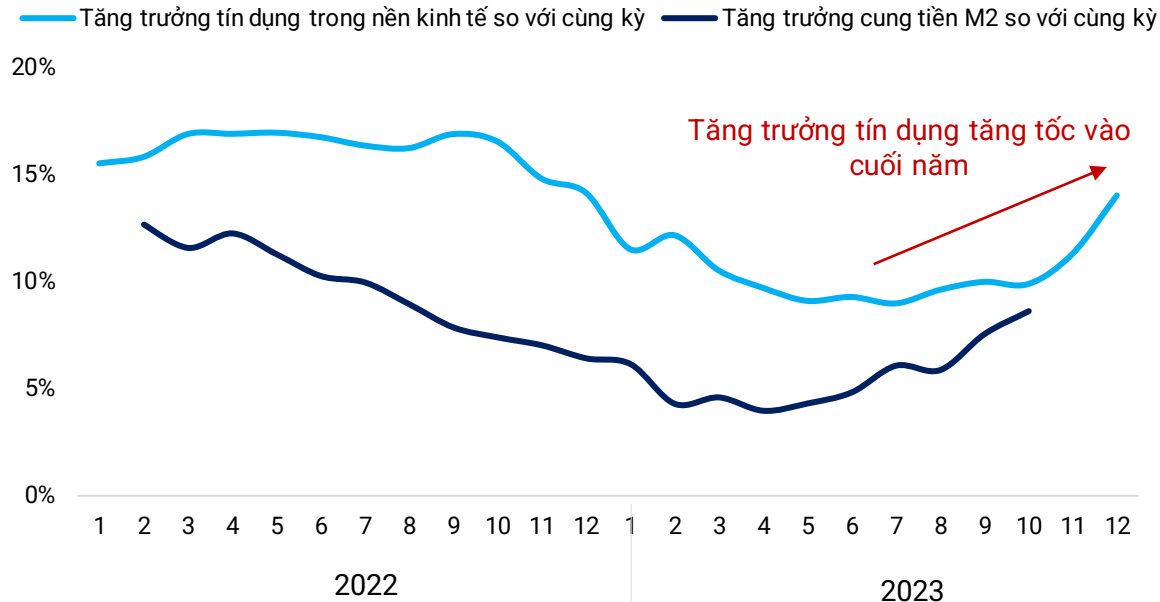
# LÃI SUẤT THỊ TRƯỜNG THỊ TRƯỜNG LIÊN NGÂN HÀNG THẤP KỶ LỤC TRONG 2 NĂM GẦN ĐÂY

## Diễn biến lãi suất thị trường liên ngân hàng



Lãi suất thị trường liên ngân hàng sau khi tăng tháng 10 thì đã bắt đầu giảm mạnh trong tháng 11 và tháng 12. Việc tiền gửi tăng nhanh trong giai đoạn những tháng cuối năm đã góp phần nâng cao mức thanh khoản của toàn hệ thống ngân hàng. **Lãi suất kỳ hạn qua đêm đến cuối quý 4 đã chỉ còn mức 0.29%, mức thấp kỷ lục trong nhiều năm trở lại đây.** Mức chênh lệch của kỳ hạn ngắn và kỳ hạn dài hiện tại cũng ở mức rất thấp.

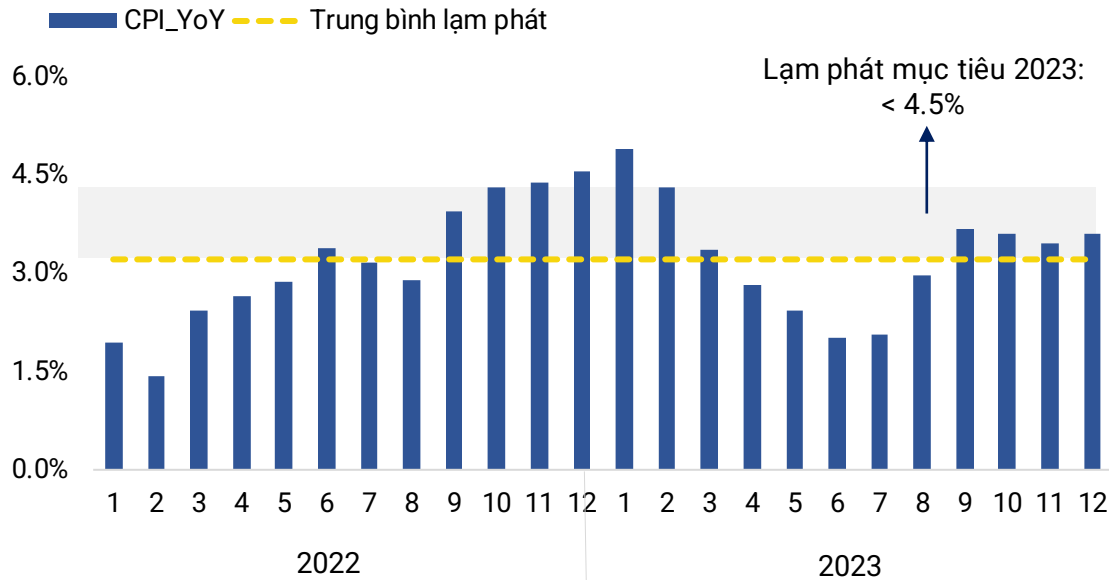
## Tăng trưởng cung tiền và tăng trưởng tín dụng



**Tăng trưởng tín dụng tăng vọt trong quý 4, đặc biệt là trong những tháng cuối năm.** Nếu như cuối tháng 9 mức tăng trưởng tín dụng của toàn hệ thống chỉ ở mức 7% thì con số này đã tăng tốc khi đạt mức 9.2% vào đầu tháng 12. Những tương mức tăng trưởng cả năm sẽ chỉ vào khoảng 10% thì chỉ trong vòng 15 ngày cuối năm thì tăng trưởng đã vọt lên mức 13.5% trước các chính sách thúc đẩy tăng trưởng của Chính phủ và NHNN. Nhiều ngân hàng có mức tăng trưởng thấp từ đầu năm cũng bắt đầu đẩy nhanh dư nợ trong tháng 12.

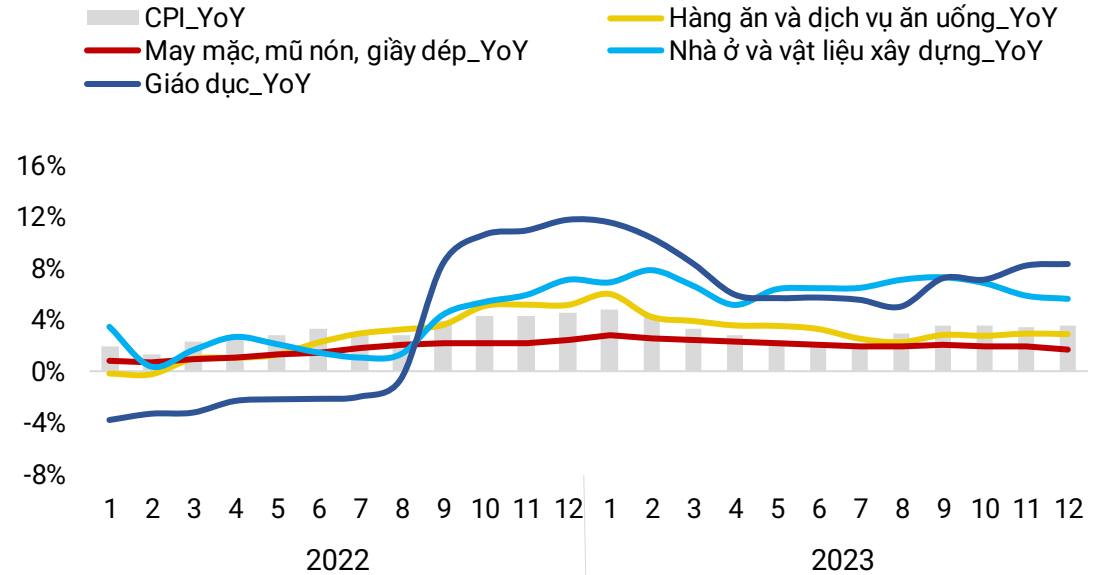
# LẠM PHÁT TRONG NƯỚC ỔN ĐỊNH GIÚP TĂNG "ROOM" CHO CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

## Lạm phát được kiểm soát tốt tạo dư địa cho việc giảm lãi suất



**Trong quý 4, lạm phát vẫn nằm trong mức mục tiêu (< 4.5%), kết thúc tháng 12 tại 3.58% so với cùng kỳ.** Việc lạm phát được duy trì ổn định góp phần giúp NHNN có nhiều "room" hơn trong việc mạnh tay nới lỏng tiền tệ. Lạm phát thấp cùng với các chương trình tăng lãi suất của Mỹ đã đi đến hồi kết khiến cho áp lực đối với tỷ giá cũng được dự đi so với năm 2022, khi đó NHNN có thể dồn nguồn lực cho chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng trước sức cầu yếu trong nước.

## Phân tách lạm phát các nhóm hàng hóa

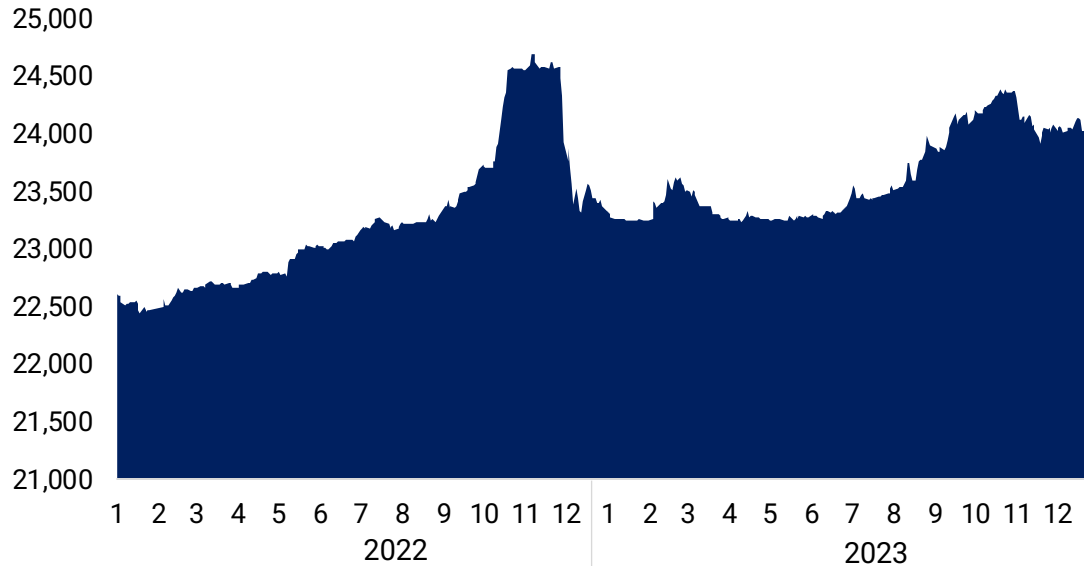


**Xét về cơ cấu lạm phát, phần lớn các mặt hàng cấu thành được duy trì mức tăng giá ổn định trong quý 4.** Nguồn cung của các mặt hàng thiết yếu được bảo đảm, giá xăng dầu bình quân năm 2023 giảm 11.02%. Sự ổn định giá của các nhóm hàng thực phẩm, hàng may mặc, dịch vụ ăn uống góp phần ổn định mức lạm phát. Tuy nhiên, chỉ số giá nhóm giáo dục vẫn ở mức cao do **một số trường công lập tăng học phí** theo lộ trình của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để bảo đảm thu chi thường xuyên và tiến dần đến lộ trình tự chủ tài chính.

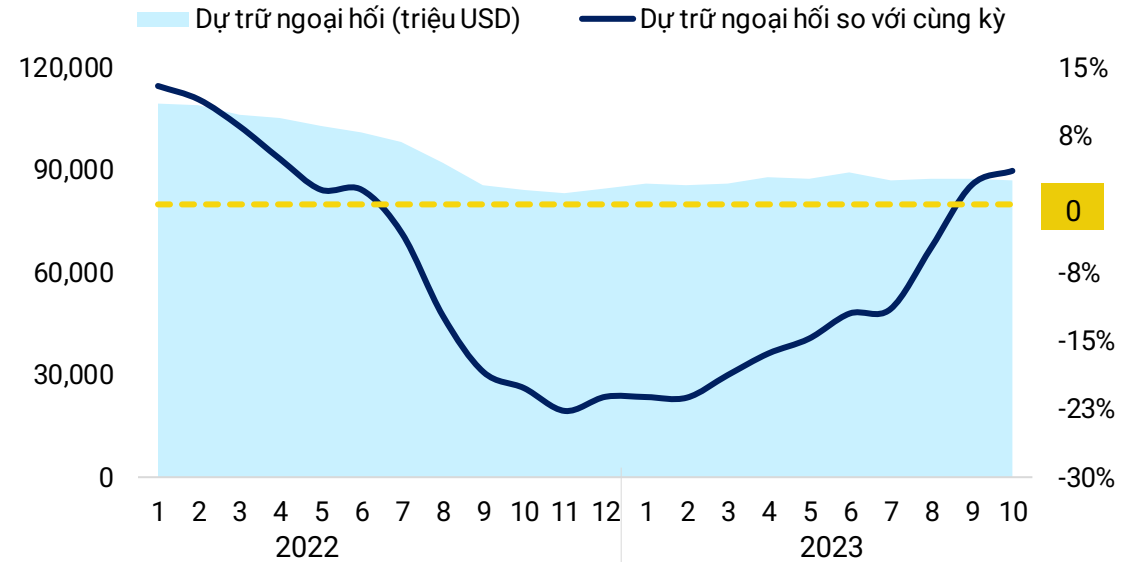


# TỶ GIÁ ĐƯỢC DUY TRÌ ỔN ĐỊNH KHI DỰ TRỮ NGOẠI HỐI TĂNG TRƯỞNG TỐT NHỜ XUẤT KHẨU

## Diễn biến tỷ giá USD/VND



## Dự trữ ngoại hối



**Dự trữ ngoại hối tương đối ổn định trong suốt quý 4 năm 2023**, chủ yếu nhờ **mức thặng dư thương mại được cải thiện** khi xuất khẩu dù giảm nhưng tốc độ giảm của nhập khẩu lại cao hơn. Kỳ vọng trong những tháng sắp tới, thặng dư thương mại sẽ giúp cải thiện mức dự trữ. Tại cuối năm 2023, ước tính dự trữ ngoại hối đạt 100 tỷ đô la.

Trong bối cảnh lãi suất của Fed vẫn được duy trì ở mức cao nhằm đưa lạm phát về mức mục tiêu, **mức dự trữ ngoại hối dồi dào và ổn định là nền tảng giúp giảm áp lực lên tỷ giá USD/VND**. Kết thúc quý 4, tỷ giá USD/VND đạt khoảng 24,000 đồng (tăng nhẹ 2.64% so với cùng kỳ), một tín hiệu khá lạc quan trước bối cảnh đồng USD vẫn duy trì mức tăng giá mạnh so với các đồng tiền khác.



**PHẦN 2**

**SỨC KHỎE NGÀNH NGÂN HÀNG**

# PHƯƠNG PHÁP LUẬN PHÂN NHÓM CÁC NGÂN HÀNG

## Cơ sở phân chia

**Nguồn lực là yếu tố trọng tâm mà nó sẽ chi phối khả năng tăng trưởng của các ngân hàng** cũng như sức khỏe tài chính và khả năng đáp ứng các quy định của ngành. Chúng tôi lựa chọn **tiêu chí tổng tài sản để phân chia các ngân hàng** thành các nhóm.

Về lý do lựa chọn, chúng tôi nhận thấy tiêu chí tổng tài sản đáp ứng các yêu cầu mà chúng tôi đề cao:

- 1 Tiêu chí phải phản ánh được thực tế nguồn lực của ngân hàng
- 2 Tiêu chí có tính thống nhất và độ tin cậy cao do được công bố trên báo cáo tài chính
- 3 Tiêu chí ít bị nhiễu bởi các yếu tố thị trường như vốn hóa và tương đối ổn định.

## Phương pháp phân chia

Căn cứ trên tiêu chí tổng tài sản, 27 ngân hàng niêm yết sẽ được phân thành bốn nhóm:

**\* Nhóm ngân hàng có quy mô tổng tài sản  $\geq 1$  triệu tỷ đồng:**

- 1 Nhóm ngân hàng thương mại quốc doanh (Nhà nước sở hữu hơn 50% tỷ lệ cổ phần)

**\* Nhóm ngân hàng có quy mô tổng tài sản  $\leq 1$  triệu tỷ đồng và  $> 200$  nghìn tỷ đồng.**

Nhóm này sẽ được phân nhỏ thành 2 nhóm dựa trên chiến lược cho vay, tập khách hàng của ngân hàng, chủ yếu dựa trên tỷ lệ cho vay theo đối tượng của các ngân hàng:

- 2 Nhóm ngân hàng tư nhân chuyên cho vay doanh nghiệp
- 3 Nhóm ngân hàng tư nhân chuyên cho vay cá nhân

**\* Nhóm ngân hàng có quy mô tổng tài sản  $\leq 200$  nghìn tỷ đồng:**

- 4 Nhóm ngân hàng khác

### Nhóm ngân hàng quốc doanh



### Nhóm ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp



### Nhóm ngân hàng chuyên cho vay cá nhân



### Nhóm ngân hàng khác



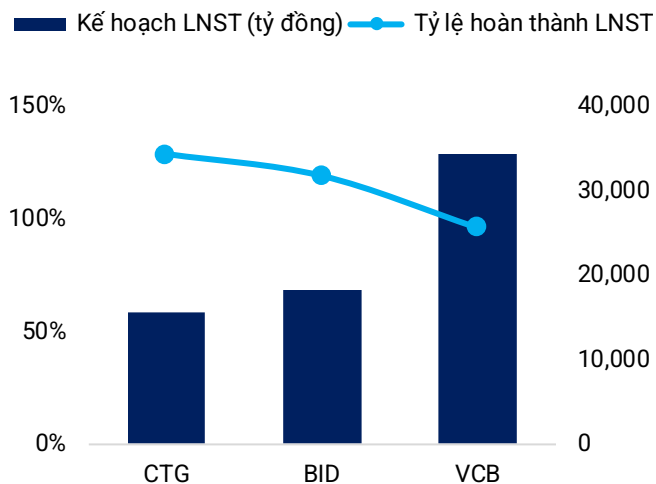


# TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ SỨC KHỎE NGÀNH NGÂN HÀNG TRONG QUÝ 4/2023

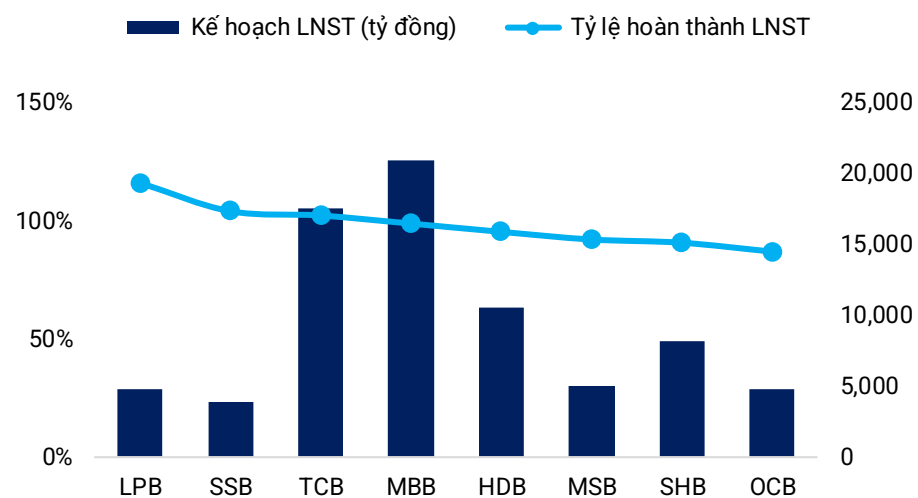
Tiêu chí	Ngành ngân hàng	Nhóm ngân hàng	Ngân hàng tiêu biểu
<b>1 Tăng trưởng tín dụng</b>	Tăng trưởng tín dụng <b>có sự đột phá mạnh mẽ trong quý 4</b> , kèm theo lượng tiền gửi tăng mạnh trong hệ thống	<b>Nhóm ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp và chuyên cho vay cá nhân</b> tăng trưởng tích cực hơn hẳn nhóm ngân hàng quốc doanh và ngân hàng khác.	VCB, MBB, VPB, TPB
<b>2 Chất lượng tài sản</b>	Mặc dù tín dụng tăng trưởng nhanh nhưng mức <b>NIM giảm, YEA giảm</b> nhẹ trong khi <b>COF tăng</b>	<b>Nhóm ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp và nhóm chuyên cho vay cá nhân</b> có mức NIM cao hơn các nhóm còn lại. Nhóm quốc doanh có mức NIM thấp nhưng ổn định trong quý 4	HDB, TPB
	<b>Nợ xấu giảm nhẹ</b> so với quý trước nhưng <b>tỷ lệ bao phủ nợ xấu mỏng hơn</b>	<b>Nhóm quốc doanh có mức nợ xấu thấp nhất</b> hệ thống trong khi <b>nợ xấu của nhóm ngân hàng khác lại dẫn đầu và tăng mạnh</b> so với cùng kỳ.	VCB, LPB, TCB, ACB
<b>3 Hiệu quả quản lý</b>	<b>Tỷ lệ CIR duy trì ổn định</b> trong quý 4, bên cạnh đó, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng tăng mạnh trong kỳ	<b>Đa số các nhóm ngân hàng đều có mức CIR ổn định</b> trong quý, trong đó mức giảm mạnh nhất thuộc về nhóm ngân hàng khác	HDB, LPB, SHB, VBB, BAB
<b>4 Mức sinh lời</b>	Tăng trưởng lợi nhuận của ngành ngân hàng chậm lại sau giai đoạn tăng tốc so với cùng kỳ năm trước. Song <b>lãi từ hoạt động dịch vụ tăng mạnh</b> đóng góp lớn vào mức tăng trưởng lợi nhuận của ngành	<b>Nhóm ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp có mức sinh lời tốt hơn</b> nhờ đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng cao trong quý 4. Trong khi nhóm ngân hàng quốc doanh và nhóm ngân hàng chuyên cho vay cá nhân duy trì mức sinh lời ổn định so với các quý trước trong năm.	BID, CTG, HDB, VIB, NAB
<b>5 Mức thanh khoản</b>	<b>Tỷ lệ LDR sụt giảm nhẹ</b> so với quý trước, mặc dù tăng trưởng tín dụng tăng nhanh nhưng mức tăng trưởng tiền gửi còn mạnh mẽ hơn.	<b>Nhóm ngân hàng cho vay doanh nghiệp có sự cải thiện về tỷ lệ LDR.</b> Trong khi <b>nhóm ngân hàng chuyên cho vay cá nhân</b> có xu hướng tăng	BID, CTG, MBB, ACB
	<b>Tỷ lệ CASA tăng nhanh</b> trong quý liên quan đến lượng tín dụng được giải ngân.	<b>Các nhóm ngân hàng</b> đều có tỷ lệ CASA tốt hơn so với các quý trước đó.	VCB, MBB, TCB

# ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN CỦA CÁC NGÂN HÀNG NĂM 2023

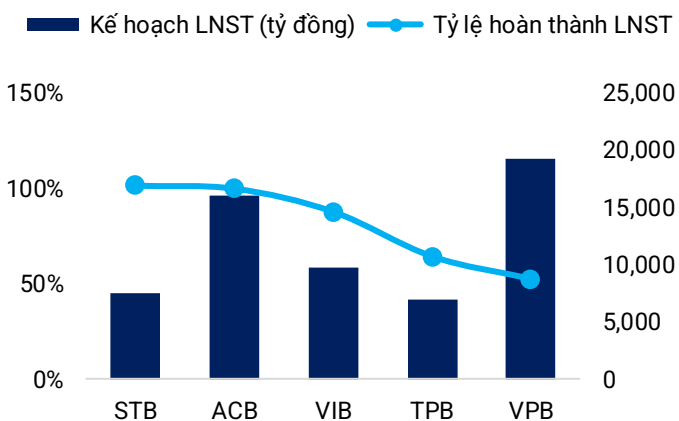
## Nhóm NHTM quốc doanh



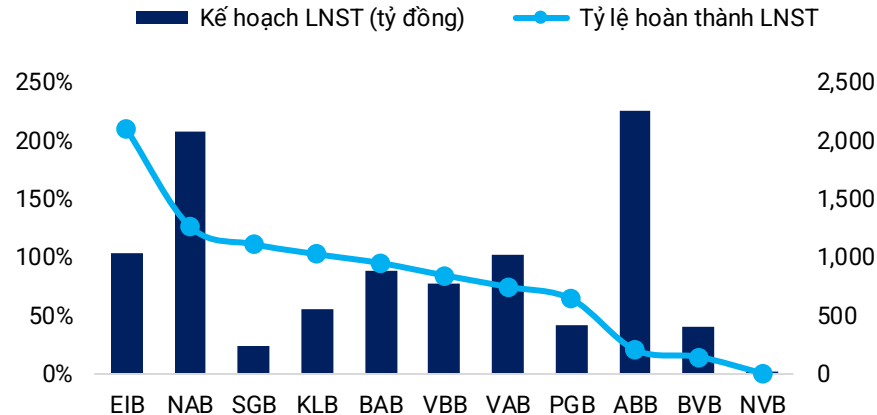
## Nhóm NHTM chuyên cho vay doanh nghiệp



## Nhóm NHTM chuyên cho vay cá nhân



## Nhóm NHTM khác



Mức độ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận có sự phân hóa giữa các nhóm:

**Đối với nhóm quốc doanh:** các ngân hàng đều hoàn thành mức lợi nhuận theo kế hoạch. Trong đó, CTG và BID đạt mức cao hơn khoảng 20% so với mục tiêu.

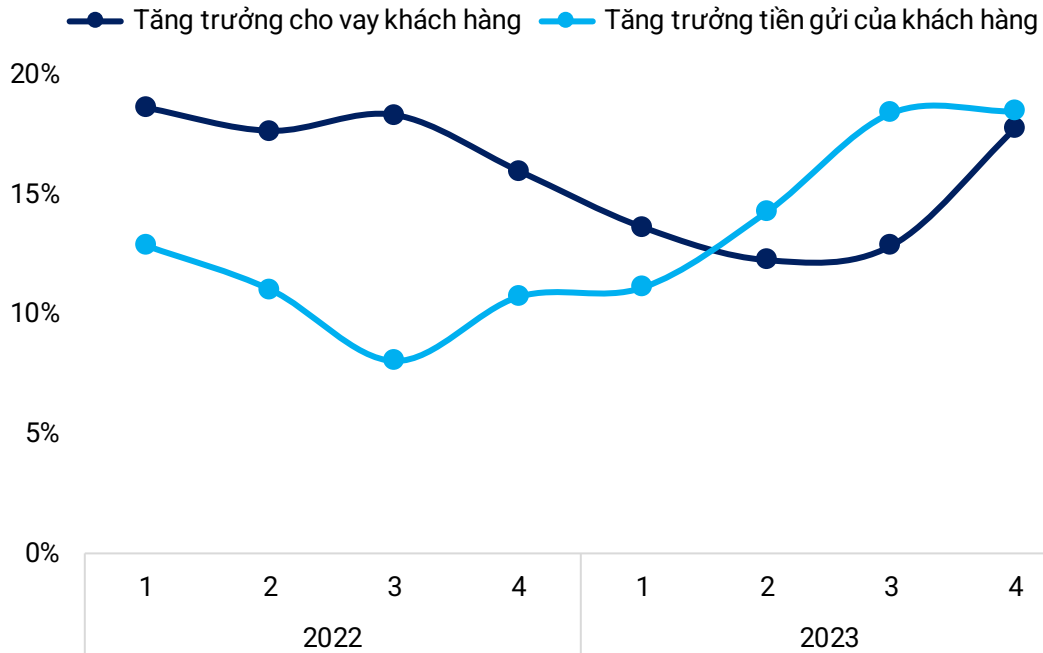
**Đối với nhóm chuyên cho vay doanh nghiệp:** Các ngân hàng trong nhóm cho thấy khả năng hoàn thành mục tiêu lợi nhuận tốt, đa số đều từ 90% trở lên.

**Đối với nhóm chuyên cho vay cá nhân:** Nhiều ngân hàng trong nhóm chưa thể đạt được lợi nhuận theo kế hoạch (ngoại trừ STB). Trong đó, TPB và VPB chỉ hoàn thành được hơn một nửa mức lợi nhuận mục tiêu.

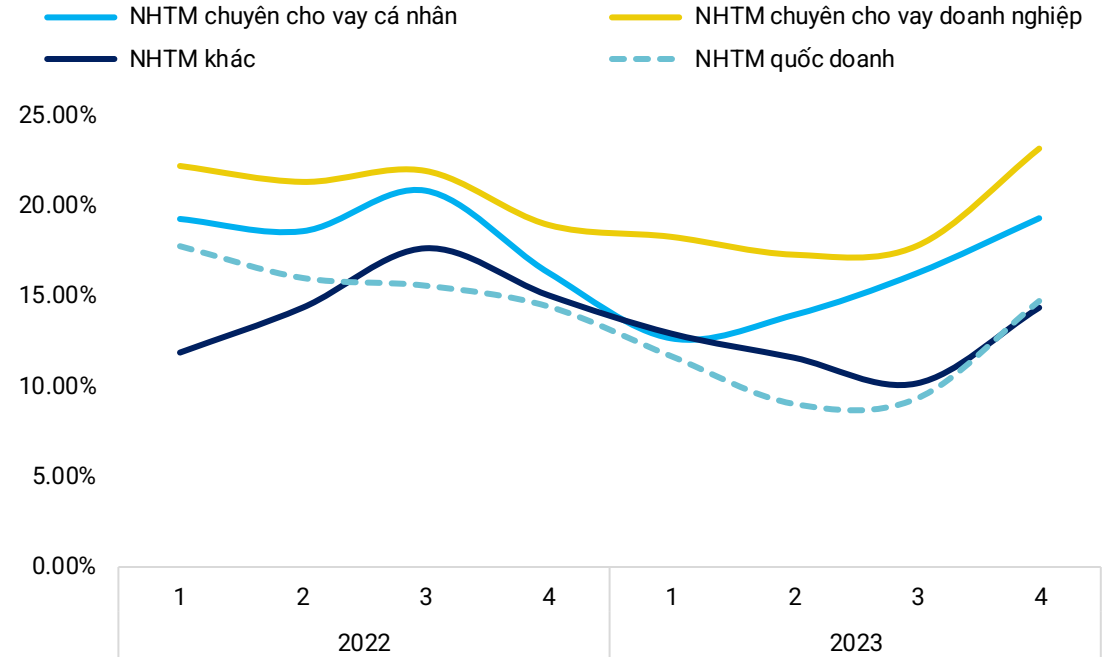
**Đối với nhóm NHTM khác:** Các ngân hàng trong nhóm có sự phân hóa về tỷ lệ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận. EIB đạt mức lợi nhuận gấp đôi so với mục tiêu, trong khi NVB ghi nhận mức lỗ trong năm.

# TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG TĂNG NHANH TRONG THÁNG CUỐI NĂM

## Tăng trưởng tín dụng và huy động của 27 NHTM (so với cùng kỳ)



## Tăng trưởng tín dụng theo nhóm ngân hàng (so với cùng kỳ)



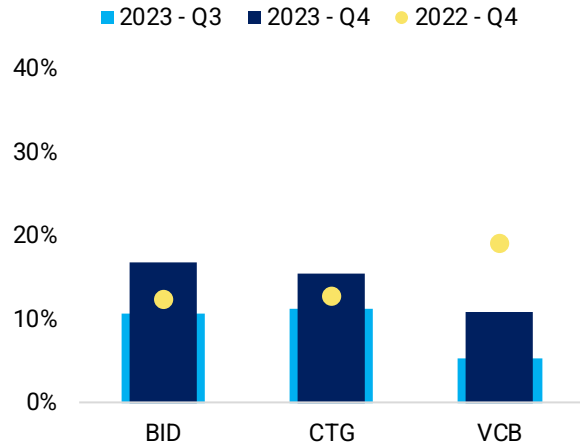
Sau giai đoạn tăng chậm trong 3 quý đầu năm, **tăng trưởng tín dụng đã có sự đột phá mạnh mẽ trong quý 4**. Song, tăng trưởng tiền gửi vẫn duy trì tốc độ tăng cao, góp phần bù đắp sự chênh lệch giữa tăng trưởng tiền gửi và tín dụng trong năm 2022. Bên cạnh nguồn tiền gửi, trong quý 4, nhiều ngân hàng đã tăng cường hoạt động phát hành trái phiếu, với tổng giá trị phát hành đạt mức gần 100 ngàn tỷ đồng, nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng nhanh của dư nợ trong giai đoạn cuối năm cũng như tăng cường vốn cấp 2 để duy trì tỷ lệ CAR.

Xét theo nhóm ngành ngân hàng thì **tốc độ tăng trưởng cao nhất thuộc về nhóm ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp**. Trong bối cảnh sức cầu của thị trường rất yếu nên việc đẩy mạnh giải ngân cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp bất động sản, là động lực chính cho tăng trưởng. Nhóm chuyên cho vay cá nhân sau khi có tốc độ tăng trưởng chậm trong những quý đầu năm thì đã tăng tốc giải ngân trong quý 3 và quý 4. Cuối cùng, các ngân hàng quốc doanh với chiến lược cho vay thận trọng chỉ tăng nhanh tín dụng trong quý 4.

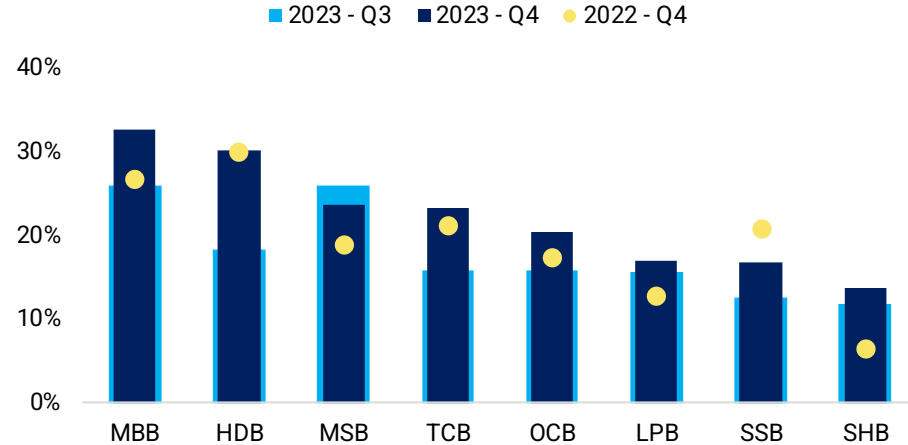


# CÁC NGÂN HÀNG QUỐC DOANH TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG VƯỢT TRỘI TRONG QUÝ 4

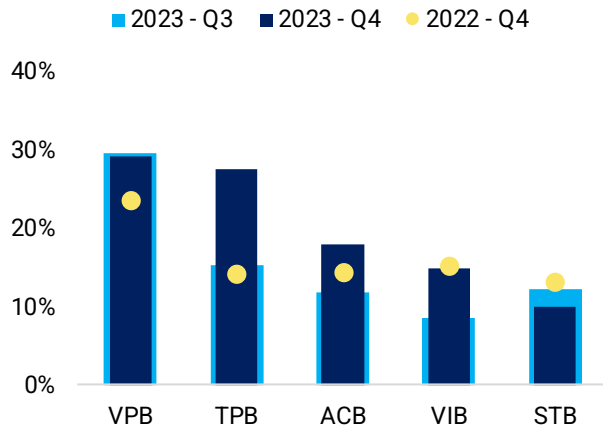
## Nhóm NHTM quốc doanh



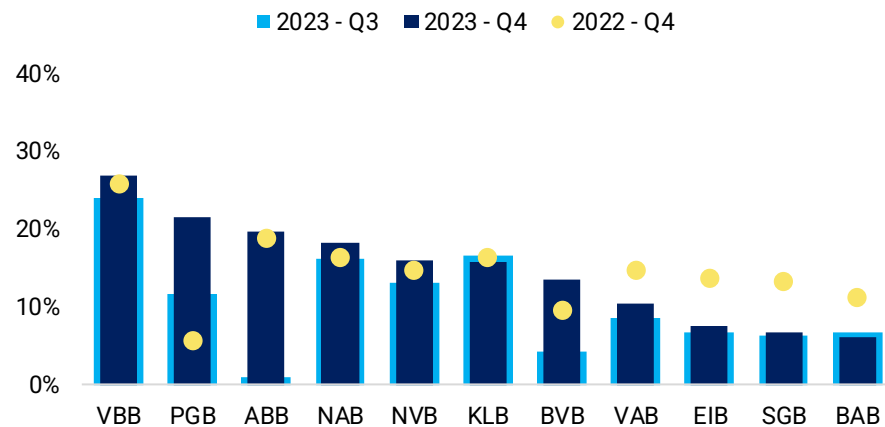
## Nhóm NHTM chuyên cho vay doanh nghiệp



## Nhóm NHTM chuyên cho vay cá nhân



## Nhóm NHTM khác



Tăng trưởng tín dụng có khác biệt giữa các ngân hàng trong các nhóm:

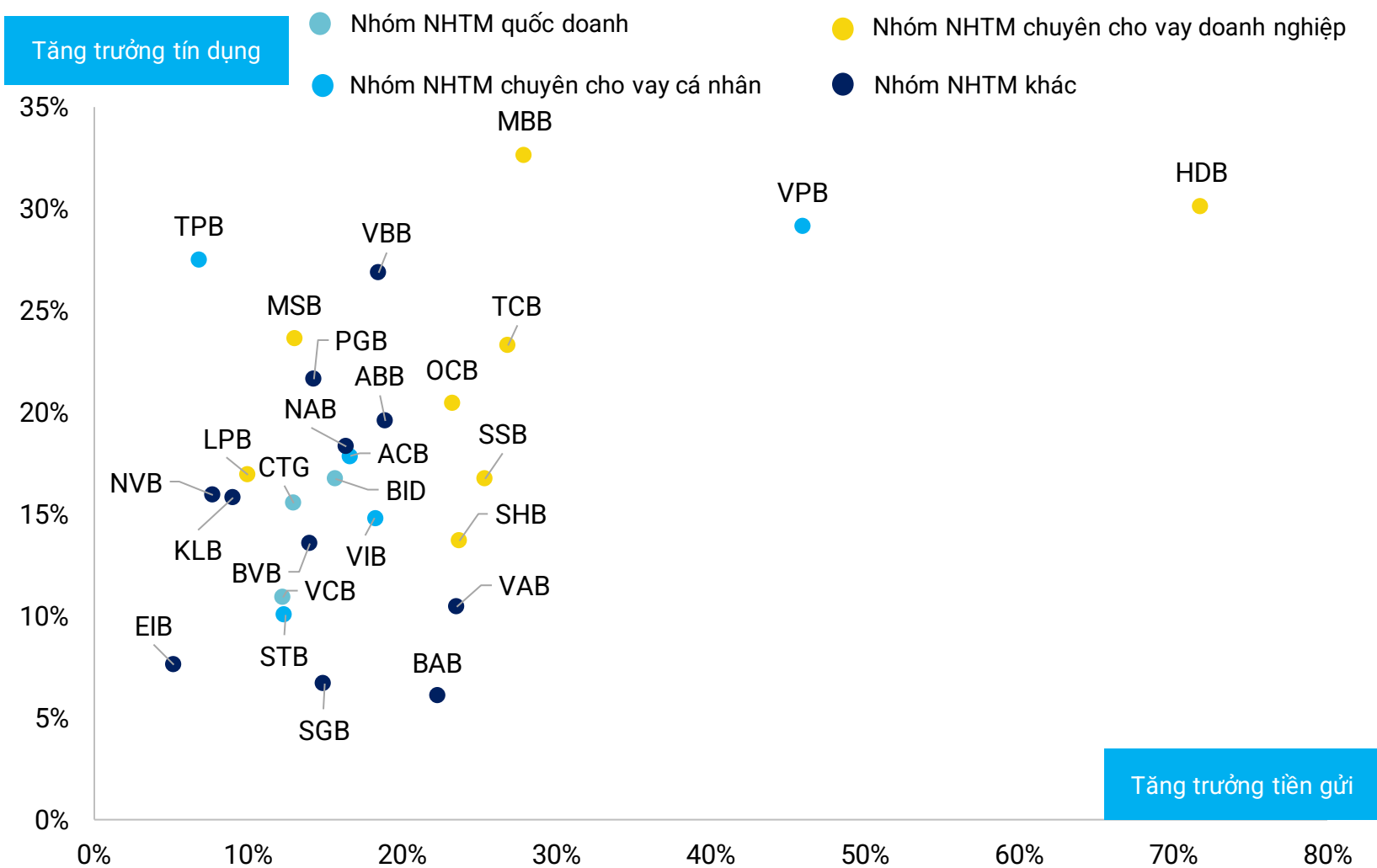
**Đối với nhóm quốc doanh:** VCB có chính sách tăng trưởng tín dụng thận trọng hơn cả, khi 3 quý đầu năm ngân hàng này chỉ tăng trưởng 4.9% và chỉ thật sự đẩy mạnh lên mức 10.6% trong quý 4. Hai ngân hàng còn lại là BIDV và CTG có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định trong năm.

**Đối với nhóm chuyên cho vay doanh nghiệp:** Các ngân hàng đều có mức tăng trưởng cao và duy trì tăng trưởng ổn định trong năm. MBB cho thấy mức tăng trưởng dẫn đầu nhóm ngân hàng và toàn ngành ngân hàng.

**Đối với nhóm chuyên cho vay cá nhân:** Các ngân hàng có mức tăng trưởng tín dụng thận trọng hơn. Ngoại trừ VPB và TPB có mức tăng trưởng tốt hơn hẳn, đặc biệt TPB tăng mạnh trong quý 4.

**Đối với nhóm NHTM khác:** Mức tăng trưởng chênh lệch rất lớn giữa các ngân hàng trong nhóm.

# TƯƠNG QUAN GIỮA TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG VÀ TĂNG TRƯỞNG HUY ĐỘNG Q4/2023



Dựa vào tương quan tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng tiền gửi của các ngân hàng trong quý 4 thì chúng ta có thể rút ra các vấn đề sau đây:

**Nhóm ngân hàng quốc doanh:** Mức tăng trưởng tiền gửi của các ngân hàng quốc doanh thấp hơn so với mức tăng trưởng tín dụng.

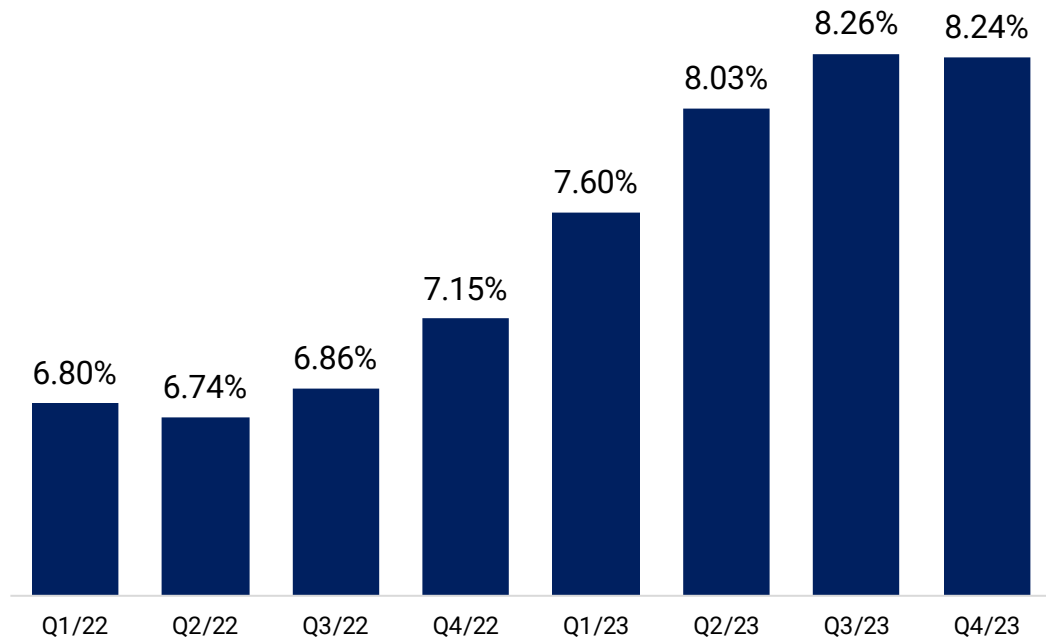
**Nhóm ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp:** Có sự tăng trưởng đồng bộ hơn giữa tiền gửi và tiền vay. Phần lớn các khoản vay của nhóm này được giải ngân trong hệ sinh thái của doanh nghiệp vay. Do đó tiền vay được giải ngân trước đó tiếp tục gia tăng tiền gửi trên bảng cân đối kế toán

**Nhóm ngân hàng chuyên cho vay cá nhân:** Mức tăng trưởng tiền gửi thấp cũng diễn ra ở nhóm này

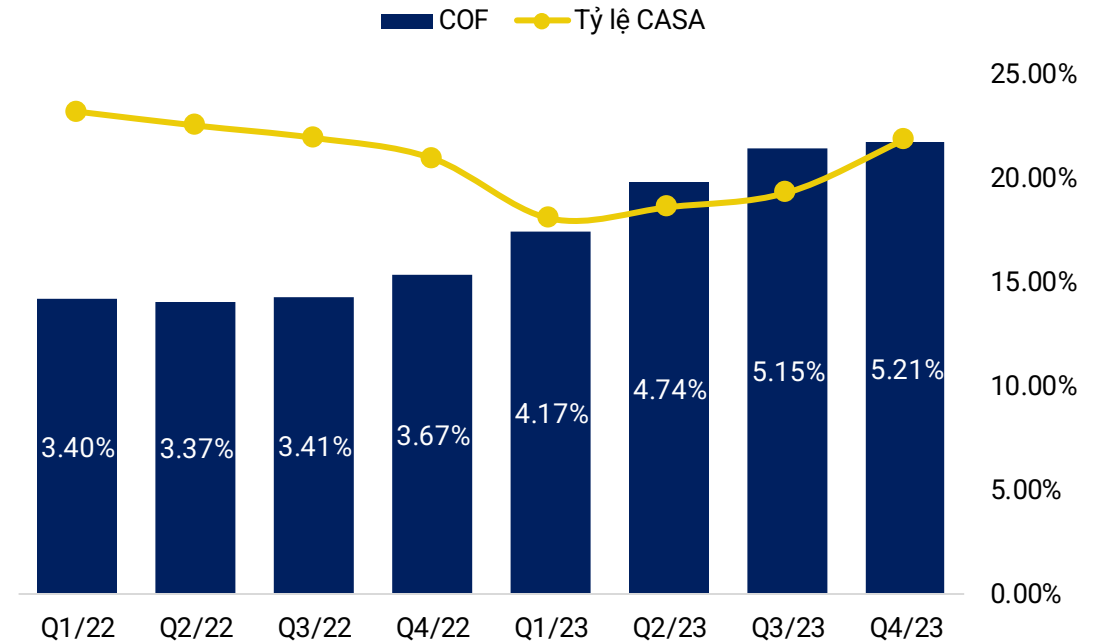
**Nhóm ngân hàng thương mại khác:** Sự phân tán trong mối tương quan diễn ra ở nhóm này khi mức chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng huy động biến động lớn giữa các ngân hàng.

# YEA VÀ COF CỦA NGÀNH BIẾN ĐỘNG NGƯỢC CHIỀU NHAU TRONG KỲ

## YEA của ngành ngân hàng theo thời gian



## COF của ngành ngân hàng theo thời gian



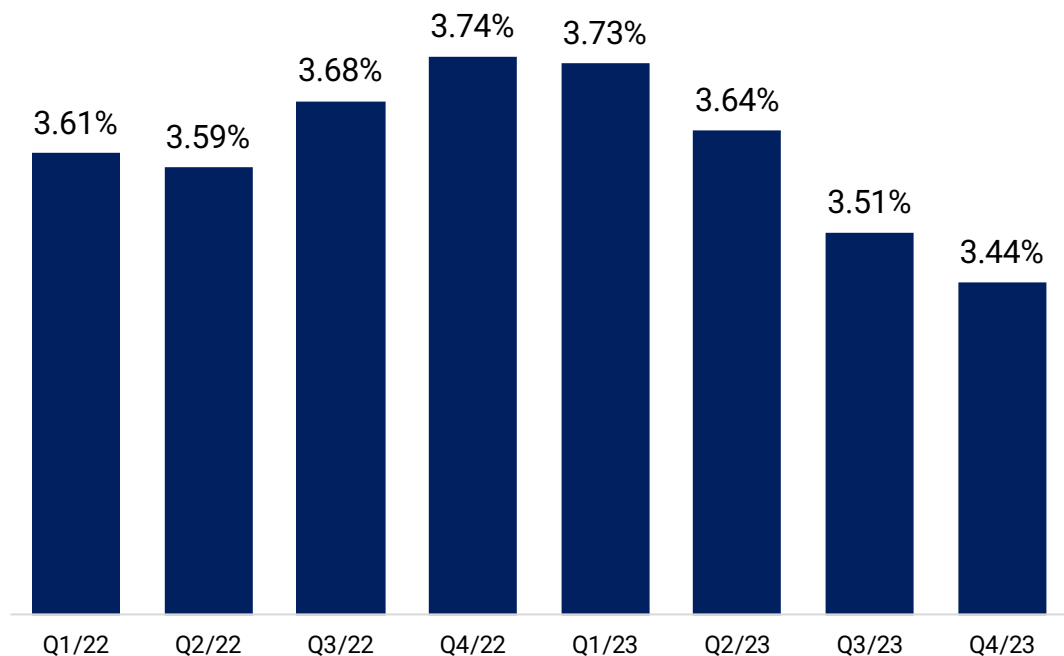
Mức sinh lời trên tài sản sinh lời sụt giảm nhẹ trong quý 4/2023 khi chỉ còn 8.24%. Việc YEA của ngân hàng sụt giảm là điều bình thường khi các khoản vay của ngân hàng cho các doanh nghiệp và cá nhân cũng đã bắt đầu điều chỉnh lãi suất. Như đã phân tích ở trên, **việc đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng trong bối cảnh khả năng hấp thụ kém của nền kinh tế** cũng có thể khiến cho mức sinh lời YEA của ngân hàng khó được duy trì.

**Điểm đặc biệt trong giai đoạn này đó là sự gia tăng của chi phí vốn COF của hệ thống ngân hàng trong quý 4.** Mặc dù lãi suất tiền gửi niêm yết ở các ngân hàng đã thông báo giảm trong quý, tuy nhiên các ngân hàng trong hệ thống vẫn chịu áp lực bởi hiệu lực của Thông tư 08 về việc giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn xuống 30% (có hiệu lực vào 01/10/2023). Do đó, các ngân hàng thương mại đẩy mạnh cho vay trung dài hạn **cần nhiều hơn nguồn tiền gửi dài hạn** và phải tăng cường phát hành trái phiếu.



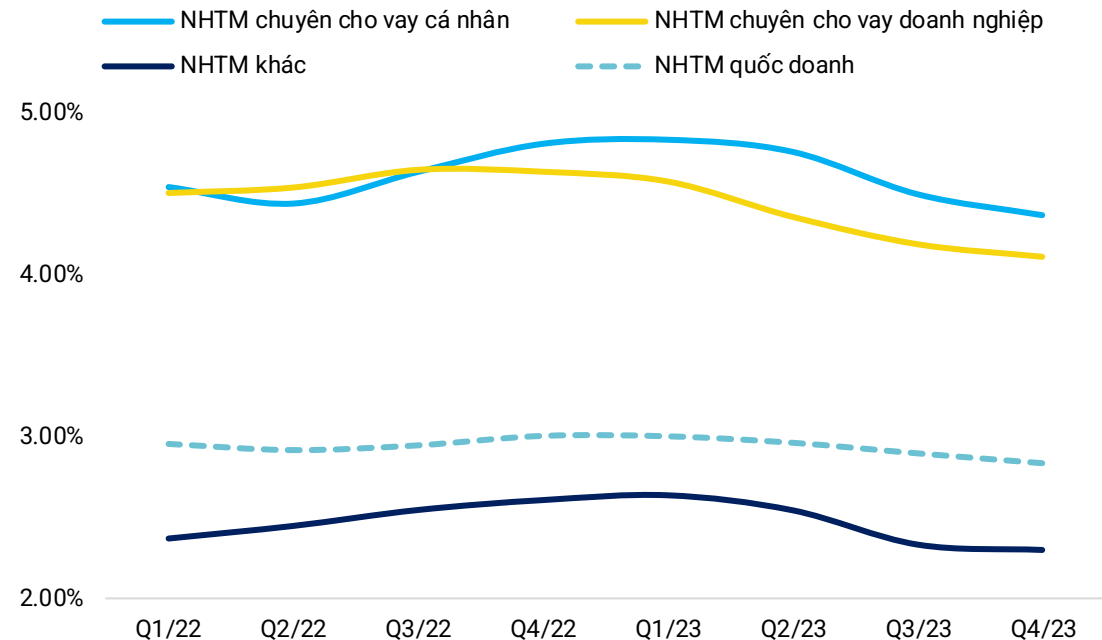
# NIM CỦA NGÀNH TIẾP TỤC DÒ ĐÁY VỚI SỰ SỤT GIẢM CỦA CÁC NGÂN HÀNG TƯ NHÂN

## NIM của ngành ngân hàng theo thời gian



**Trong bối cảnh YEA giảm nhẹ mà COF vẫn tăng đã ảnh hưởng đáng kể đến mức NIM của các ngân hàng thương mại trong kỳ.** NIM của hệ thống ngân hàng trong quý 4 đã xuống mức chỉ còn 3.44% từ mức 3.51% của quý 3. Như vậy, tính từ mức NIM cao nhất ở quý 4/2022 (mức 3.74%) thì NIM của hệ thống đã giảm 4 quý liên tục. Mức NIM sụt giảm đã ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận của ngành.

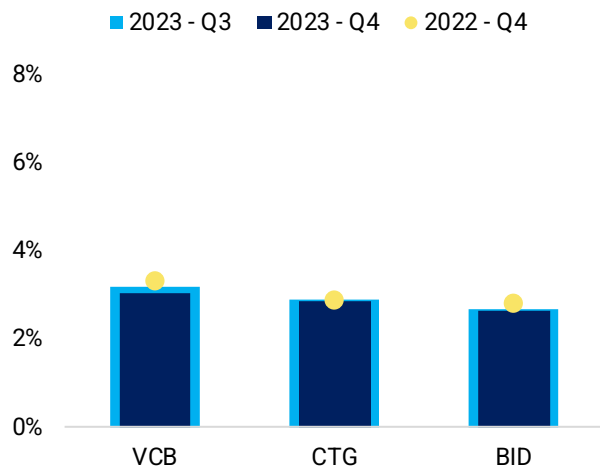
## NIM của các nhóm ngân hàng



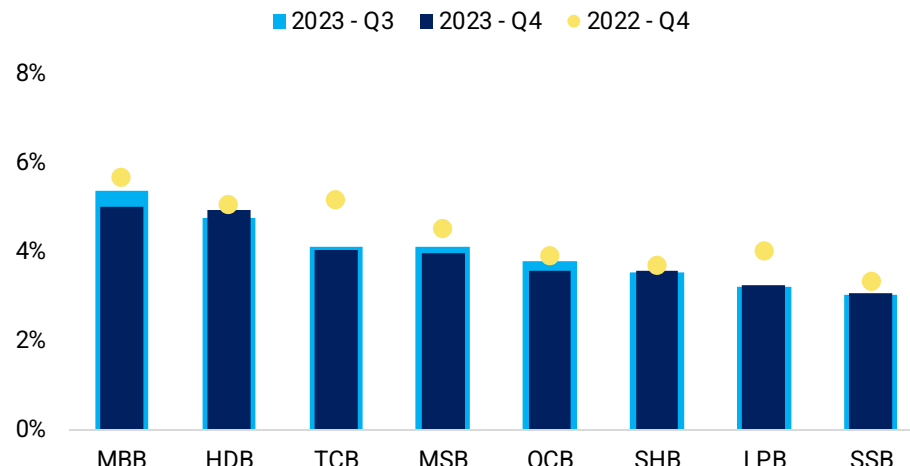
**Sụt giảm mạnh nhất của NIM được ghi nhận trong nhóm ngân hàng thương mại chuyên cho vay doanh nghiệp.** Điều này xuất phát từ việc tăng cường hoạt động cho vay đối với doanh nghiệp lớn và các chính sách hỗ trợ đã ảnh hưởng đáng kể đến NIM. Nhóm ngân hàng thương mại chuyên cho vay cá nhân cũng gặp sụt giảm đáng kể về NIM, có thể là do các giao dịch cho vay trong quý 4 không thể đạt được mức NIM cao. Ngược lại, nhóm ngân hàng quốc doanh duy trì mức NIM ổn định nhất trong quý vừa qua.

# NIM SỤT GIẢM MẠNH HƠN Ở CÁC NGÂN HÀNG TƯ NHÂN

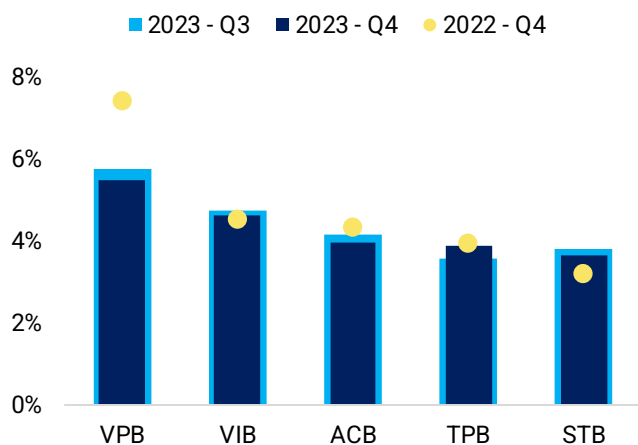
## Nhóm NHTM quốc doanh



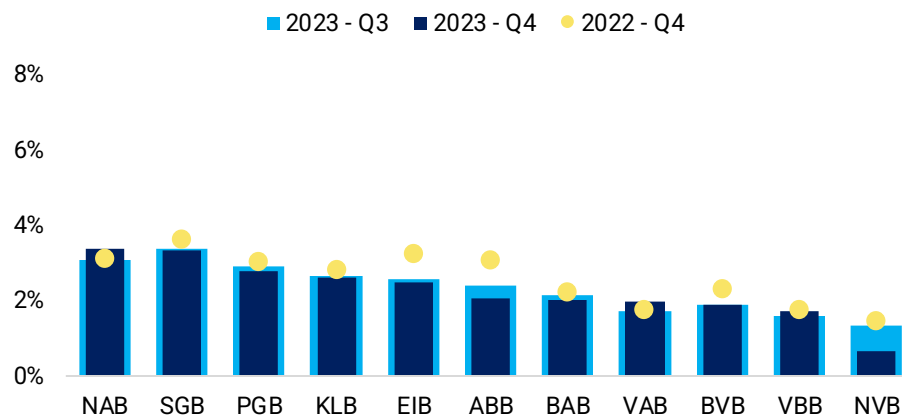
## Nhóm NHTM chuyên cho vay doanh nghiệp



## Nhóm NHTM chuyên cho vay cá nhân



## Nhóm NHTM khác



Mức NIM ghi nhận sự khác nhau đáng kể ở các ngân hàng trong các nhóm:

**Đối với nhóm quốc doanh:** NIM của các ngân hàng duy trì khá ổn định, chỉ có sự sụt giảm đáng kể nhất diễn ra ở VCB. Rõ ràng việc đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng với hơn +5% chỉ trong quý 4 cũng đã ảnh hưởng đến kể đến mức NIM của VCB.

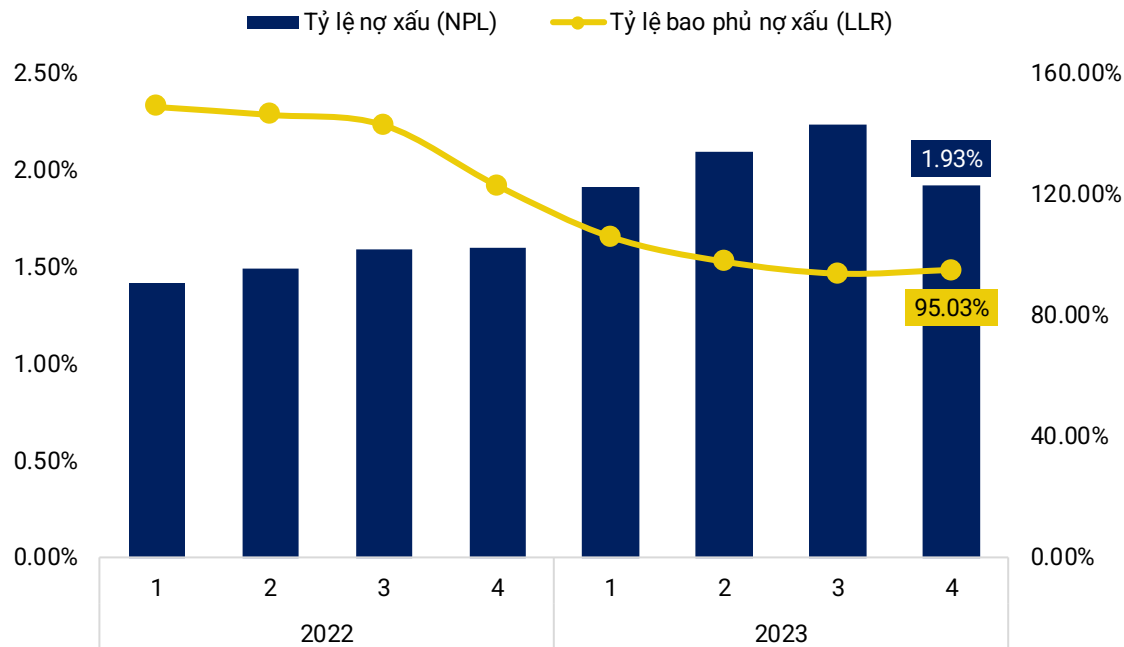
**Đối với nhóm chuyên cho vay doanh nghiệp:** Hầu như NIM của các ngân hàng đều có sự sụt giảm trong quý 4, đặc biệt nếu so với quý 4/2022 thì mức giảm lớn hơn rất nhiều. Mức NIM giảm nhiều nhất trong quý 4 thuộc về MBB. Tuy nhiên, nếu xét từ mức quý 4 thì TCB có mức NIM giảm rất lớn.

**Đối với nhóm chuyên cho vay cá nhân:** mức NIM của các ngân hàng trong nhóm này được duy trì ổn định (trừ VPB giảm mạnh so với cùng kỳ).

**Đối với nhóm NHTM khác:** Mức biến động NIM chênh lệch lớn, trong đó mức NIM giảm nhiều nhất là ở NVB.

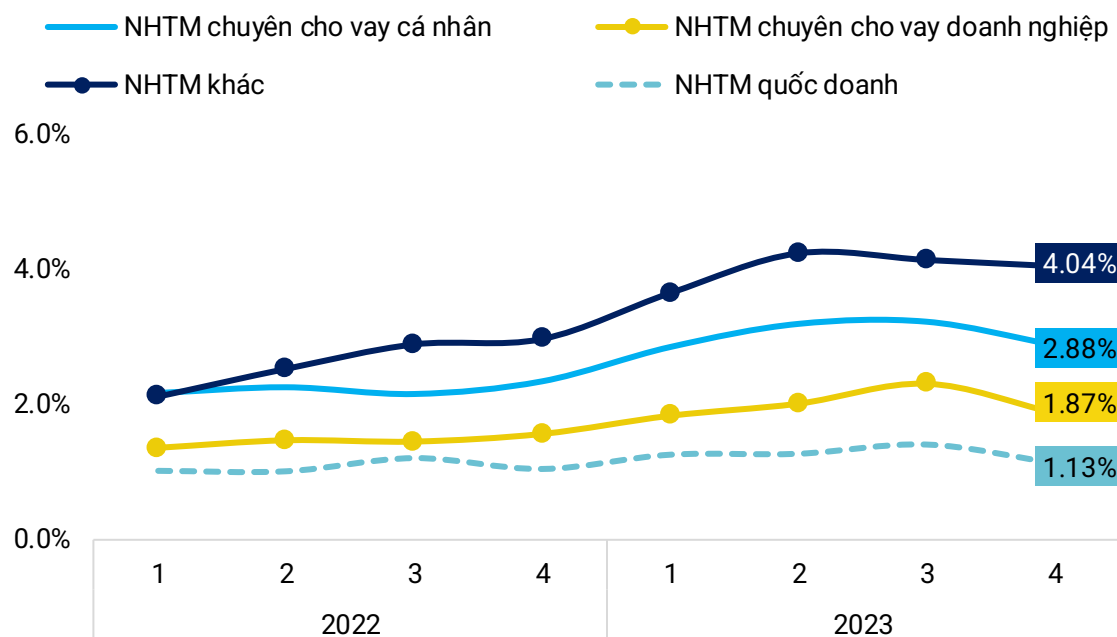
# NỢ XẤU SỤT GIẢM QUÝ 4 VỚI ĐIỂM NHẤN LÀ NHÓM NGÂN HÀNG CHO VAY DOANH NGHIỆP

## Tỷ lệ nợ xấu (NPL) của ngành ngân hàng



Tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng sụt giảm đáng kể trong quý 4 khi chỉ còn 1.93%, từ mức 2.24% cuối quý 3/2023. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng tăng trưởng tín dụng đã tăng mạnh trong quý 4 trước các chỉ đạo quyết liệt từ Chính phủ, điều đó cũng góp phần khiến cho giá trị nợ xấu trên quy mô của tổng tín dụng sụt giảm. Bên cạnh đó, việc tín dụng tăng trưởng rất nhanh trong quý vừa rồi cũng sẽ góp phần cơ cấu lại nợ vay cho một số doanh nghiệp, từ đó giảm tỷ lệ nợ xấu cho hệ thống.

## Tỷ lệ nợ xấu của 4 nhóm NHTM

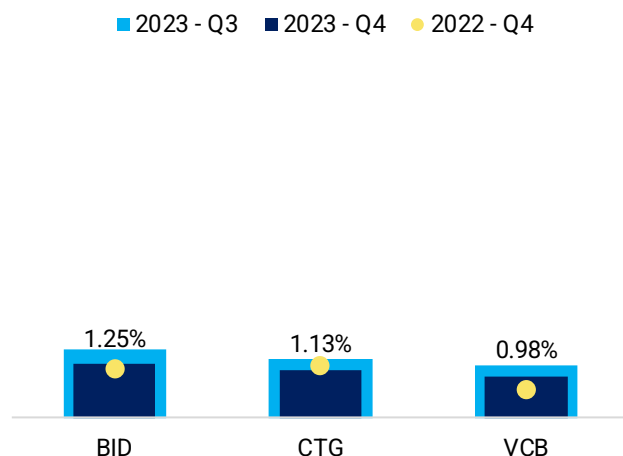


Tỷ lệ nợ xấu ghi nhận mức giảm ở tất cả các nhóm ngân hàng. Tuy nhiên, nhóm các ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp có mức giảm nợ xấu lớn nhất khi nợ xấu giảm từ mức 2.32% giảm xuống còn 1.87%. Đối với nhóm ngân hàng này thì nợ vay chủ yếu được giải ngân cho các nhóm doanh nghiệp lớn, đặc biệt là lĩnh vực bất động sản. Do đó, mức giảm nợ xấu của quý cũng là một điểm cần lưu ý. Đối với các nhóm ngân hàng còn lại thì mức giảm tỷ lệ nợ xấu chủ yếu đến từ việc tăng giá trị tuyệt đối dư nợ.

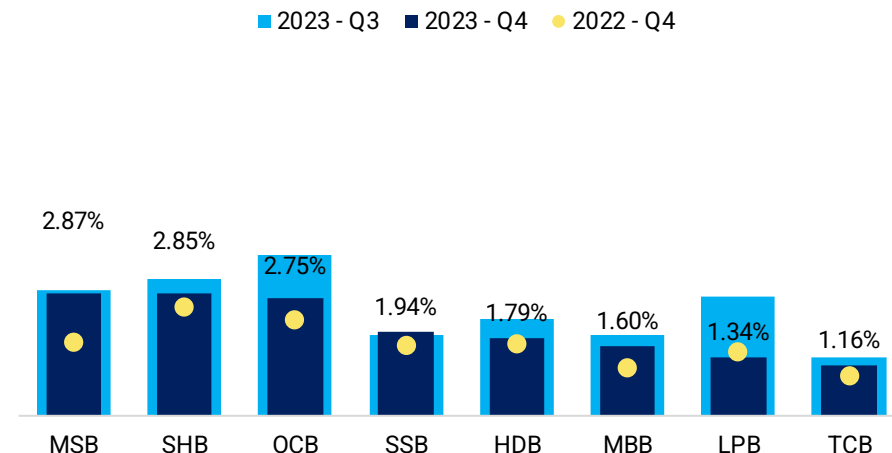


# NỢ XẤU SỤT GIẢM KHÁC NHAU Ở CÁC NGÂN HÀNG

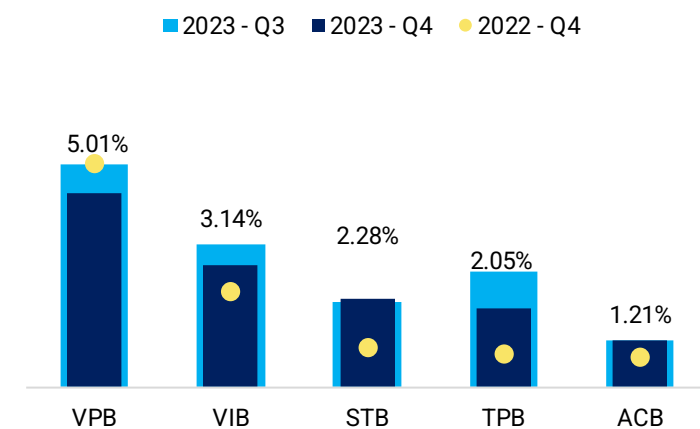
## Nhóm NHTM quốc doanh



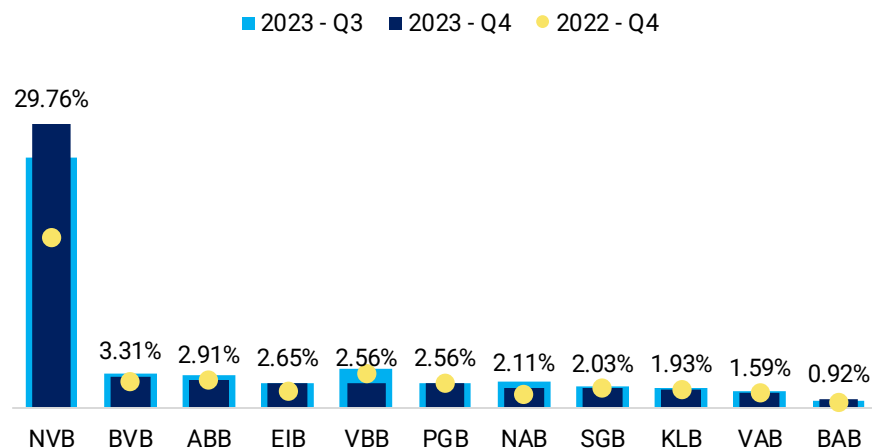
## Nhóm NHTM chuyên cho vay doanh nghiệp



## Nhóm NHTM chuyên cho vay cá nhân



## Nhóm NHTM khác



Sự thay đổi của tỷ lệ nợ xấu phân hóa giữa các ngân hàng trong các nhóm:

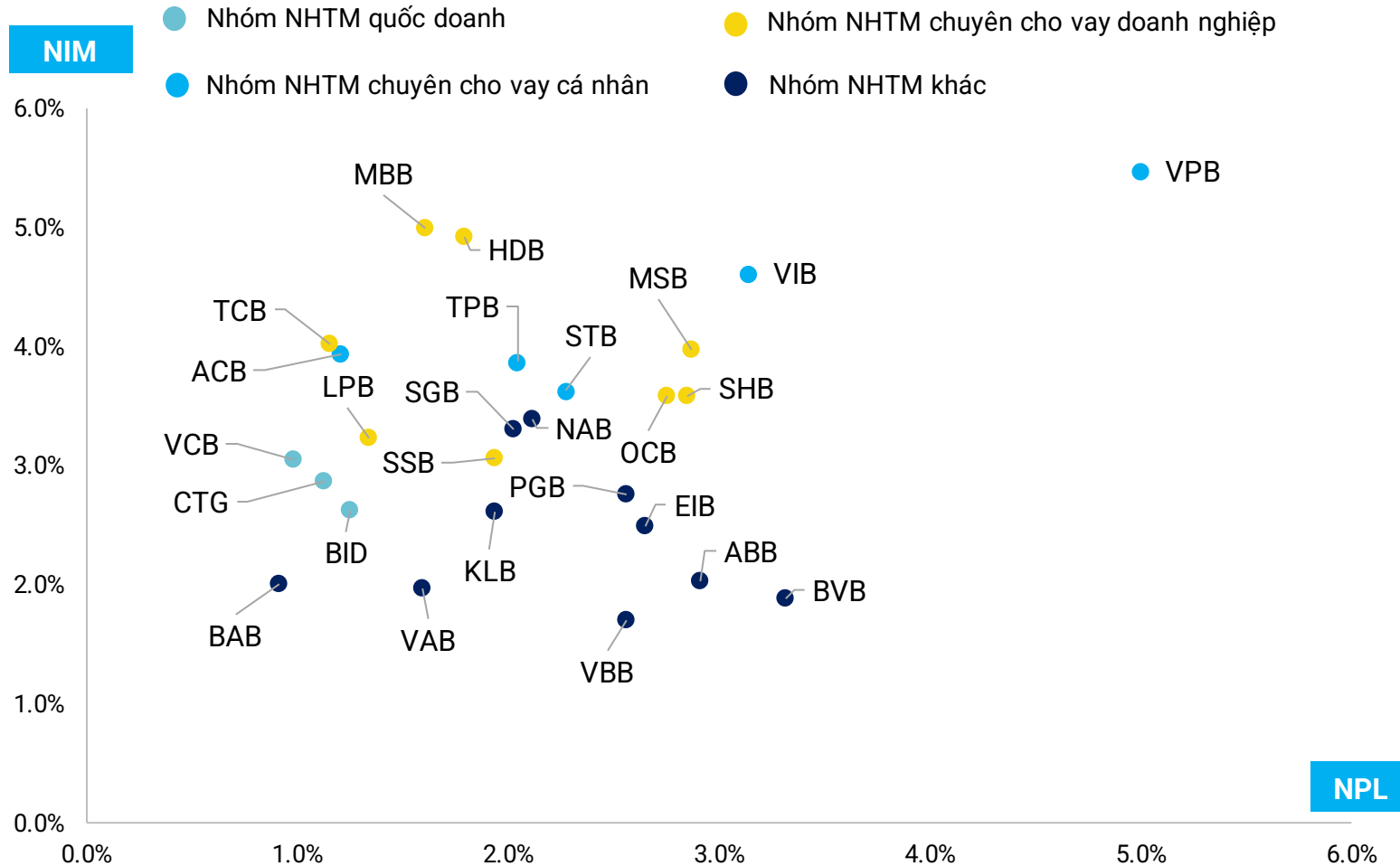
**Đối với nhóm ngân hàng quốc doanh:** Tỷ lệ nợ xấu giảm ổn định ở cả ba ngân hàng. VCB vẫn là ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu tốt nhất trong số đó, khi tỷ lệ nợ xấu chỉ ở mức 0.98%.

**Đối với nhóm NHTM chuyên cho vay doanh nghiệp:** Tỷ lệ nợ xấu sụt giảm nhiều nhất ở LPB khi ngân hàng giảm mạnh tỷ lệ nợ xấu từ mức 2.79% về mức 1.34%. Các ngân hàng khác trong nhóm cũng cho thấy mức tỷ lệ nợ xấu vẫn tiếp tục giảm trong quý 4.

**Đối với các NHTM chuyên cho vay cá nhân:** Xu hướng tương tự cũng diễn ra khi nợ xấu đều giảm nhẹ ở các ngân hàng duy chỉ có STB là có tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ.

**Đối với nhóm các ngân hàng khác:** Xu hướng cải thiện tỷ lệ nợ xấu không rõ ràng. Một số ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu tăng đột biến như NVB nhưng cũng có nhiều ngân hàng có mức nợ xấu tiếp tục giảm như ABB, VBB, NAB.

# TƯƠNG QUAN GIỮA NIM VÀ NỢ XẤU CỦA CÁC NHÓM NGÂN HÀNG Q4/2023



Tương quan giữa NIM và nợ xấu quý 4 vẫn tương đối rõ ràng giữa các nhóm ngân hàng:

**Nhóm ngân hàng quốc doanh** là những ngân hàng có mức NIM ở mức trung bình thấp và nợ xấu cũng thuộc nhóm thấp nhất trong hệ thống. Do có lợi thế về lãi suất nên nhóm ngân hàng này có thể lựa chọn được nhóm khách hàng tốt hơn.

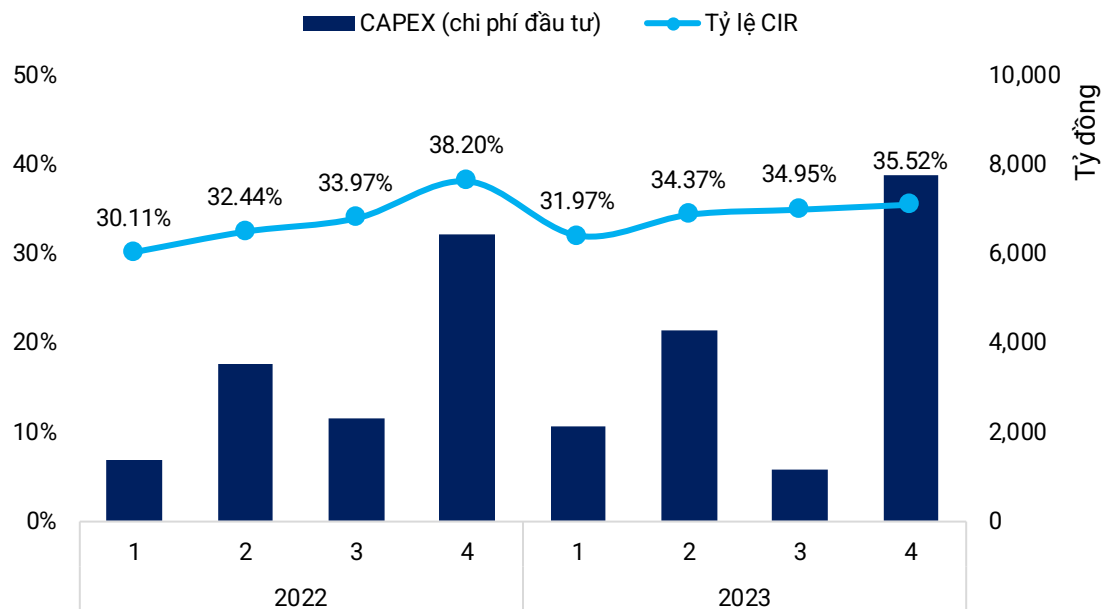
**Nhóm ngân hàng thiên về cho vay doanh nghiệp** là những ngân hàng có mức NIM cao và mức nợ xấu cũng ở mức tương đối cao so với mức trung bình.

**Nhóm ngân hàng thiên về cho vay cá nhân** là nhóm ngân hàng gồm những ngân hàng có NIM cao và tỷ lệ nợ xấu thấp do có mức độ đa dạng hóa rủi ro cao.

**Cuối cùng, nhóm các ngân hàng khác** tập trung các ngân hàng có mức NIM thấp và mức nợ xấu cao. Nhóm ngân hàng này gặp bất lợi nhiều trong việc cạnh tranh với ba nhóm ngân hàng còn lại.

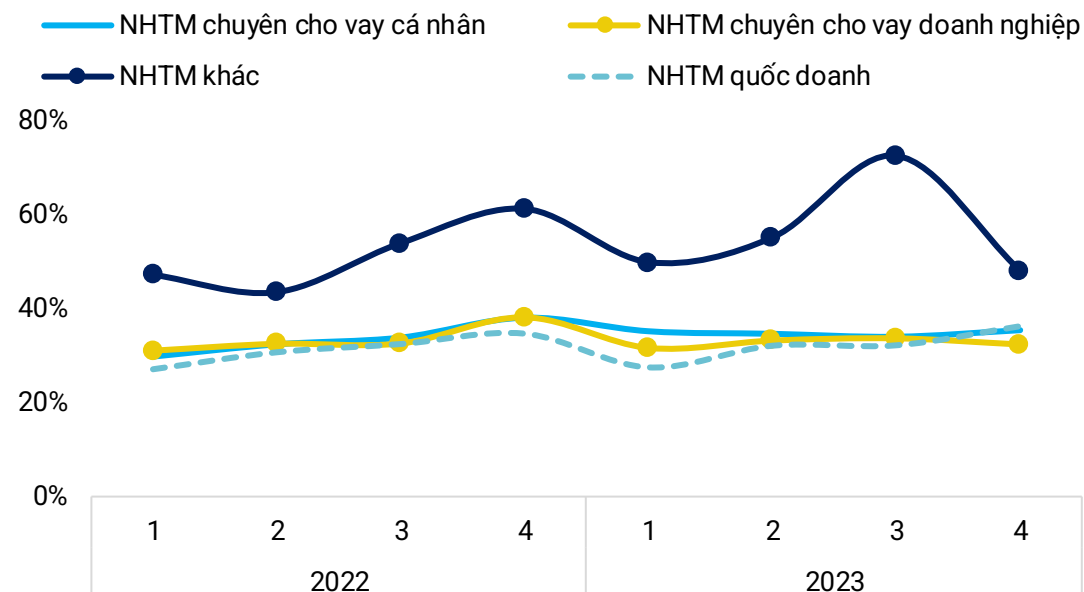
# CIR CỦA NGÀNH CÓ DẤU HIỆU BẢO HÒA

## CIR của ngành ngân hàng



**Tỷ lệ CIR của ngân hàng thương mại tiếp tục duy trì ổn định trong quý 4, khi vẫn ở mức 35.52%, tăng nhẹ so với quý trước.** Chi phí đầu tư của các ngân hàng thương mại tiếp tục gia tăng mạnh trong quý 4 khi toàn bộ các ngân hàng niêm yết có mức đầu tư hạ tăng lên đến gần 8,000 tỷ đồng. Việc chi phí đầu tư hạ tăng nhanh đã bù trừ những tác động lợi ích tài chính mà các chương trình số hóa mang lại cho ngân hàng, khiến CIR không cải thiện.

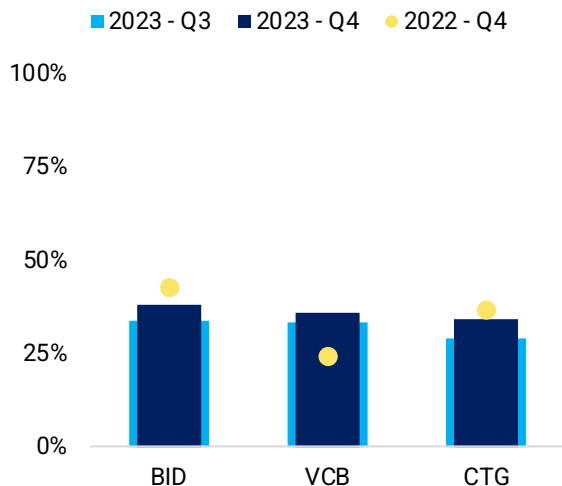
## CIR giữa các nhóm ngân hàng



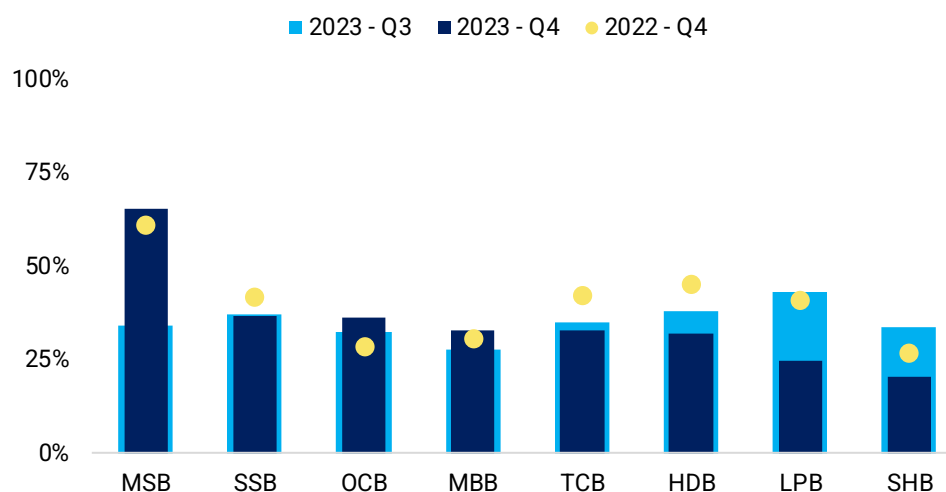
Xét theo nhóm ngân hàng thì trong quý 4 **nhóm các ngân hàng khác có tỷ lệ giảm CIR lớn nhất.** Khi tỷ lệ CIR của nhóm ngân hàng này đã giảm về mức khoảng gần 40%. Trong khi đó thì **hiệu quả CIR tốt nhất vẫn thuộc về nhóm ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp.** Nhìn chung thì mức CIR của ba nhóm ngân hàng này đều đi ngang trong suốt hai năm qua và chưa có sự cải thiện đột phá đáng kể.

# CIR BIẾN ĐỘNG LỚN NHẤT Ở CÁC NGÂN HÀNG TRONG NHÓM NGÂN HÀNG KHÁC

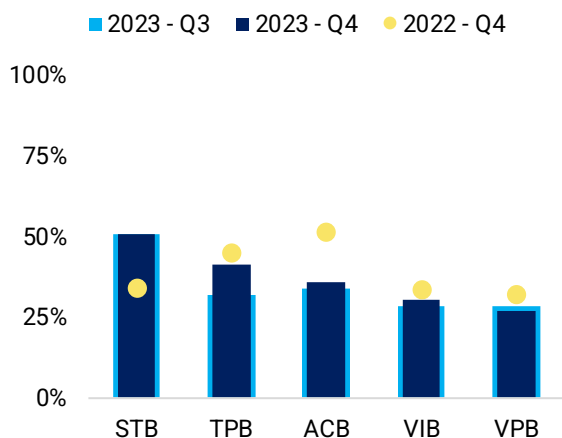
## Nhóm NHTM quốc doanh



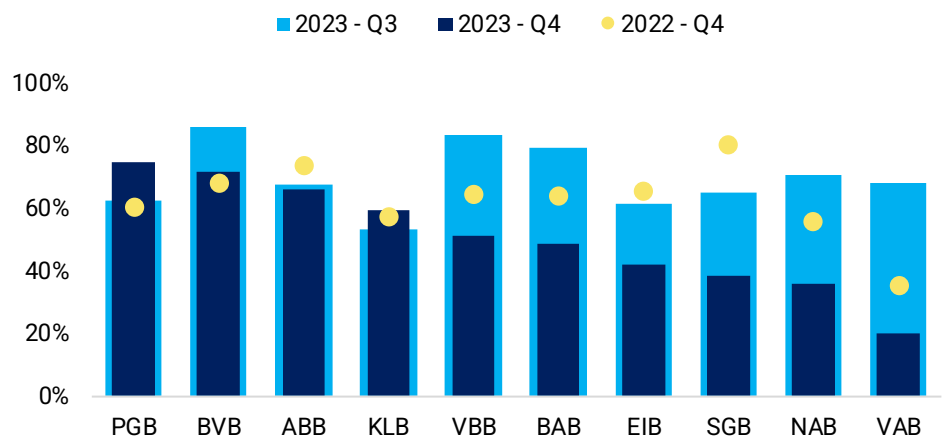
## Nhóm NHTM chuyên cho vay doanh nghiệp



## Nhóm NHTM chuyên cho vay cá nhân



## Nhóm NHTM khác



Xét chỉ số CIR đối với từng nhóm ngân hàng thì chúng ta có thể thấy:

**Đối với nhóm ngân hàng quốc doanh:** Chỉ số CIR gia tăng đều ở các ngân hàng này khi tốc độ tăng chi phí hoạt động nhanh hơn so với tốc độ tăng thu nhập.

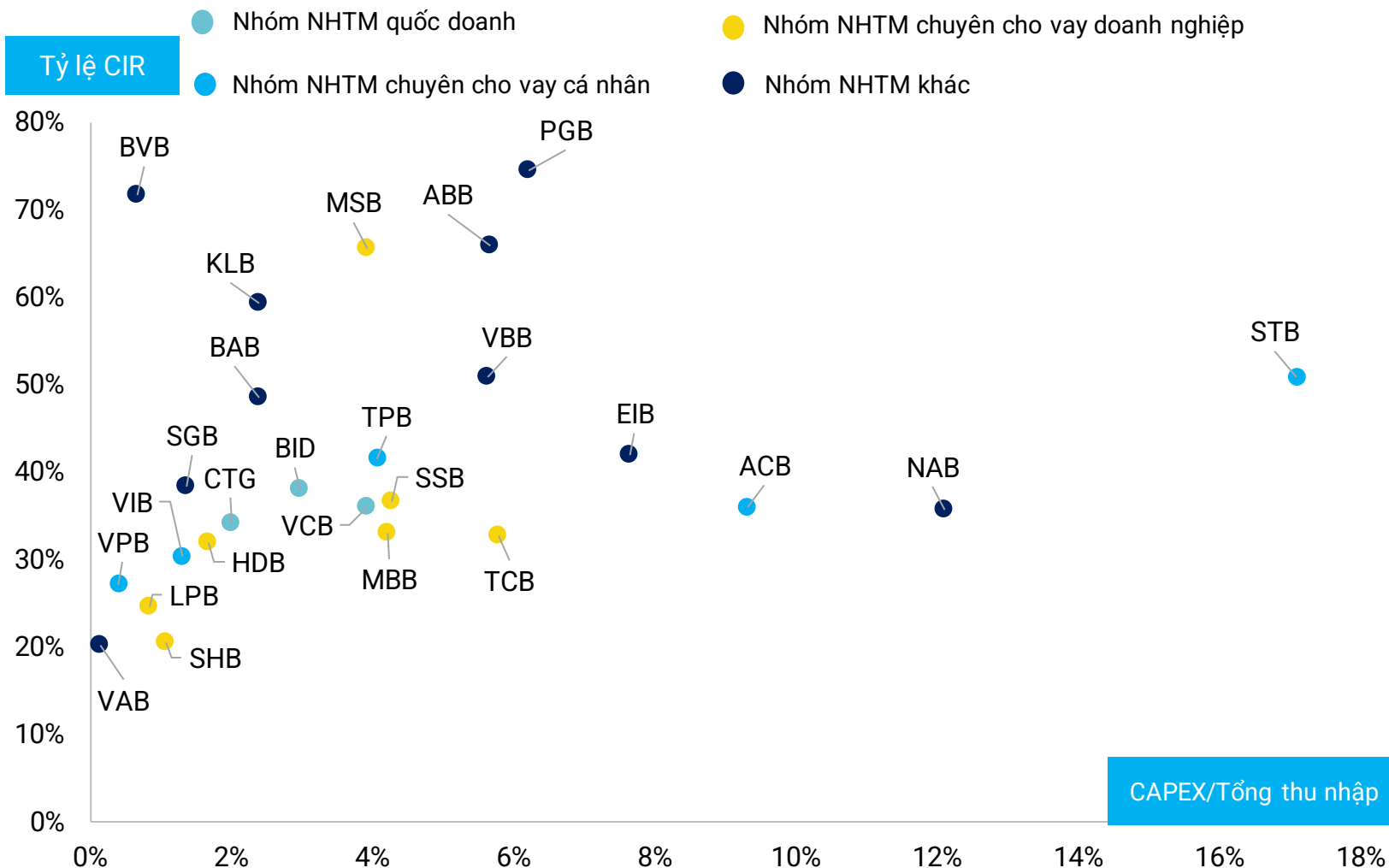
**Đối với nhóm ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp:** CIR tăng vọt tại MSB trong quý 4, so với cùng kỳ tăng thêm gần 5%. Trong khi đó, CIR cải thiện đáng kể tại HDB, LPB và SHB.

**Đối với nhóm ngân hàng chuyên cho vay cá nhân:** Trong khi phần lớn các ngân hàng đều duy trì CIR ổn định so với quý trước thì chỉ có TPB có mức tăng CIR đáng kể nhất.

**Đối với nhóm ngân hàng khác:** Hệ số CIR được cải thiện mạnh ở phần lớn các ngân hàng, trong đó những ngân hàng có mức CIR cải thiện mạnh nhất là VBB, BAB, SGB, NAB và VAB.



# TƯƠNG QUAN GIỮA CIR VÀ TỶ LỆ CHI PHÍ ĐẦU TƯ CAPEX/TỔNG THU NHẬP Q4/2023



Tương quan giữa chỉ số CIR với tỷ lệ chi phí đầu tư CAPEX có sự khác biệt giữa các nhóm ngân hàng:

**Nhóm ngân hàng quốc doanh:** Tỷ lệ chi phí CIR đang khá tương đồng giữa các ngân hàng tuy nhiên VCB đang đang thể hiện phần đầu tư vượt trội so với hai ngân hàng còn lại (4% so với 2%).

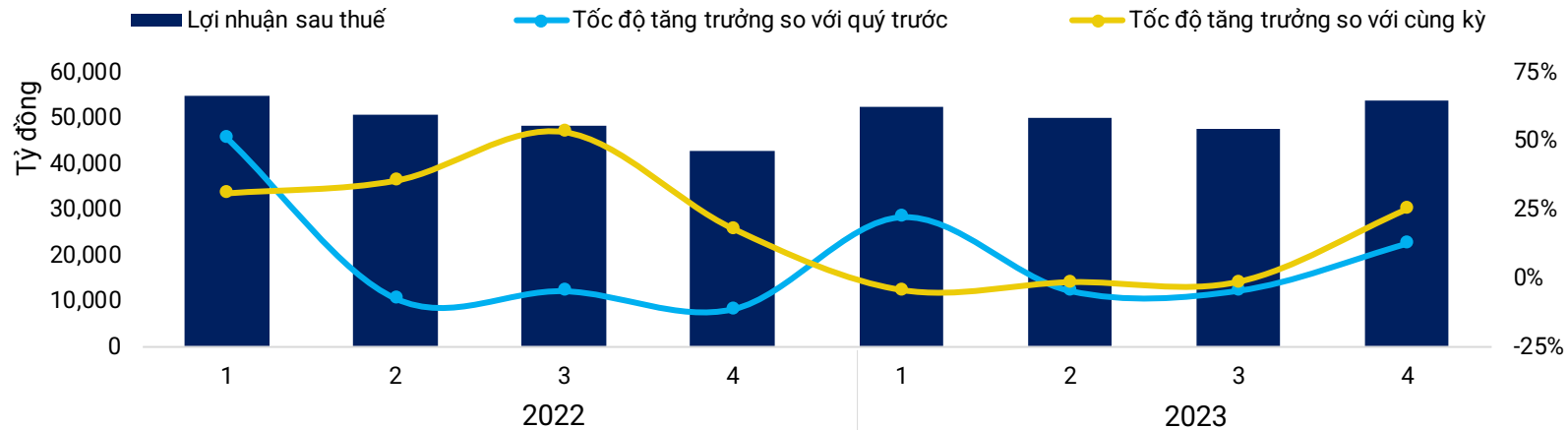
**Nhóm ngân hàng thiên về cho vay doanh nghiệp** là những ngân hàng có tỷ lệ CIR tốt hơn so với nhóm ngân hàng quốc doanh. Trong đó, thì các ngân hàng như TCB, MBB và SSB có tỷ lệ đầu tư CAPEX tốt hơn (Từ 5-6%)

**Nhóm ngân hàng thiên về cho vay cá nhân** là nhóm ngân hàng có tỷ lệ CIR thấp hơn hẳn so với mức trung bình của thị trường. ACB và STB là những ngân hàng có quy mô lớn đầu tư nhiều về tỷ lệ CAPEX nhất.

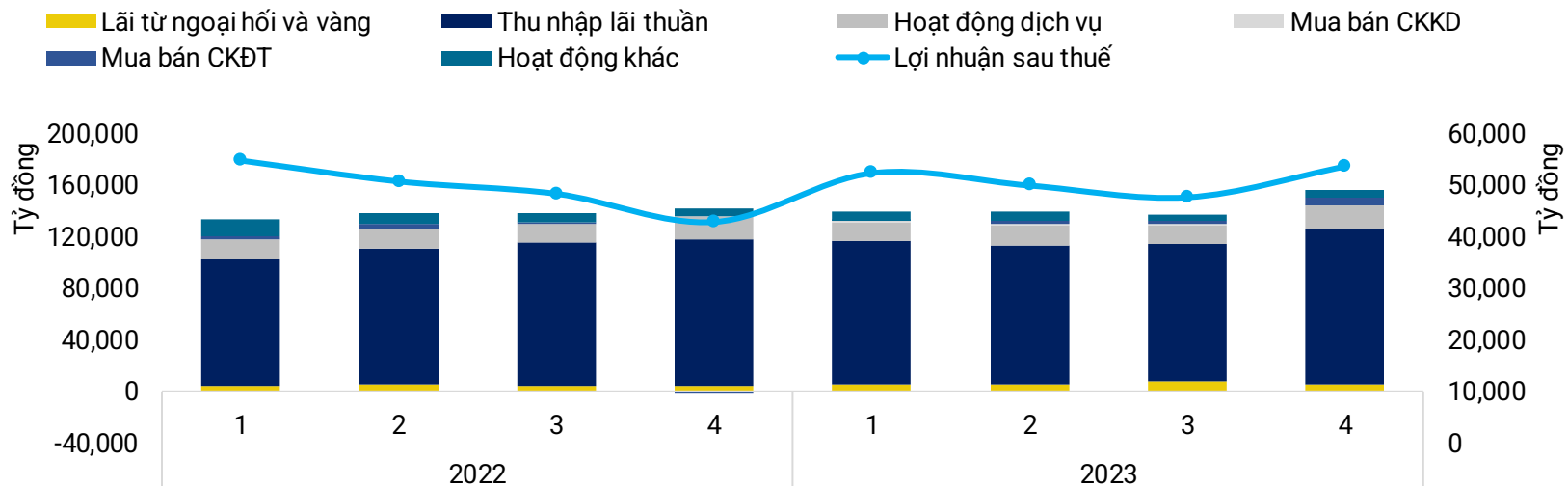
**Cuối cùng, nhóm các ngân hàng khác** có tỷ lệ CIR cao hơn hẳn so với các nhóm còn lại, nhiều ngân hàng trong nhóm đang đẩy mạnh đầu tư với tỷ lệ CAPEX cao.

# LỢI NHUẬN TOÀN NGÀNH QUÝ 4/2023 BẤT NGỜ TĂNG MẠNH

## Xu hướng lợi nhuận của ngành ngân hàng theo thời gian



## Xu hướng và cơ cấu thu nhập của ngành ngân hàng theo thời gian



Sau những quý sụt giảm, lợi nhuận ngành ngân hàng trong quý 4 đã phục hồi mạnh mẽ

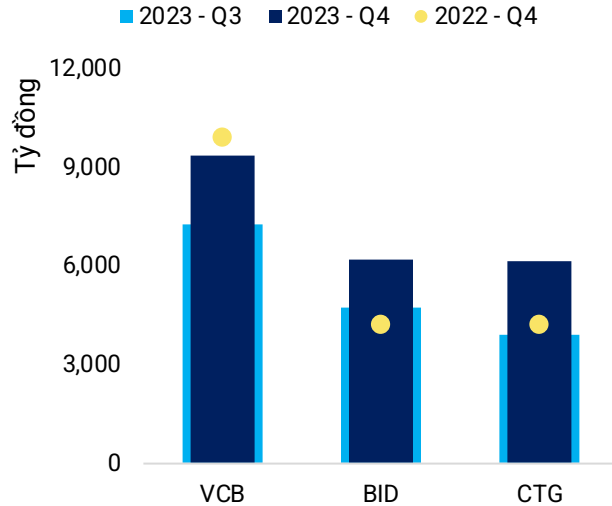
với tăng trưởng 25% so với cùng kỳ năm trước, đồng thời mức tăng trưởng cũng cao hơn nếu so sánh với các quý khác trong năm. Đây là một điểm rất tích cực đối với ngành khi mức kỳ vọng ban đầu của thị trường đối với lợi nhuận ngành ngân hàng đã không được lạc quan, trước những áp lực lớn từ nợ xấu.

Một điểm đáng tích cực của quý 4 về kết quả kinh doanh nhóm ngành ngân hàng là sự tăng trưởng mạnh của hoạt động dịch vụ, khi mảng này tăng trưởng 24.75% so với quý trước đó.

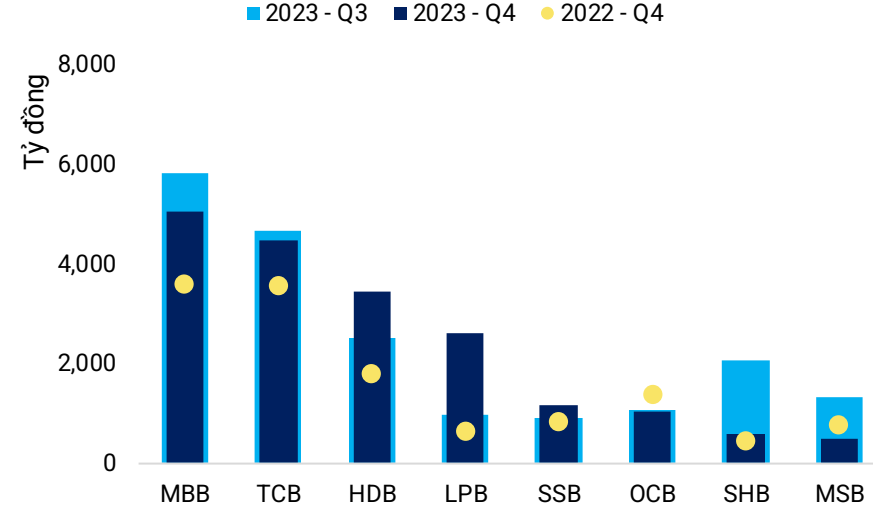
Lãi hoạt động đầu tư trái phiếu tăng mạnh so với cùng kỳ khi nhiều ngân hàng đón đầu xu hướng giảm lãi suất, đã đóng góp vào tăng trưởng lợi nhuận chung.

# LỢI NHUẬN SAU THUẾ CẢI THIỆT MẠNH Ở NHÓM CÁC NGÂN HÀNG TƯ NHÂN

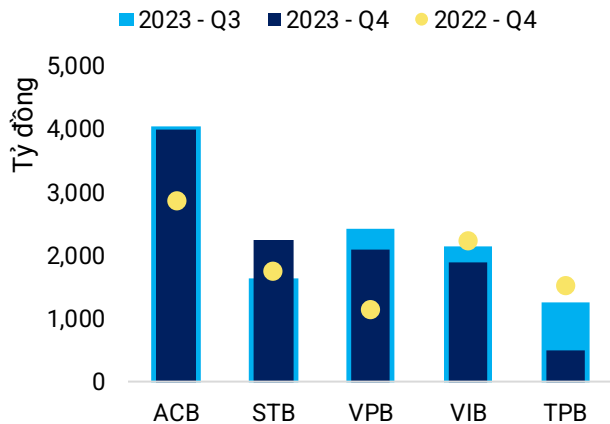
## Nhóm NHTM quốc doanh



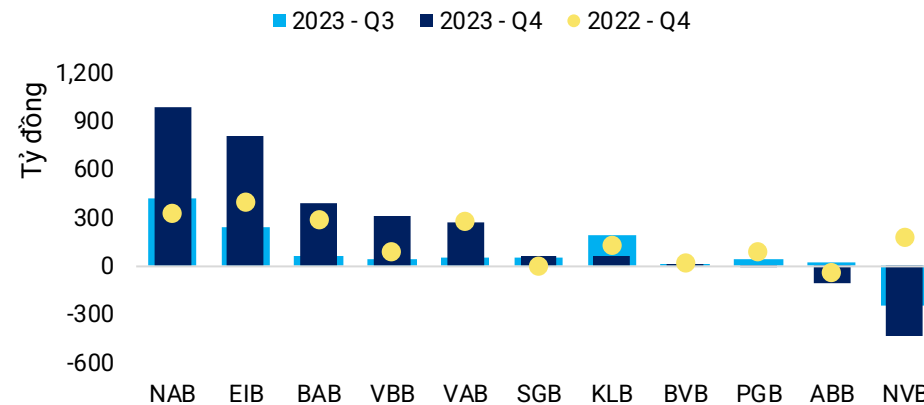
## Nhóm NHTM chuyên cho vay doanh nghiệp



## Nhóm NHTM chuyên cho vay cá nhân



## Nhóm NHTM khác



Tăng trưởng lợi nhuận vẫn có sự phân hóa đáng kể giữa các ngân hàng trong nhóm:

**Đối với nhóm ngân hàng quốc doanh:** Đây là nhóm có mức đóng góp lớn về lợi nhuận cho toàn ngành, trong đó chủ yếu đến từ VCB.

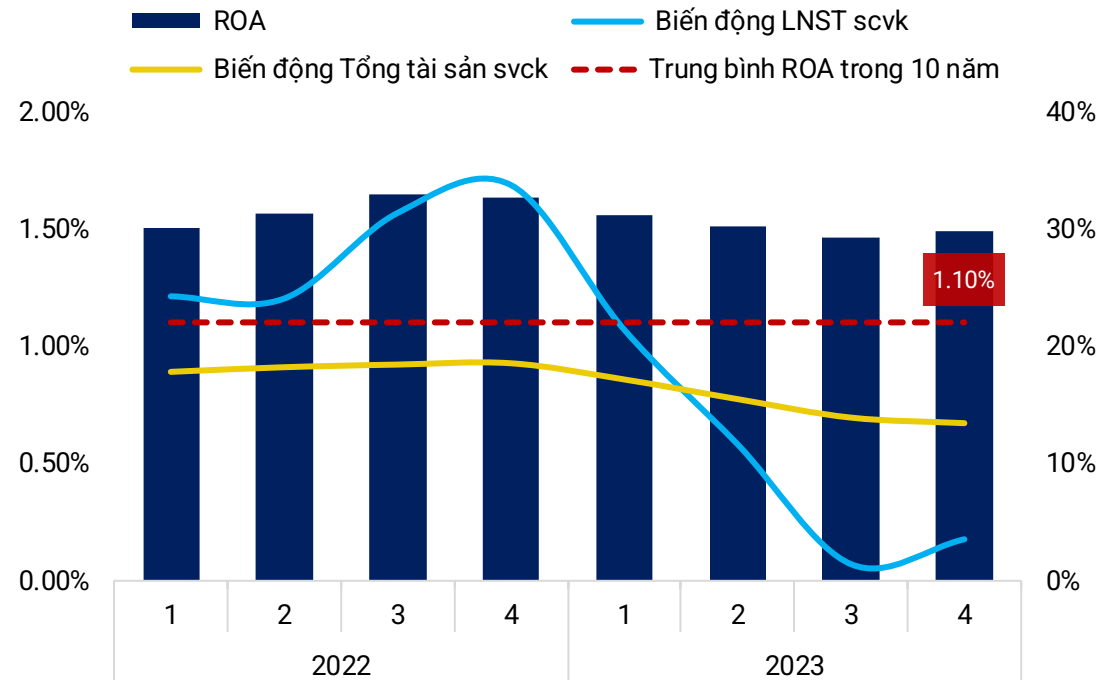
**Đối với các ngân hàng thiên về cho vay doanh nghiệp:** Những ngân hàng như MBB, TCB hay HDB có mức tăng trưởng thu nhập tốt so với cùng kỳ do tăng trưởng tín dụng tốt trong quý 4.

**Đối với nhóm ngân hàng chuyên cho vay cá nhân:** Lợi nhuận nhóm này ghi nhận mức sụt giảm so với quý trước do chính sách tín dụng thận trọng hơn trong năm, đáng kể nhất là TPB.

**Đối với nhóm các ngân hàng khác:** Lợi nhuận biến động lớn tại các ngân hàng, cải thiện nhiều nhất ở NAB và EIB.

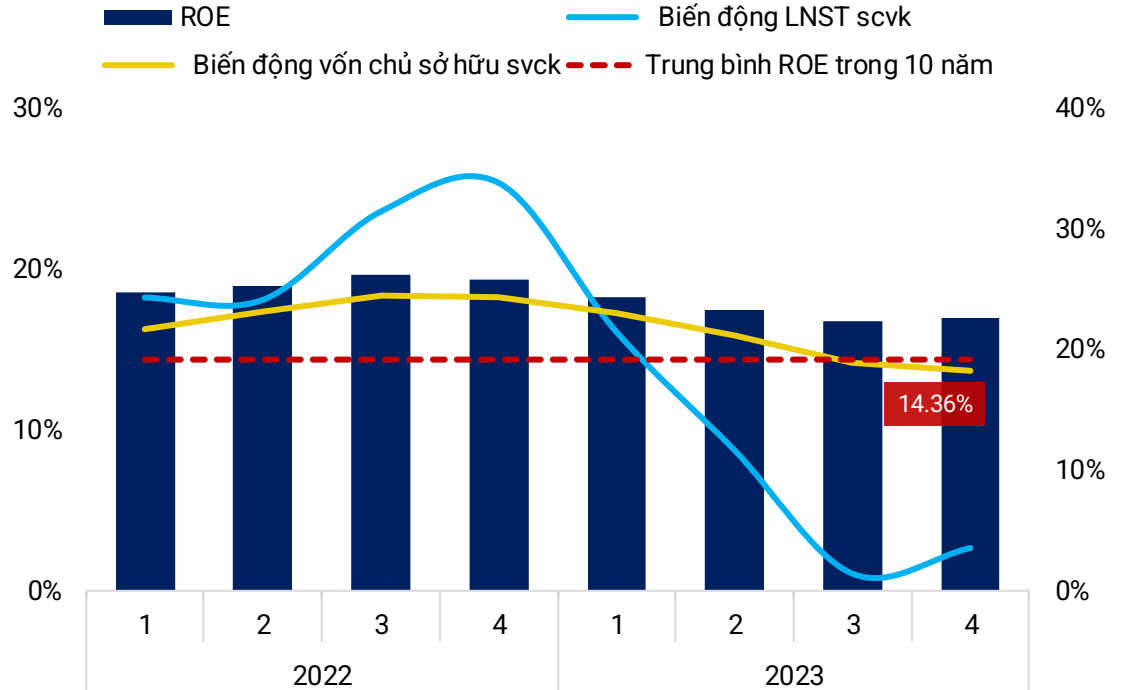
# MỨC SINH LỜI ROA VÀ ROE ĐÃ TẠO ĐÁY TRONG QUÝ 3

## Biểu đồ ROA của ngành ngân hàng theo thời gian



**ROA của hệ thống ngân hàng đã tăng trở lại mức 1.49% sau khi giảm liên tục trong bốn quý trước đó.** Việc lợi nhuận sau thuế tăng trưởng kém là nguyên nhân chính khiến cho ROA sụt giảm trong giai đoạn trước. Trong khi tại quý 4, mức tăng cao hơn của lợi nhuận sau thuế là yếu tố chính giúp cải thiện ROA của ngành. Nguyên nhân chủ yếu đến từ cả sự cải thiện trong mức tăng trưởng tín dụng và hiệu quả của hoạt động cung cấp dịch vụ.

## Biểu đồ ROE của ngành ngân hàng theo thời gian

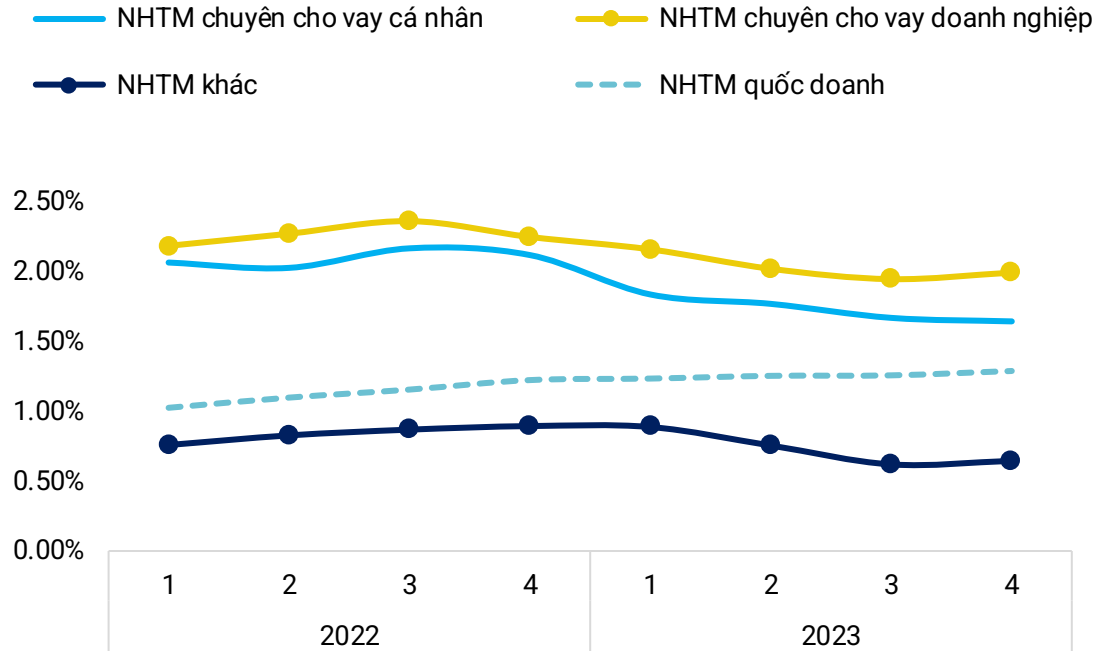


Tương tự như ROA, ROE của ngân hàng có sự cải thiện tương đối so với mức đáy trong quý 3/2023. **Sự cải thiện trong ROA chính là yếu tố chính thúc đẩy sự cải thiện của ROE của toàn ngành,** trong khi mức đòn bẩy tài chính của ngành vẫn được duy trì ổn định so với các kỳ trước. Hiện tại, cả mức ROA và ROE vẫn nằm trong khu vực mức trung bình dài hạn trong vòng 10 năm qua.

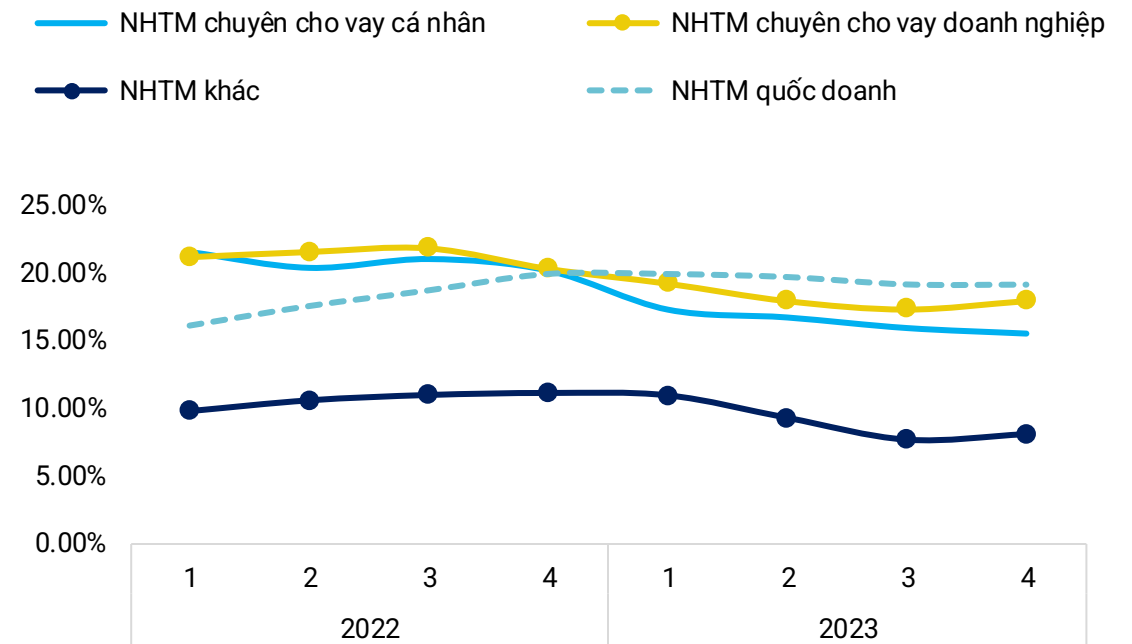


# HIỆU QUẢ SINH LỜI CÓ SỰ PHÂN HÓA GIỮA CÁC NHÓM NGÂN HÀNG

## Biểu đồ ROA của các nhóm ngân hàng



## Biểu đồ ROE của các nhóm ngân hàng

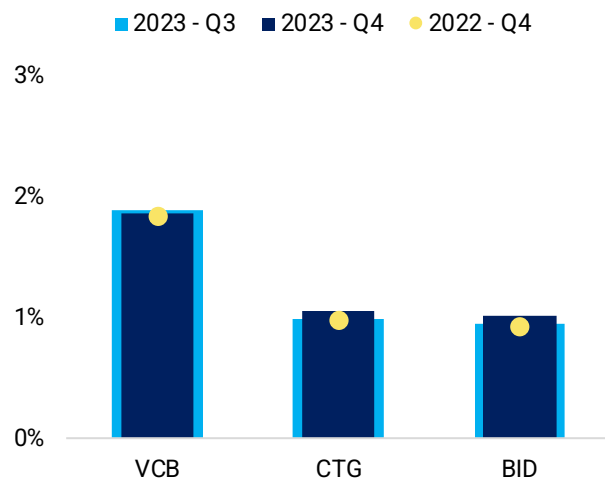


ROA biến động khác nhau giữa các nhóm ngân hàng trong quý 4. **Mức ROA cải thiện rõ rệt nhất ở nhóm các ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp.** Trong khi ROA của nhóm ngân hàng chuyên cho vay cá nhân lại sụt giảm. ROA của nhóm ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp cũng là cao nhất thị trường. Mức ROA của nhóm ngân hàng quốc doanh trong xu hướng cải thiện nhẹ trong vòng hai năm qua và duy trì xu hướng này trong quý 4.

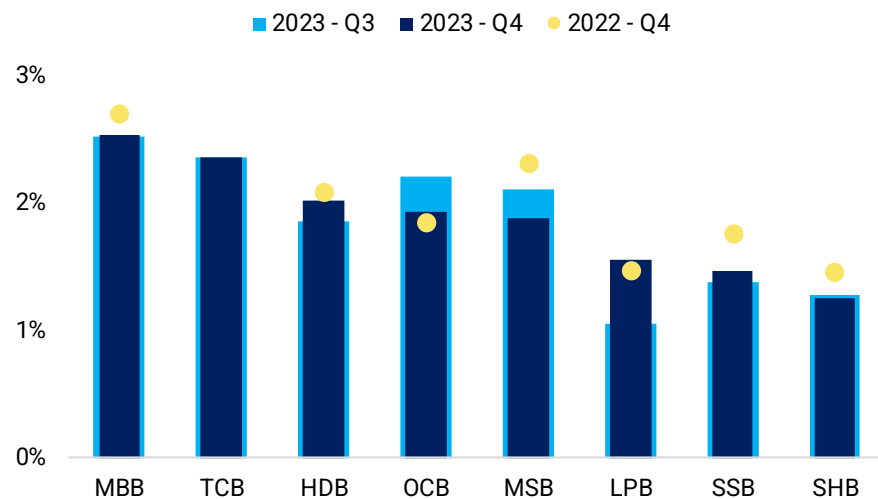
**ROE có sự biến động tương đồng với mức ROA ở từng nhóm ngân hàng,** do trong kỳ không có sự thay đổi đáng kể về cấu trúc nguồn vốn ở các ngân hàng. Tuy nhiên, **các ngân hàng quốc doanh lại đang dẫn đầu về mức ROE, hiện vào khoảng 20%.** Các ngân hàng quốc doanh được lợi thế bởi đòn bẩy tài chính tốt có mức khuếch đại ROA cũng lớn hơn. Theo sau đó là nhóm ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp và chuyên cho vay cá nhân. Nhóm các ngân hàng khác có hiệu quả sinh lời thấp hơn hẳn so với phần còn lại.

# ROA CÓ MỨC CẢI THIỆN ĐÁNG KỂ TẠI NHÓM NGÂN HÀNG QUỐC DOANH

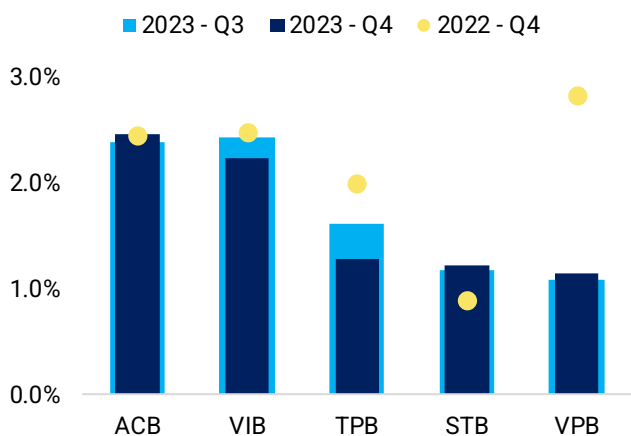
## Nhóm NHTM quốc doanh



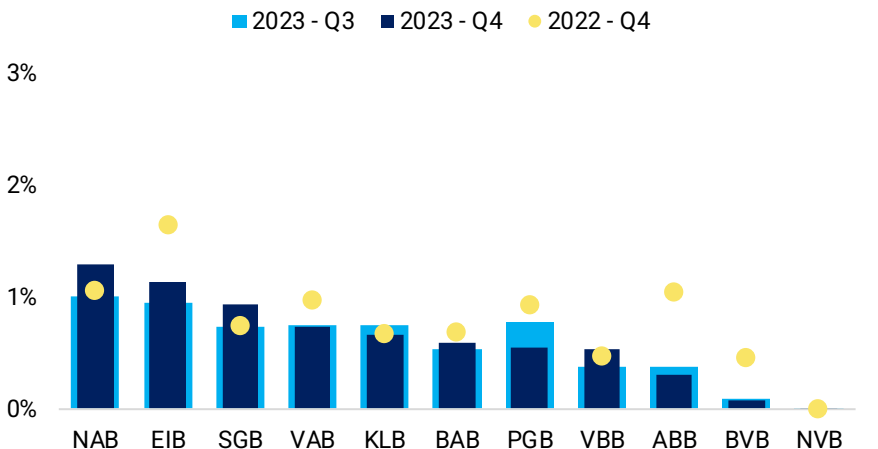
## Nhóm NHTM chuyên cho vay doanh nghiệp



## Nhóm NHTM chuyên cho vay cá nhân



## Nhóm NHTM khác



Xét về mức sinh lời ROA giữa các ngân hàng trong từng nhóm:

**Nhóm các ngân hàng quốc doanh:** CTG và BID có sự cải thiện tốt về mức ROA trong khi đó VCB lại có ROA sụt giảm trong quý 4, do những nỗ lực tăng trưởng tín dụng.

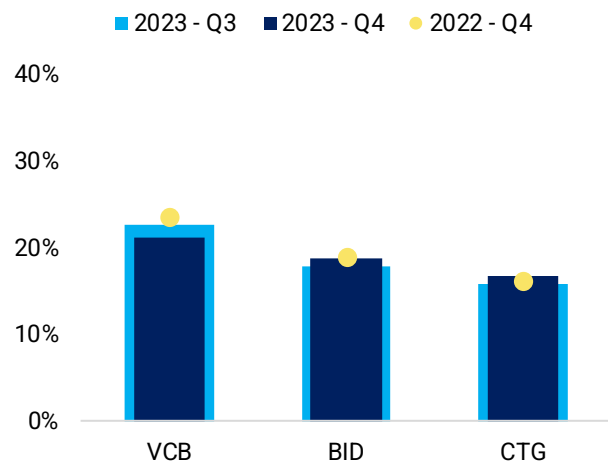
**Nhóm các ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp:** ROA của nhóm ngân hàng có quy mô lớn như MBB và TCB duy trì ổn định trong khi đó ROA cải thiện ở HDB và LPB. OCB và MSB lại là hai ngân hàng có mức ROA sụt giảm nhiều nhất.

**Nhóm các ngân hàng chuyên cho vay cá nhân:** so với cùng kỳ, xu hướng giảm là chủ đạo trong nhóm này. Mức sụt giảm ghi nhận nhiều nhất ở VIB và TPB.

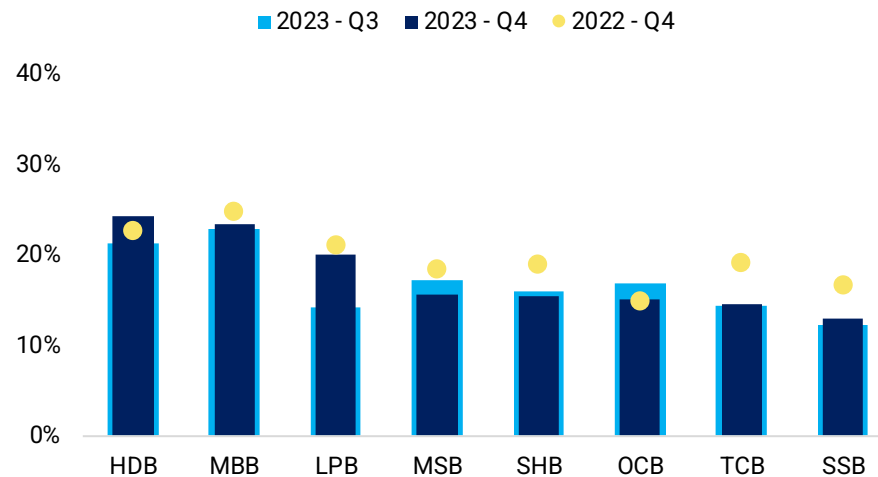
**Nhóm các ngân hàng khác:** Các ngân hàng trong nhóm ngân hàng khác có sự thay đổi lớn trong mức ROA. Trong đó mức cải thiện nhiều nhất diễn ra ở các ngân hàng NAB, EIB, SGB và VBB.

# DIỄN BIẾN TƯƠNG TỰ XẢY RA Ở MỨC ROE KHI ĐÒN BẨY CỦA CÁC NGÂN HÀNG KHÔNG THAY ĐỔI

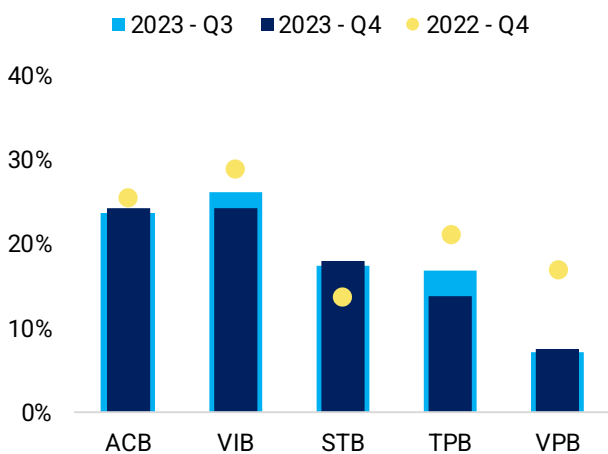
## Nhóm NHTM quốc doanh



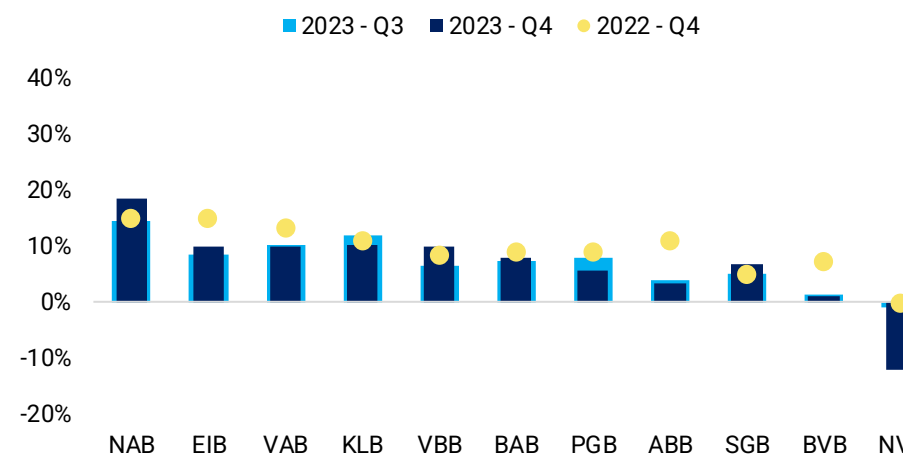
## Nhóm NHTM chuyên cho vay doanh nghiệp



## Nhóm NHTM chuyên cho vay cá nhân



## Nhóm NHTM khác



Xét về mức sinh lời ROE giữa các ngân hàng trong từng nhóm:

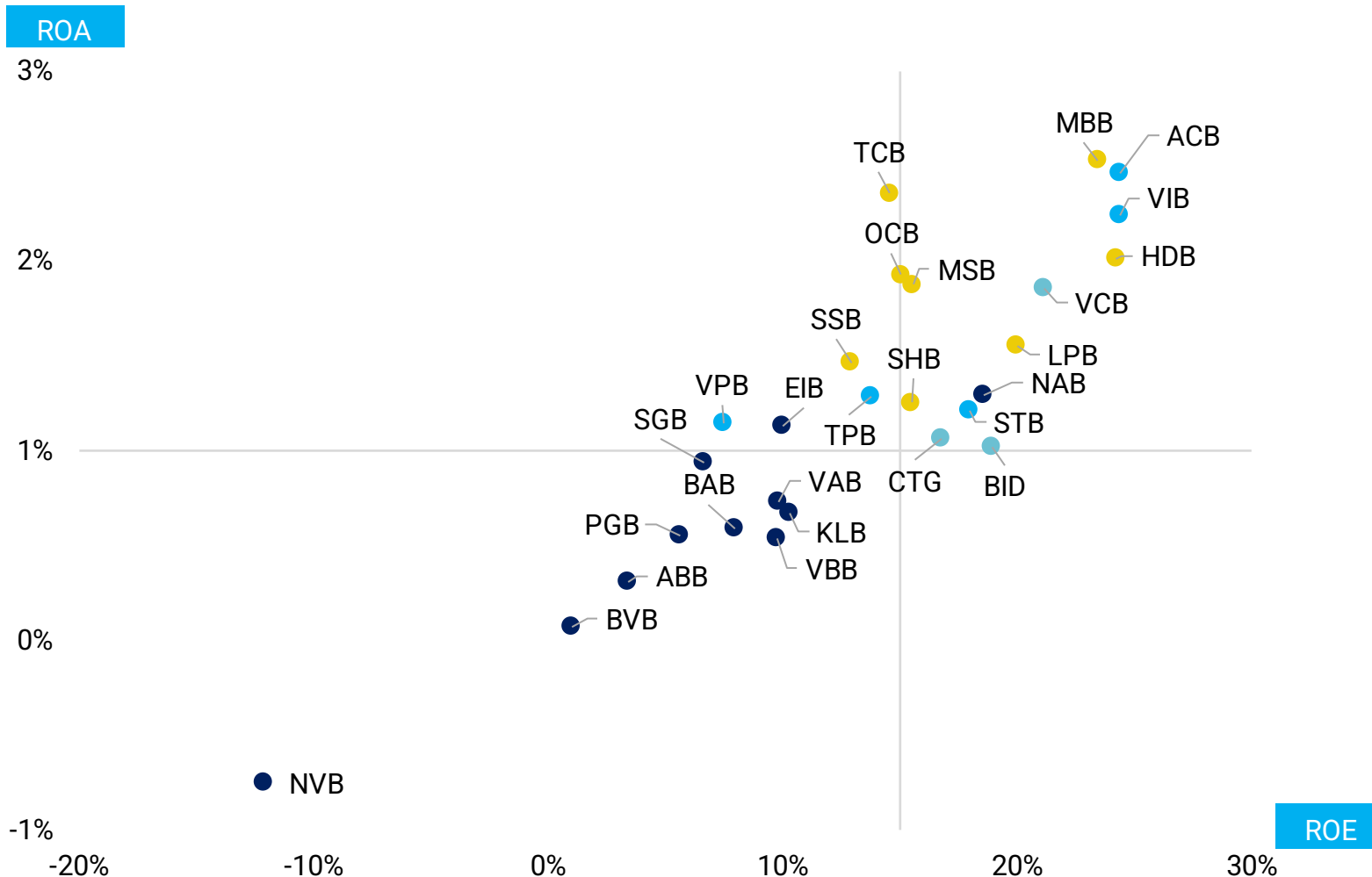
**Nhóm các ngân hàng quốc doanh:** CTG và BID có sự cải thiện tốt về mức ROE trong khi đó VCB có mức ROE sụt giảm trong quý 4, do mức NIM thấp khiến thu nhập lãi thuần giảm gần 14% so với cùng kỳ.

**Nhóm các ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp:** ROE của nhóm ngân hàng quy mô lớn như MBB và TCB duy trì ổn định trong khi đó ROA cải thiện ở HDB và LPB. OCB và MSB lại là hai ngân hàng có mức ROE sụt giảm nhiều nhất.

**Nhóm các ngân hàng chuyên cho vay cá nhân:** Xu hướng giảm là xu hướng chủ đạo trong nhóm này. Mức sụt giảm ghi nhận nhiều nhất ở VIB và TPB.

**Nhóm các ngân hàng khác:** Các ngân hàng trong nhóm ngân hàng khác có sự thay đổi lớn trong mức ROE. Trong đó mức cải thiện nhiều nhất nằm ở NAB, SGB và VBB.

# TƯƠNG QUAN TRONG MỨC SINH LỜI ROA VÀ ROE QUÝ 4/2023



Tương quan giữa chỉ số ROA và ROE phản ánh sự khác biệt trong mức sinh lời giữa các nhóm ngân hàng.

**Đối với nhóm ngân hàng quốc doanh:** Nhóm này có mức ROA ở mức trung bình thấp nhưng nhờ đòn bẩy tài chính tốt mà mức sinh lời ROE nằm trong mức cao.

**Đối với nhóm ngân hàng cho vay doanh nghiệp:** Các ngân hàng này có mức sinh lời ROA tốt nhất. Tuy nhiên do mức đòn bẩy tài chính thường sử dụng thấp, do đó giới hạn mức sinh lời của ROE.

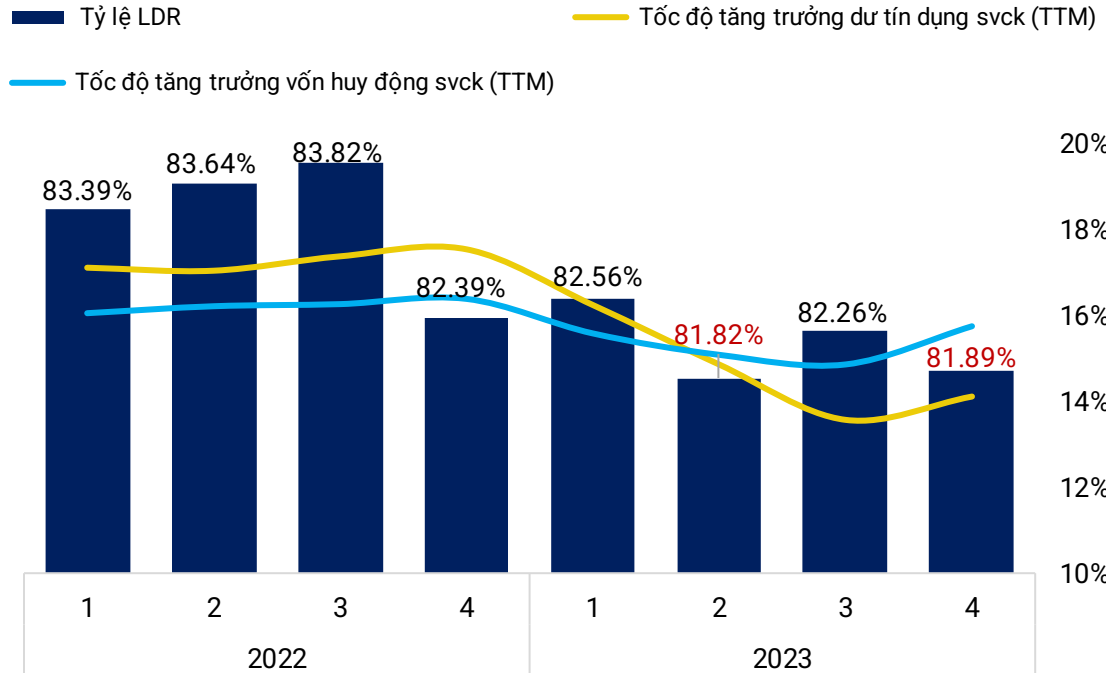
**Đối với nhóm ngân hàng chuyên cho vay cá nhân:** Nhóm này có sự phân hóa rõ rệt giữa các ngân hàng trong nhóm, khi ACB và VIB có hiệu quả sinh lời ROA và ROE tốt nhất.

**Đối với nhóm ngân hàng khác:** Mức sinh lời của các ngân hàng khác có sự tương đồng cao khi có đặc điểm chung là mức sinh lời thấp và ổn định.

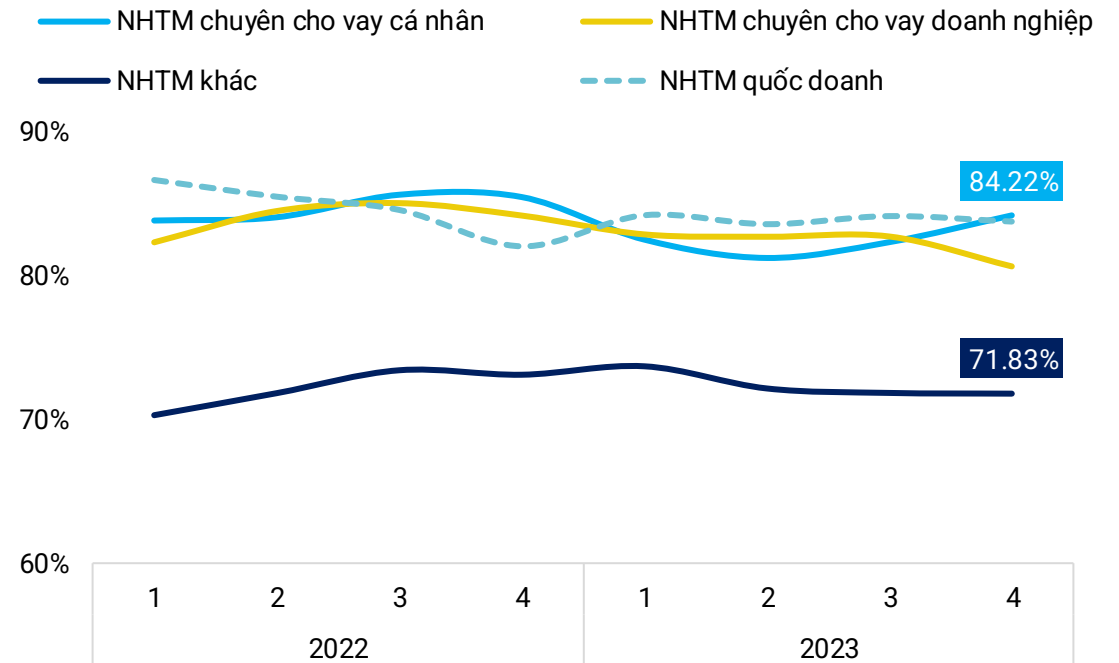


# LDR SỤT GIẢM, CHỦ YẾU ĐẾN TỪ CÁC NGÂN HÀNG CHUYÊN CHO VAY DOANH NGHIỆP

## Tỷ lệ LDR ngành ngân hàng



## Tỷ lệ LDR theo các nhóm ngân hàng

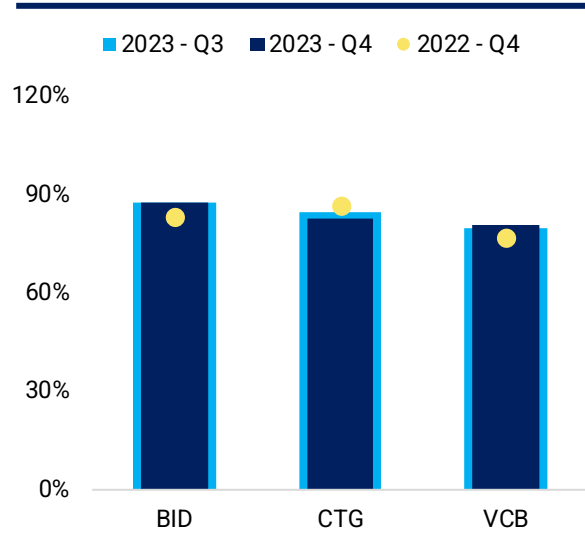


**Tỷ lệ LDR tiếp tục giảm trong 2 năm gần đây.** Đến quý 4, quy mô vốn huy động được đẩy mạnh cũng như số dư tín dụng tăng trưởng vừa phải so với quý 3/2023. Cuối năm 2023, tỷ lệ LDR đạt 81.89%, duy trì ở mức thấp trong vòng nhiều quý vừa qua, đã góp phần giúp thanh khoản của hệ thống ổn định. Với sức cầu tín dụng thấp và kinh tế yếu, tỷ lệ LDR có thể tiếp tục giữ ở mức thấp trong năm 2024.

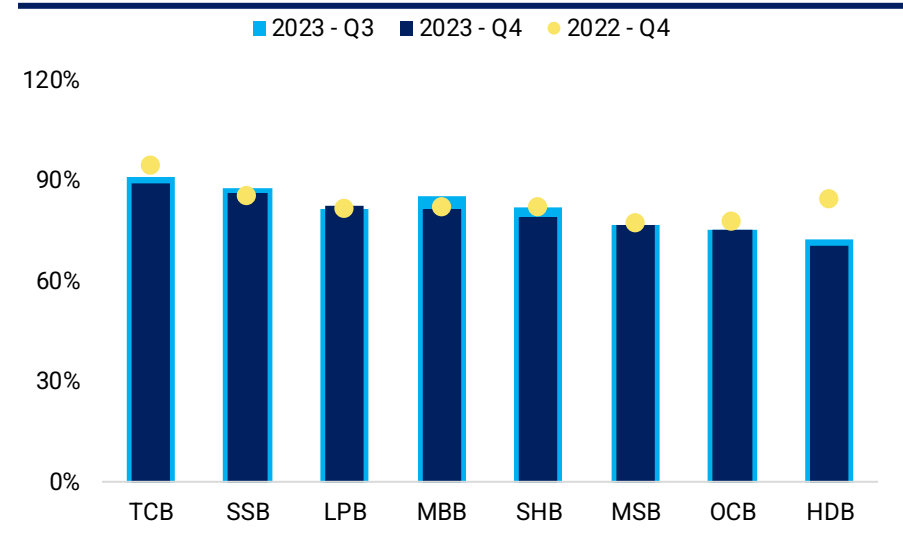
Xét theo nhóm các ngân hàng thì tỷ lệ LDR diễn biến khác nhau. **Nếu LDR giảm mạnh ở các ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp thì tỷ lệ LDR lại có xu hướng tăng ở các ngân hàng cho vay cá nhân.** Điều này có thể được lý giải bởi việc tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng chuyên cho vay cá nhân đã cao hơn nhiều trong quý 4, sau khi tăng chậm vào đầu năm. Nhóm ngân hàng quốc doanh và nhóm ngân hàng khác vẫn duy trì mức LDR ở mức ổn định trong năm.

# TỶ LỆ LDR CẢI THIỆT RÕ NHẤT Ở CÁC NGÂN HÀNG CHUYÊN CHO VAY DOANH NGHIỆP

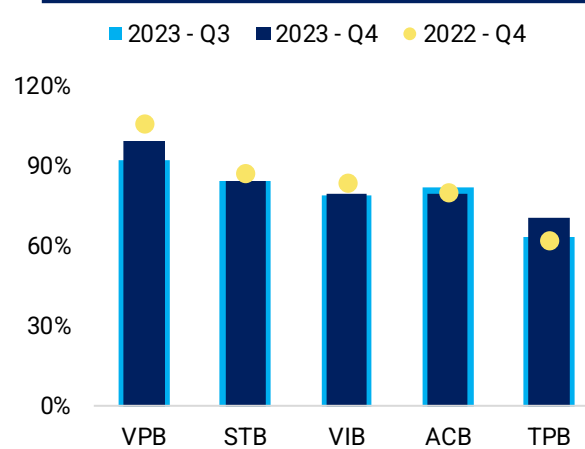
## Nhóm NHTM quốc doanh



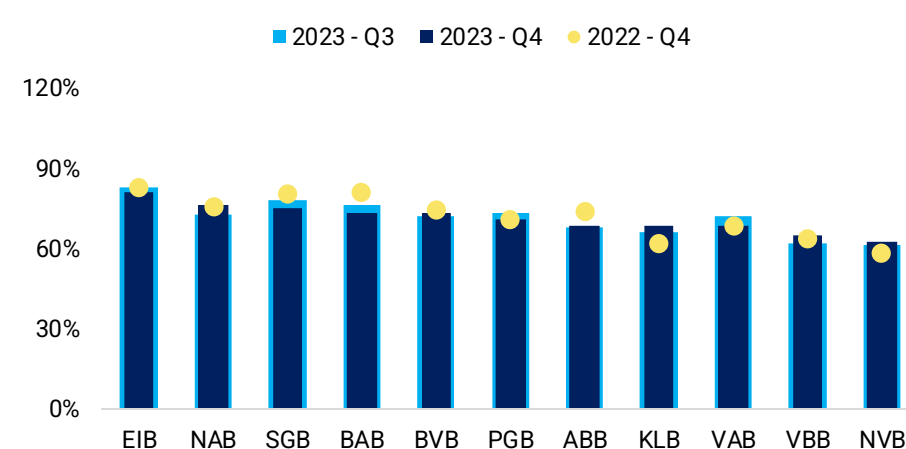
## Nhóm NHTM chuyên cho vay doanh nghiệp



## Nhóm NHTM chuyên cho vay cá nhân



## Nhóm NHTM khác



Xét về tỷ lệ LDR giữa các ngân hàng trong từng nhóm:

**Nhóm các ngân hàng quốc doanh:** Tỷ lệ LDR duy trì ổn định giữa các ngân hàng trong nhóm quốc doanh, có sự gia tăng trong mức tỷ lệ LDR của VCB so với hai ngân hàng còn lại.

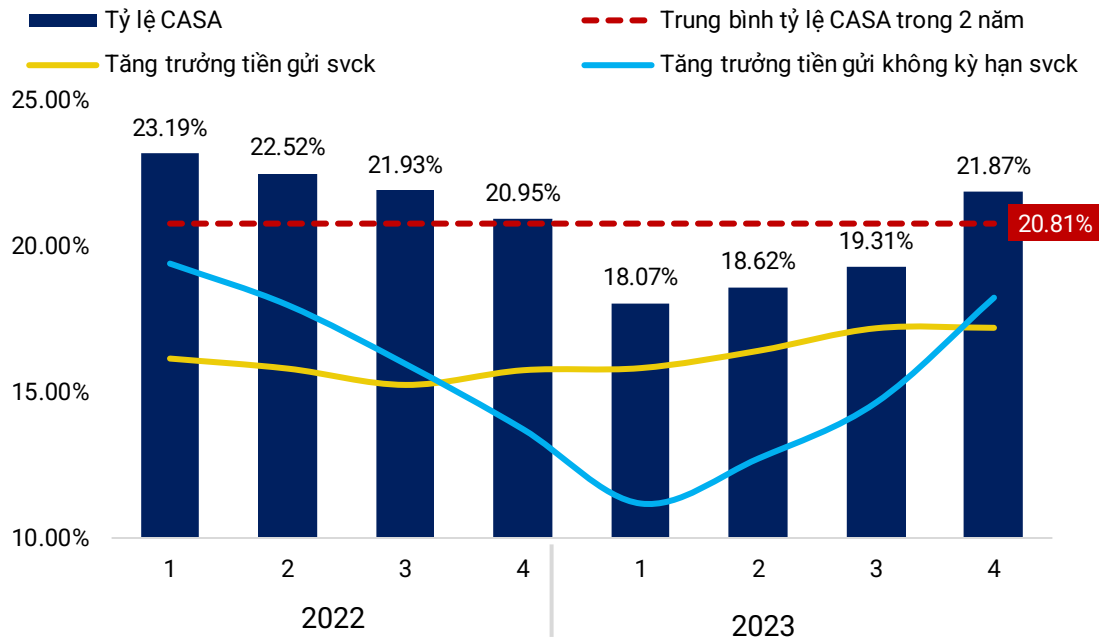
**Nhóm các ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp:** Tỷ lệ LDR phần lớn sụt giảm trong quý 4/2023 giữa các ngân hàng trong nhóm. Mức sụt giảm mạnh nhất được ghi nhận ở ngân hàng MBB.

**Nhóm các ngân hàng chuyên cho vay cá nhân:** so với quý trước, tỷ lệ LDR có sự gia tăng ở nhiều ngân hàng trong nhóm (ngoại trừ STB, ACB). Đặc biệt, tỷ lệ LDR tăng mạnh ở TPB, đạt hơn 70% trong quý 4.

**Nhóm các ngân hàng khác:** LDR duy trì ổn định giữa các ngân hàng trong nhóm tuy nhiên tỷ lệ này được ghi nhận giảm nhiều nhất ở các ngân hàng BAB và VAB.

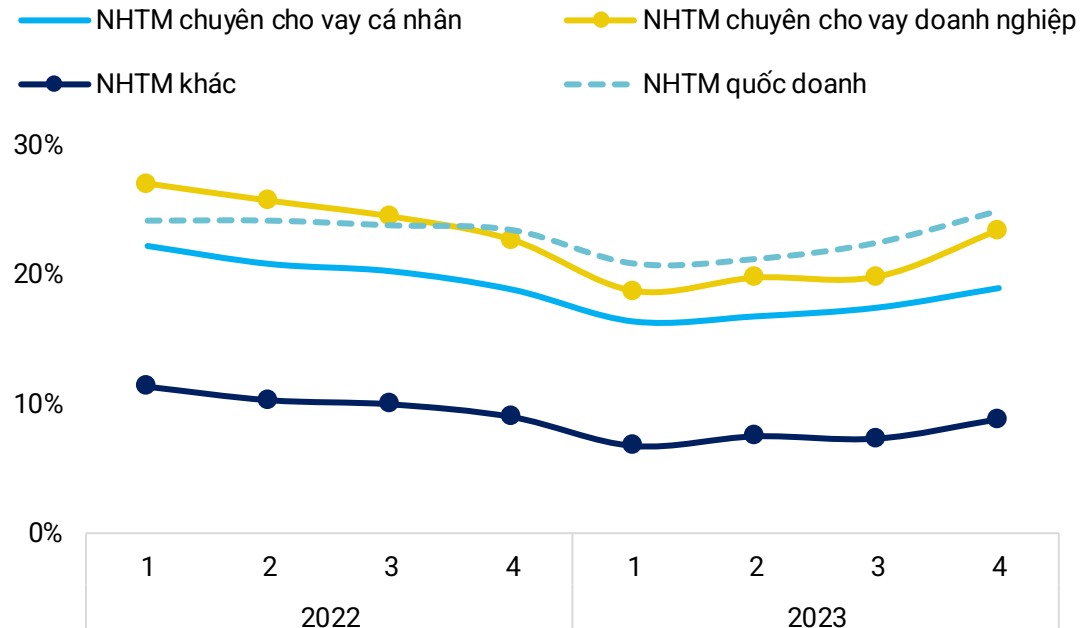
# TỶ LỆ CASA TĂNG MẠNH, ĐẶC BIỆT LÀ NHÓM NGÂN HÀNG CHUYÊN CHO VAY DOANH NGHIỆP

## Tỷ lệ CASA của ngành ngân hàng theo thời gian



**Tỷ lệ CASA tăng mạnh trong quý 4, từ 19.31% lên mức 21.87%. CASA đã tăng mạnh trong 3 quý liên tục sau khi tạo đáy vào cuối quý 1/2023.** Mặc dù tiền gửi tăng trưởng mạnh trong năm 2023 như chúng ta đã phân tích ở trên nhưng tốc độ tăng của CASA là rất đáng chú ý, đặc biệt là trong quý 4/2023. Tiền gửi không kỳ hạn tăng mạnh trong những quý cuối năm không đến từ tiền nhàn rỗi không kỳ hạn của dân cư mà liên quan trực tiếp đến lượng tín dụng lớn được giải ngân trong thời gian đó.

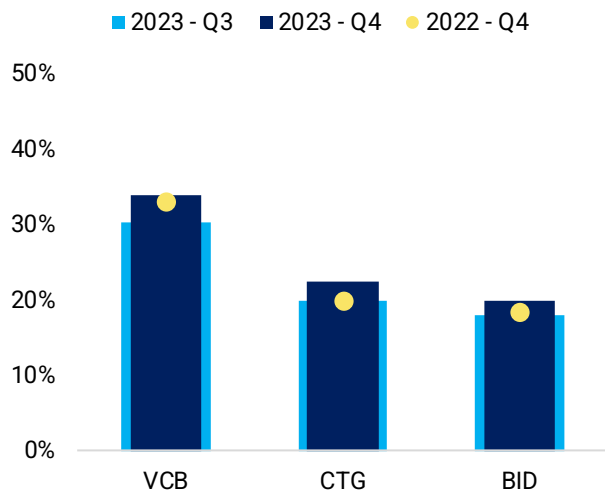
## Tỷ lệ CASA của các nhóm ngân hàng



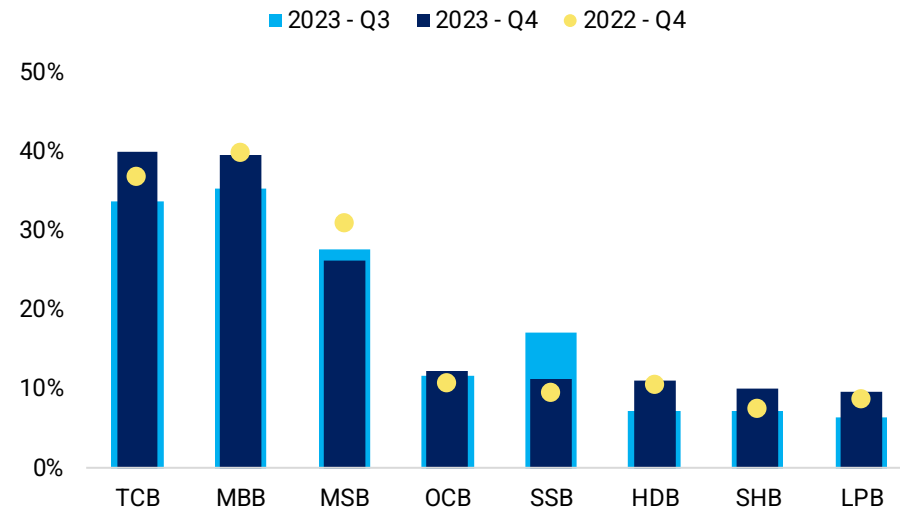
Tỷ lệ CASA đã tăng trưởng mạnh ở các nhóm ngân hàng (ngoại trừ nhóm các ngân hàng khác chỉ tăng nhẹ). **CASA tăng trưởng mạnh nhất ở nhóm các ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp**, khi tỷ lệ CASA của nhóm này đã tăng trưởng từ mức 19.84% lên mức 24.98%. Nhóm các ngân hàng này sẽ tập trung cho vay cả hệ sinh thái của các doanh nghiệp. Do đó CASA được tạo ra từ dòng tiền vay có thể được dùng để kích hoạt dòng tiền giữa các công ty trong hệ sinh thái.

# TỶ LỆ CASA CẢI THIỆN MẠNH NHẤT Ở CÁC NGÂN HÀNG QUY MÔ LỚN

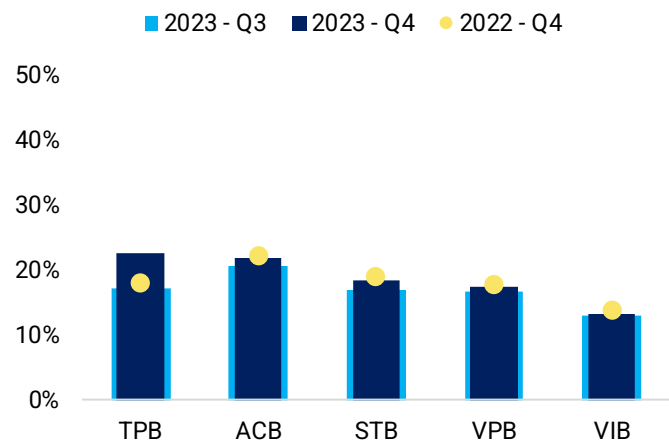
## Nhóm NHTM quốc doanh



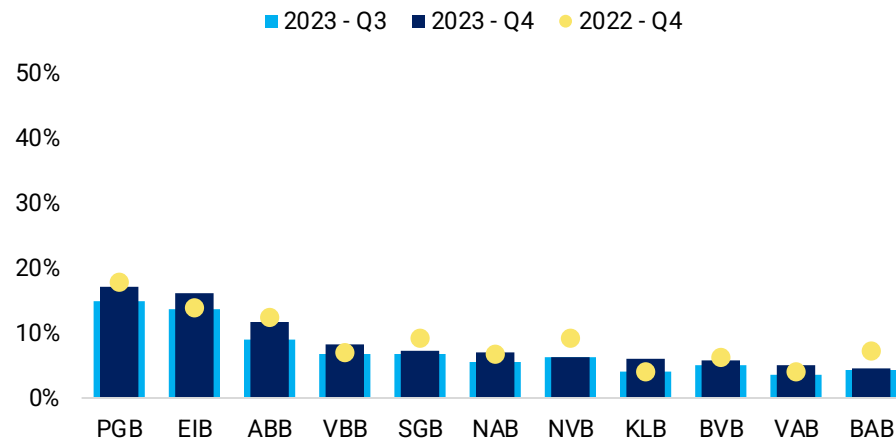
## Nhóm NHTM chuyên cho vay doanh nghiệp



## Nhóm NHTM chuyên cho vay cá nhân



## Nhóm NHTM khác



Xét về tỷ lệ CASA giữa các ngân hàng trong từng nhóm:

**Nhóm các ngân hàng quốc doanh:** Tỷ lệ CASA tăng trưởng mạnh đồng đều giữa các ngân hàng trong nhóm. Mức cải thiện nhiều nhất là ở VCB khi VCB được chọn làm ngân hàng thanh toán cho các giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ.

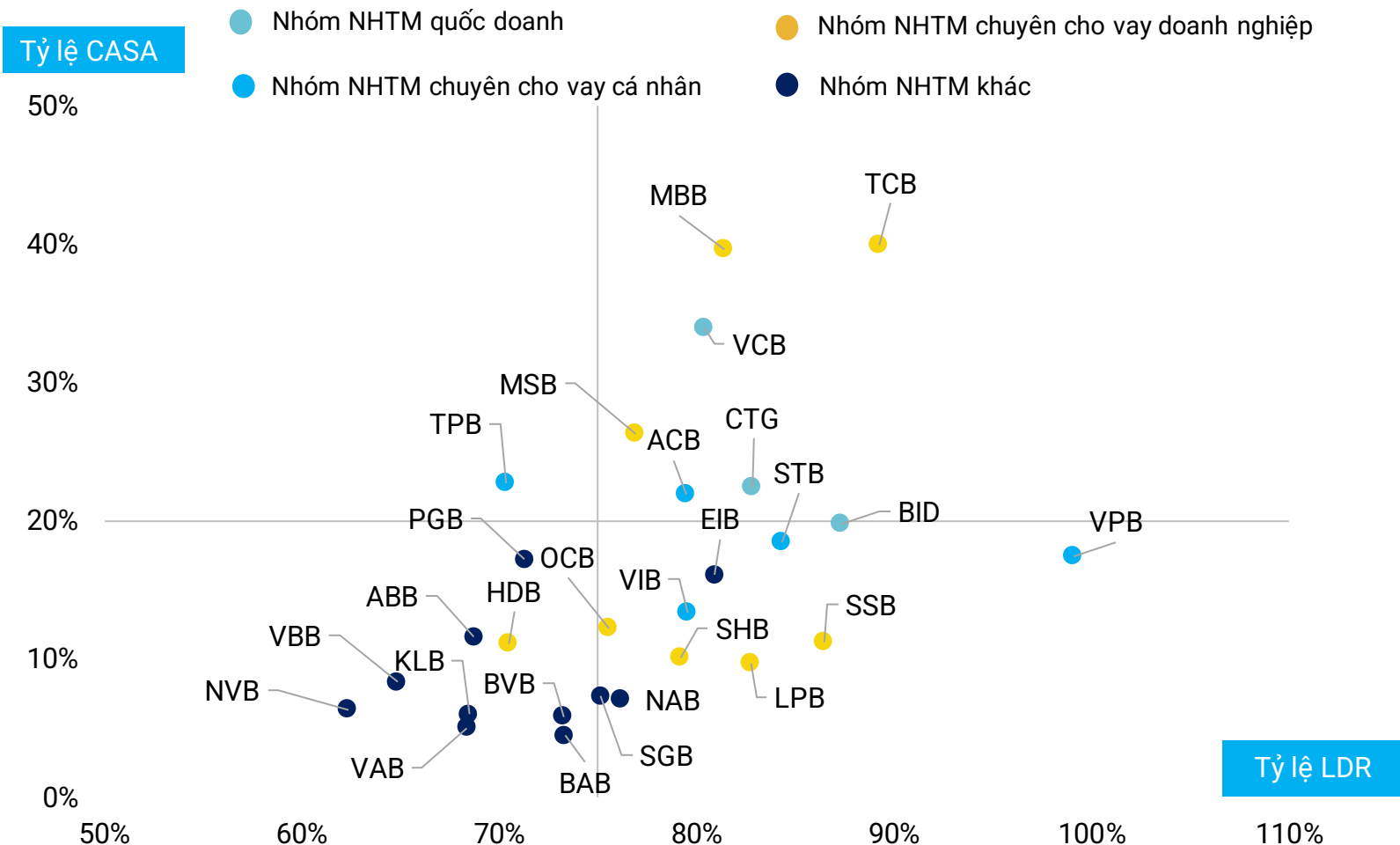
**Nhóm các ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp:** Nhóm này có sự cải thiện mạnh nhất trong CASA bởi các khoản vay được tập trung giải ngân cho các hoạt động của các tập đoàn lớn. Tuy nhiên, sự thay đổi trong mức CASA diễn ra rõ nhất ở các ngân hàng lớn MBB và TCB.

**Nhóm các ngân hàng chuyên cho vay cá nhân:** Tỷ lệ CASA không có nhiều sự thay đổi ở nhóm ngân hàng này mà chỉ diễn ra ở TPB.

**Nhóm các ngân hàng khác:** Nhìn chung, tỷ lệ CASA không có nhiều biến động đối với các ngân hàng trong nhóm này mà chủ yếu tập trung ở PGB và EIB.



# TƯƠNG QUAN GIỮA CASA VÀ LDR QUÝ 4/2023



Tương quan giữa chỉ số LDR và CASA thể hiện mức độ thanh khoản khác nhau giữa các nhóm ngân hàng:

**Đối với nhóm ngân hàng quốc doanh:** Các ngân hàng quốc doanh có đặc điểm chung về mức LDR ở mức cao và CASA cũng ở mức trung bình. Tỷ lệ LDR và CASA của nhóm tương đối đồng đều, ngoại trừ VCB là có mức CASA cao hơn hẳn so với các ngân hàng còn lại.

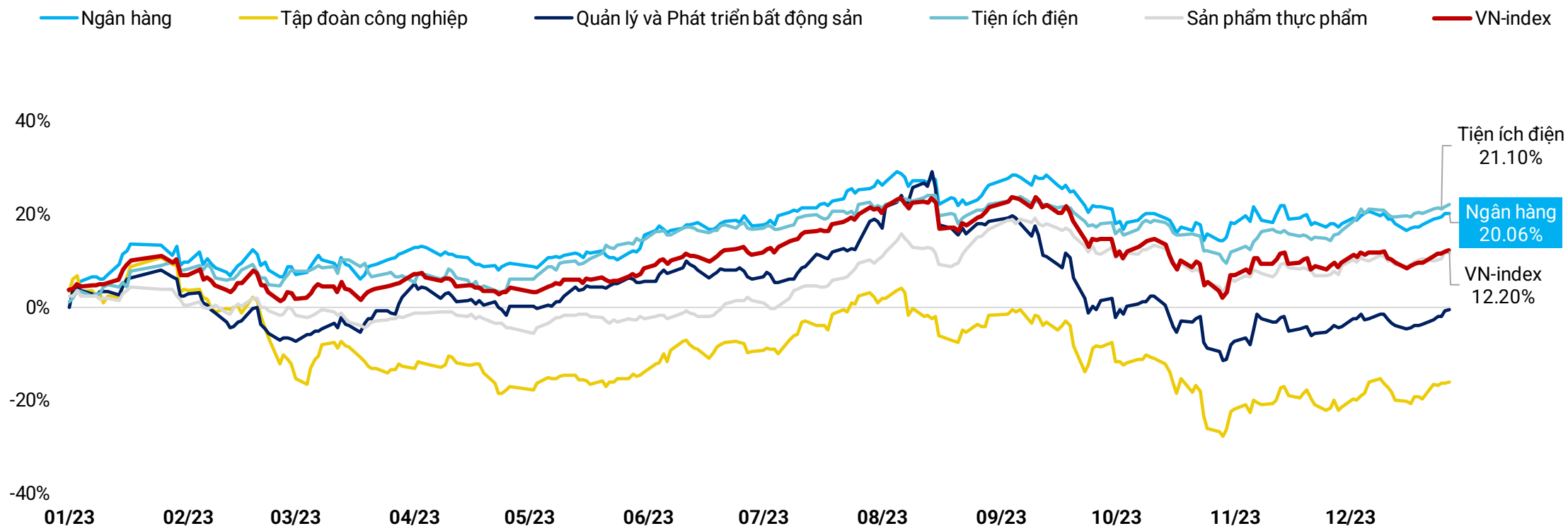
**Đối với nhóm ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp:** Tỷ lệ CASA và LDR có sự phân hóa lớn trong nhóm ngân hàng này khi MBB và TCB có tỷ lệ CASA và LDR cao vượt trội. Mức LDR phân tán giữa các ngân hàng trong nhóm do cơ cấu cho vay bất động sản khác nhau giữa các ngân hàng.

**Đối với nhóm ngân hàng chuyên cho vay cá nhân:** Nhóm này có mức CASA và LDR tương đối ổn định giữa các ngân hàng trong nhóm.

**Đối với nhóm ngân hàng khác:** Đặc điểm chung của nhóm là mức CASA và LDR đều thuộc nhóm thấp nhất trong hệ thống.

# CHỈ SỐ BANKING INDEX ĐI NGANG TRONG QUÝ 4 CÙNG VỚI VN-INDEX

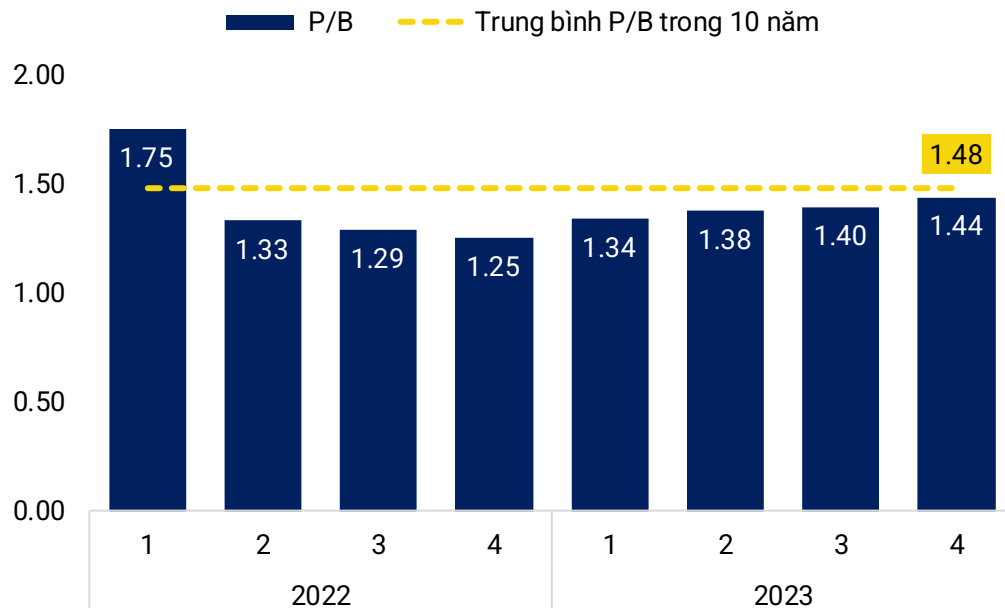
## Diễn biến chỉ số giá cổ phiếu ngành ngân hàng



Xét trong năm 2023, mức sinh lời của các cổ phiếu ngân hàng tăng trưởng tốt hơn nhiều so với trung bình của thị trường. **Tuy nhiên, nếu xét trong quý 4 thì giá cổ phiếu ngân hàng đi ngang trước những quan ngại về nợ xấu gia tăng.** Giá cổ phiếu ngân hàng chỉ nổi sóng trong tháng 1 với mức tăng trưởng trong tháng đạt 13.14% với những số liệu về kết quả kinh doanh của ngân hàng cho thấy nhiều điểm tích cực so với kỳ vọng của thị trường. **Tỷ lệ nợ xấu sụt giảm mạnh kèm theo đó là lợi nhuận của ngân hàng vẫn được duy trì ổn định** khi nguồn thu từ hoạt động dịch vụ bù đắp cho những sụt giảm trong mức NIM của hệ thống ngân hàng.

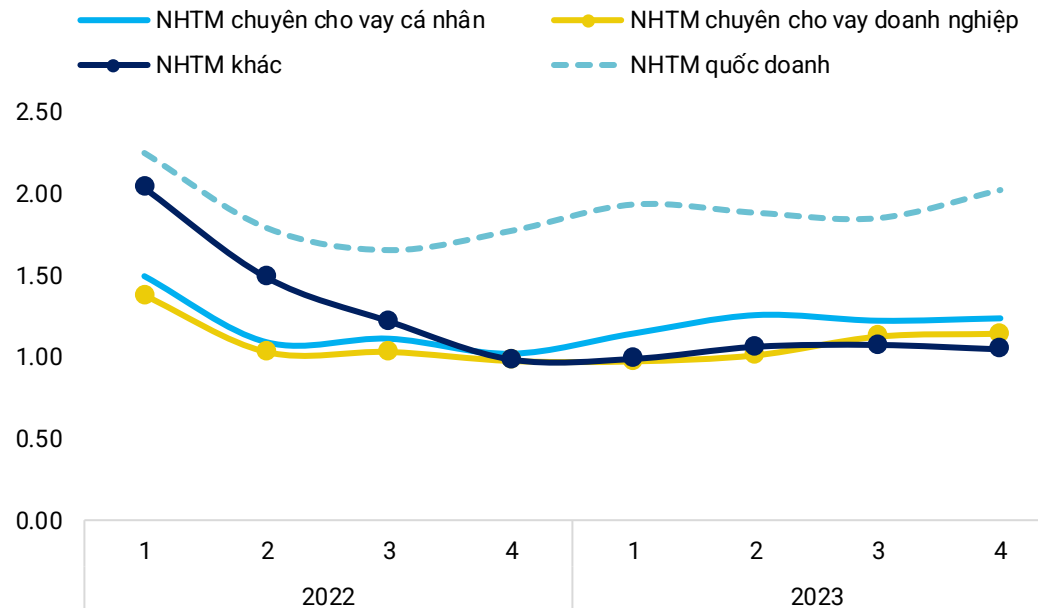
# P/B CỦA NGÀNH TIẾP TỤC DUY TRÌ Ở VÙNG THẤP

## Định giá P/B của ngành ngân hàng



Mức định giá của cổ phiếu ngành ngân hàng vẫn tiếp tục duy trì ở vùng thấp trong quý 4/2023, thấp hơn so với mức trung bình 10 năm là 1.48, mặc dù đã có sự cải thiện đáng kể trong năm 2023. Mức định giá thấp được lý giải bởi những lo lắng về nợ xấu tiềm tàng từ sức khỏe yếu của nền kinh tế cho đến việc thị trường bất động sản vẫn đóng băng. Mức định giá có mức phân hóa rất lớn giữa các nhóm ngân hàng dựa trên chất lượng danh mục vay của các ngân hàng khác nhau.

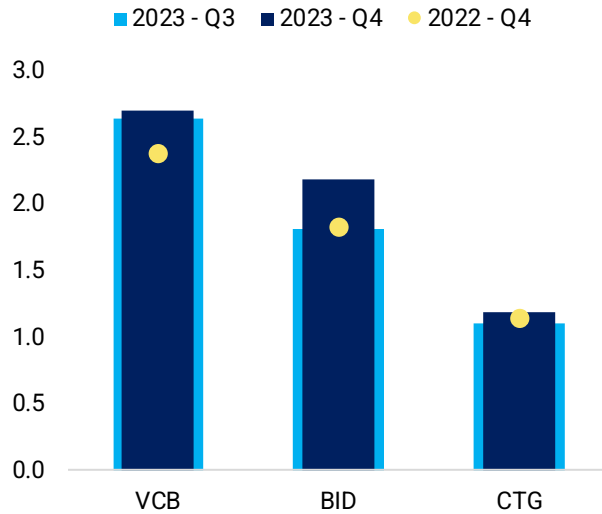
## Định giá P/B của các nhóm ngân hàng



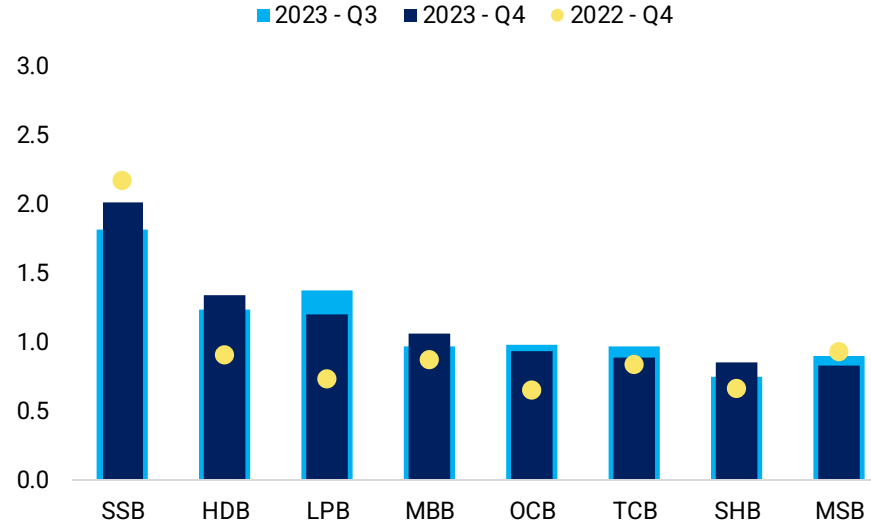
Mức định giá của các ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp vẫn ở mức rất thấp, cho thấy những hoài nghi đối với nhóm cổ phiếu này. Mức tăng trưởng tín dụng năm trước dù cao nhưng chủ yếu đến từ các doanh nghiệp BĐS, đặt ra những vấn đề lo lắng cho nhà đầu tư. Trong khi đó, nhóm cổ phiếu ngân hàng quốc doanh lại duy trì mức định giá cao hơn rất nhiều và tiếp tục cải thiện đáng kể trong quý 4, do những đảm bảo về danh mục vay có chất lượng tốt hơn.

# MỨC ĐỊNH GIÁ CẢI THIỆN ĐÁNG KỂ NHẤT Ở CÁC NGÂN HÀNG QUỐC DOANH

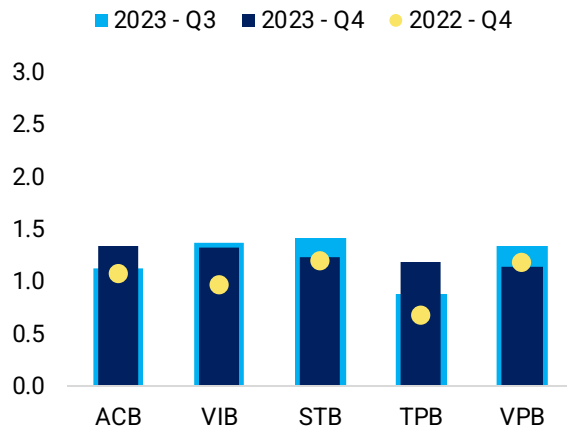
## Nhóm NHTM quốc doanh



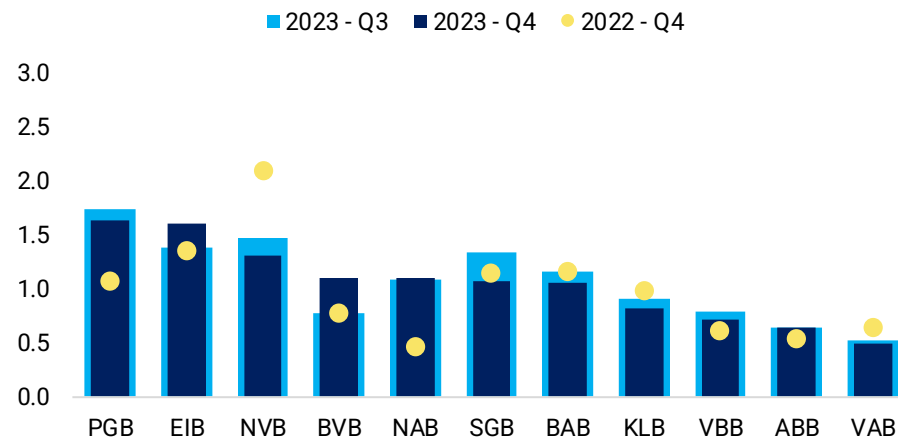
## Nhóm NHTM chuyên cho vay doanh nghiệp



## Nhóm NHTM chuyên cho vay cá nhân



## Nhóm NHTM khác



Về mức định giá thì vẫn có sự chênh lệch đáng kể giữa các ngân hàng trong các nhóm:

**Đối với nhóm ngân hàng thương mại quốc doanh:** Đây là những ngân hàng có mức P/B dẫn đầu ngành do danh mục cho vay ít liên quan đến doanh nghiệp bất động sản. BID có sự cải thiện đáng kể về hệ số định giá trong kỳ khi P/B tăng từ mức 1.81 cuối quý 3 lên 2.18 cuối quý 4.

**Đối với nhóm ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp:** Mức định giá sụt giảm tại TCB, MSB tuy nhiên có sự cải thiện tại MBB và HDB.

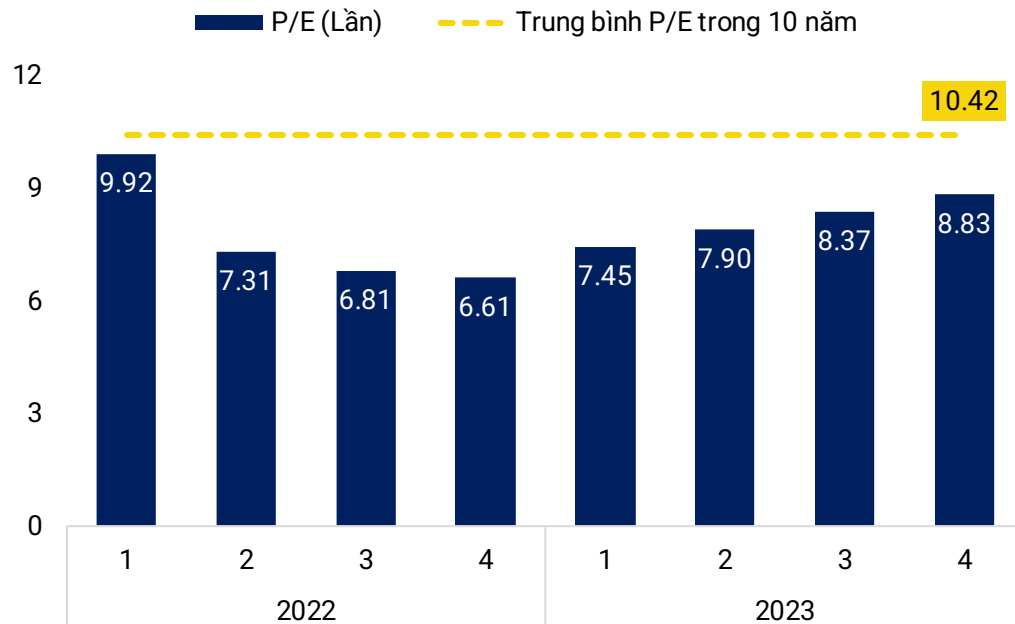
**Tương tự đối với nhóm ngân hàng cho vay cá nhân:** ACB là ngân hàng có hệ số P/B cải thiện nhiều nhất khi ngân hàng cải thiện được tốc độ tăng trưởng tín dụng trong quý 4.

**Đối với nhóm ngân hàng khác:** Phần lớn các ngân hàng nhóm này đều có mức định giá thấp và mức biến động định giá phụ thuộc vào những yếu tố đầu cơ hơn là vào các yếu tố cơ bản của ngân hàng.



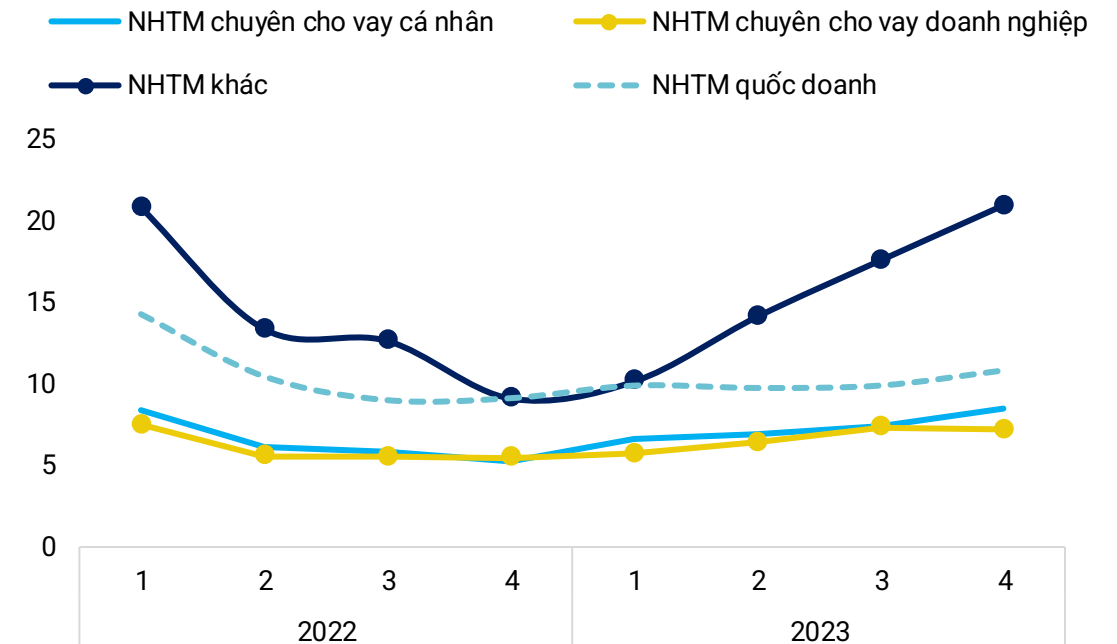
# ĐỊNH GIÁ P/E CỦA NGÀNH CẢI THIỆN, TUY NHIÊN ĐẾN TỪ YẾU TỐ KỸ THUẬT

## Định giá P/E của ngành ngân hàng



Nhìn từ góc độ P/E thì mức P/E của thị trường đã được cải thiện liên tục từ quý 4/2022 đến nay. Định giá theo P/E của ngành ngân hàng vẫn đang thấp hơn rất nhiều so với mức trung bình 10 năm là 10.42. Mức định giá P/E của ngân hàng gia tăng chủ yếu là do tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của ngành chậm lại trong những quý gần đây trước áp lực nợ xấu gia tăng và mức NIM sụt giảm.

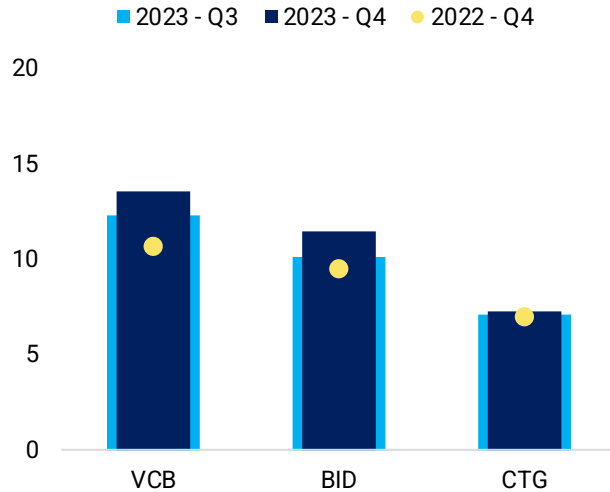
## Định giá P/E của các nhóm ngân hàng



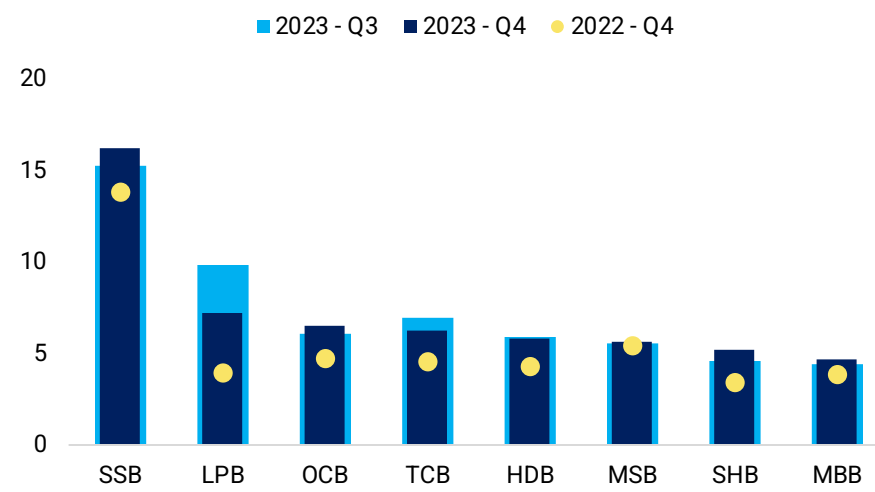
Nhìn vào mức P/E giữa các nhóm ngân hàng thì mức P/E của ngành ngân hàng được cải thiện chủ yếu là do sự gia tăng mức P/E của nhóm các ngân hàng thương mại khác. **Sở dĩ P/E của nhóm ngân hàng này tăng mạnh là vì mức lợi nhuận sụt giảm nhiều trong năm 2023.** Trong khi đó, mức P/E của các nhóm ngân hàng khác vẫn được duy trì ổn và có sự cải thiện ở nhóm ngân hàng thương mại chuyên cho vay cá nhân.

# P/E CẢI THIỆN Ở CÁC NGÂN HÀNG QUỐC DOANH VÀ CÁC NGÂN HÀNG CHUYÊN CHO VAY CÁ NHÂN

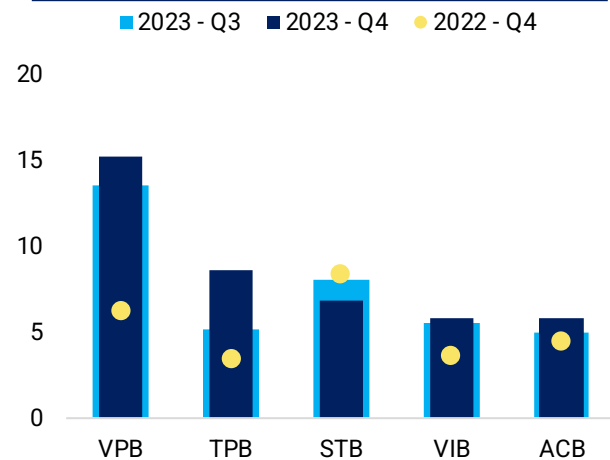
## Nhóm NHTM quốc doanh



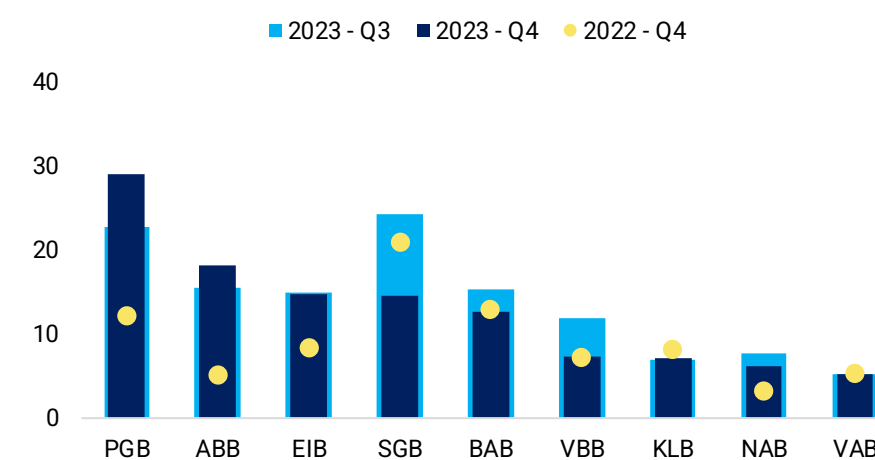
## Nhóm NHTM chuyên cho vay doanh nghiệp



## Nhóm NHTM chuyên cho vay cá nhân



## Nhóm NHTM khác



Hệ số định giá P/E vẫn duy trì chênh lệch giữa các ngân hàng trong nhóm:

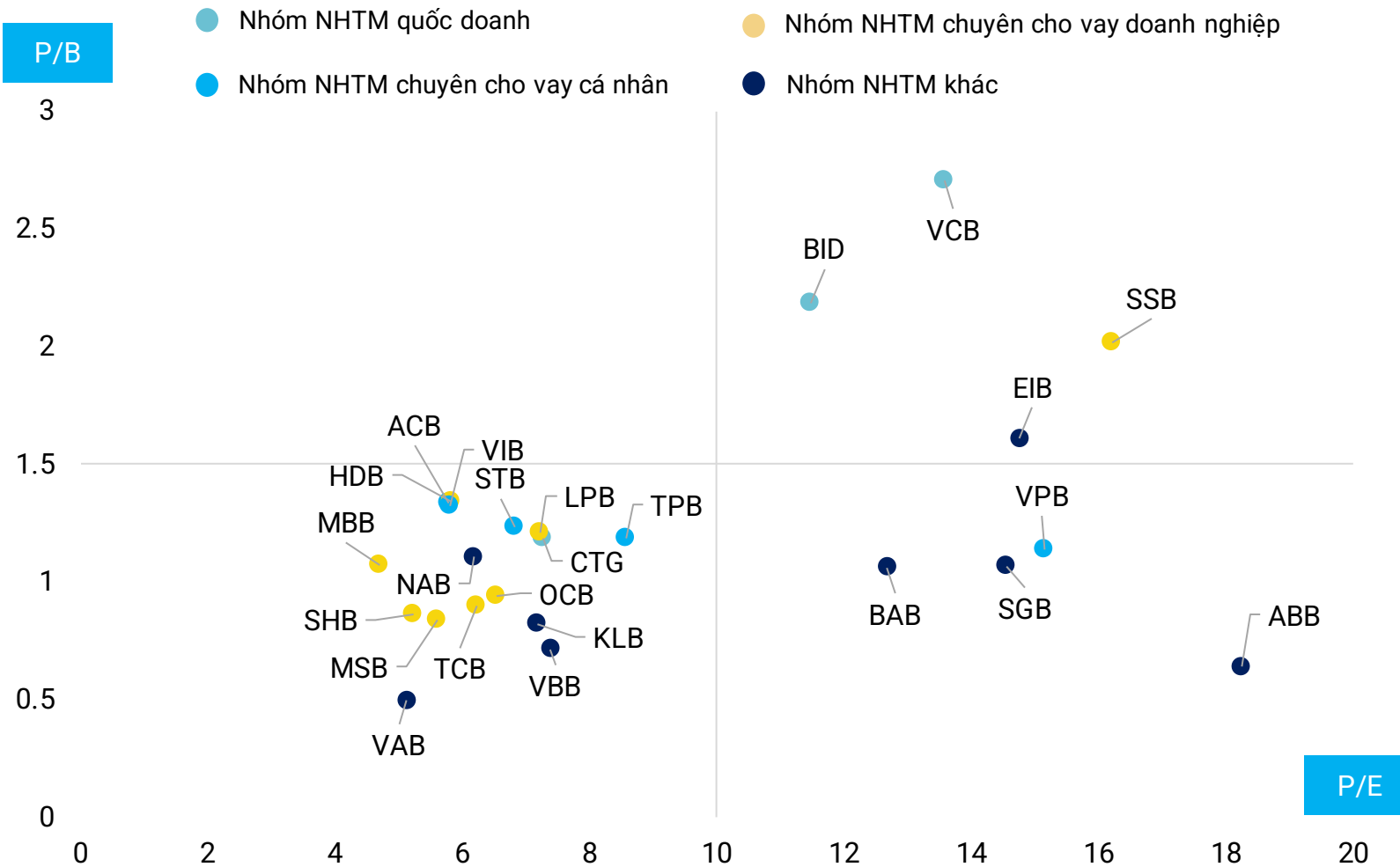
**Đối với nhóm ngân hàng thương mại quốc doanh:** các ngân hàng có mức P/E dao động khoảng 10-15 lần mức lợi nhuận sau thuế. Mức định giá của CTG ở mức chiết khấu đáng kể so với hai ngân hàng còn lại. Trong khi đó, mức P/E của VCB và BID đã có sự cải thiện trong quý vừa rồi.

**Đối với nhóm ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp:** đa số các ngân hàng trong nhóm duy trì mức P/E ổn định trong khoảng 5-6 lần so với lợi nhuận và duy trì ổn định trong quý vừa rồi.

**Đối với nhóm ngân hàng cho vay cá nhân:** VPB có mức P/E cải thiện nhiều nhất nhờ mức tăng trưởng tín dụng cao trong năm. Trong khi đó mức định giá TPB cải thiện chủ yếu là do yếu tố kỹ thuật khi lợi nhuận của TPB sụt giảm.

**Đối với nhóm ngân hàng khác:** Mức P/E của nhóm này nhìn chung sụt giảm trong quý 4 do những tiềm ẩn liên quan đến chất lượng lợi nhuận sụt giảm.

# TƯƠNG QUAN CỦA HỆ SỐ P/B VÀ P/E QUÝ 4/2023



So sánh tương quan mức định giá P/B và mức định giá P/E thì chúng ta có thể thấy:

**Đối với nhóm ngân hàng quốc doanh:** Các ngân hàng này có mức định giá tốt hơn mức trung bình. Trong nhóm thì cổ phiếu CTG đang bị định giá thấp hơn hẳn so với hai cổ phiếu VCB và BID. Do đó, đây là cổ phiếu có nhiều tiềm năng tăng trưởng giá trong thời gian tới.

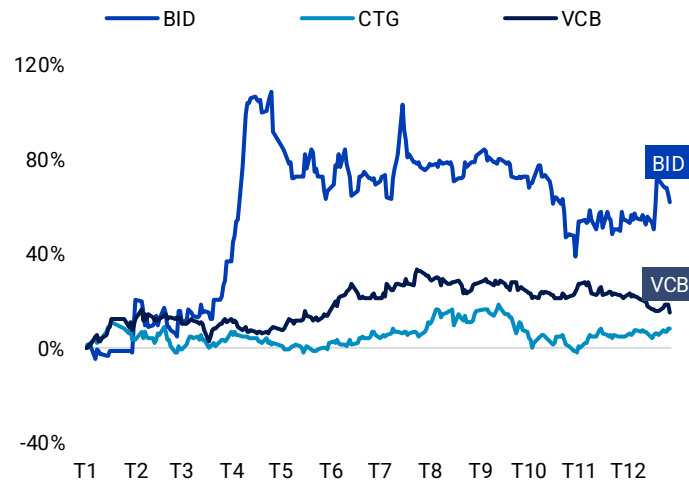
**Đối với nhóm ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp:** Các ngân hàng nhóm này được định giá thấp một cách ổn định cho cả chỉ số P/B và chỉ số P/E.

**Đối với nhóm ngân hàng chuyên cho vay cá nhân:** Nhóm này có mức định giá tốt hơn nhóm doanh nghiệp ở chỉ số P/E do yếu tố chất lượng lợi nhuận tốt hơn.

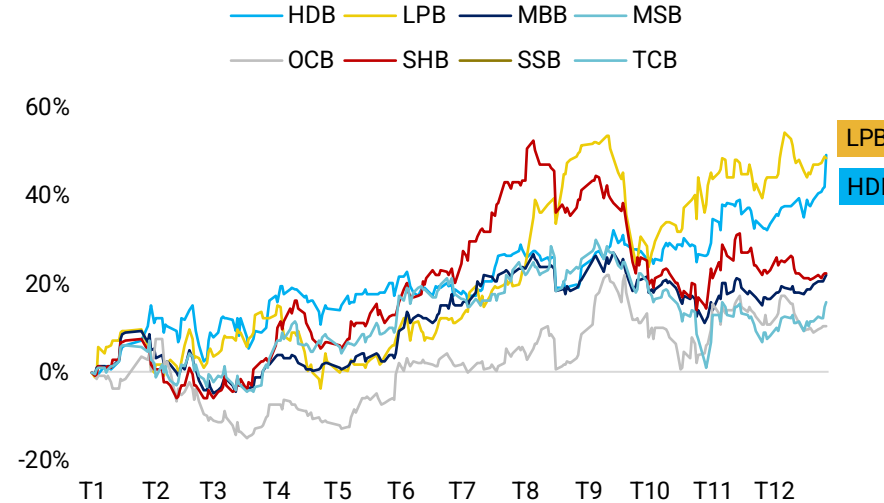
**Đối với nhóm ngân hàng thương mại khác:** Nhóm ngân hàng này có mức độ phân tán cao về mức P/E do sự biến động lợi nhuận theo thời gian. Trong khi đó, xét về mức P/B thì mức định giá của nhóm này thuộc mức thấp nhất ngành ngân hàng.

# DIỄN BIẾN MỨC SINH LỜI CỦA CÁC CỔ PHIẾU NGÂN HÀNG NĂM 2023 VÀ QUÝ 4/2023

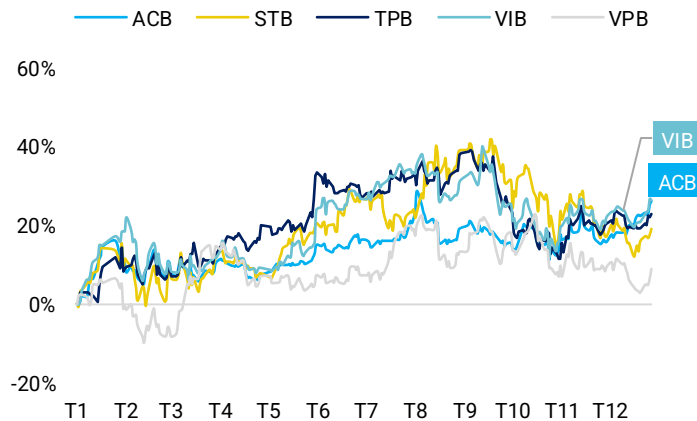
## Nhóm NHTM quốc doanh



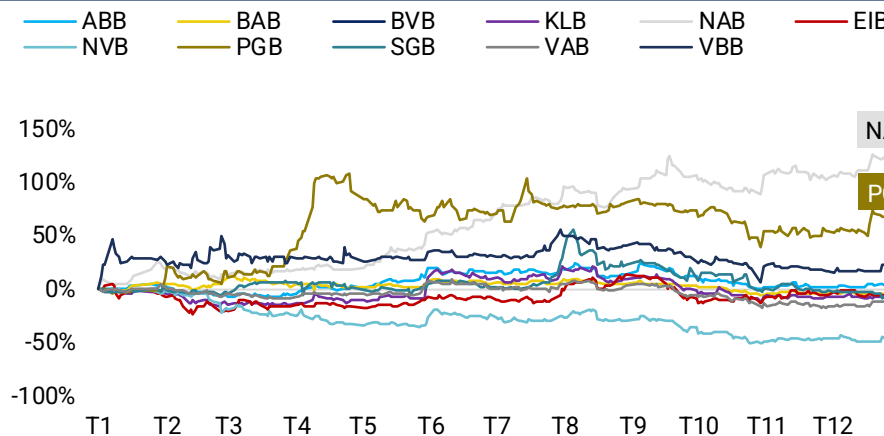
## Nhóm NHTM chuyên cho vay doanh nghiệp



## Nhóm NHTM chuyên cho vay cá nhân



## Nhóm NHTM khác



Phần lớn các cổ phiếu ngân hàng đều có mức tăng trưởng tích cực trong năm 2023. Nếu chỉ xét trong quý 4 thì sẽ có những điểm cần lưu ý sau đây:

**Nhóm các ngân hàng quốc doanh:** BID tiếp tục duy trì mức tăng trưởng tốt, trong khi mức tăng trưởng của hai ngân hàng còn lại vẫn rất hạn chế.

**Nhóm các ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp:** LPB và HDB là hai ngân hàng có mức tăng trưởng tốt trong khi mức tăng trưởng TCB còn rất hạn chế.

**Nhóm các ngân hàng chuyên cho vay cá nhân:** VIB và ACB là những ngân hàng có mức tăng trưởng tốt trong khi mức tăng trưởng của VPB thấp nhất nhóm ngành.

**Nhóm các ngân hàng khác:** NAB và PGB là có mức tăng trưởng nổi bật hơn các ngân hàng còn lại trong nhóm.

Đặc điểm chung của các ngân hàng trên là đều có mức tăng trưởng tín dụng cải thiện đáng kể trong những tháng cuối năm.





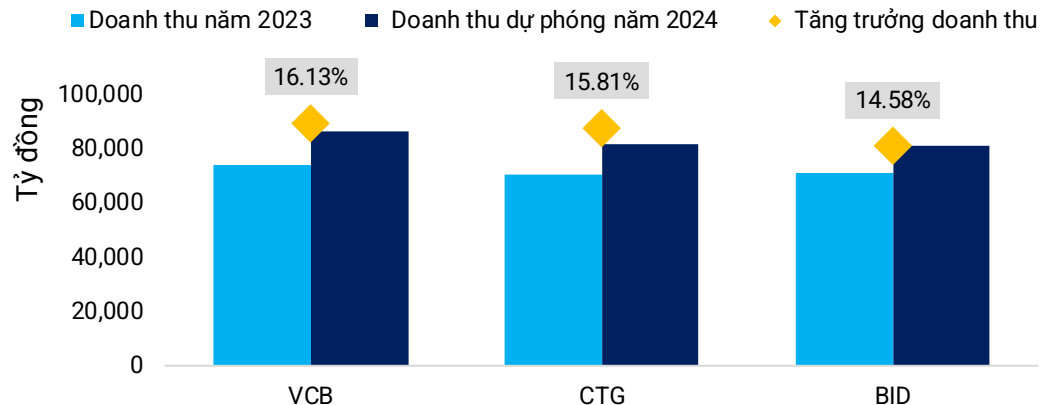
**PHẦN 3**

**DỰ PHÓNG KẾT QUẢ KINH DOANH 2024**

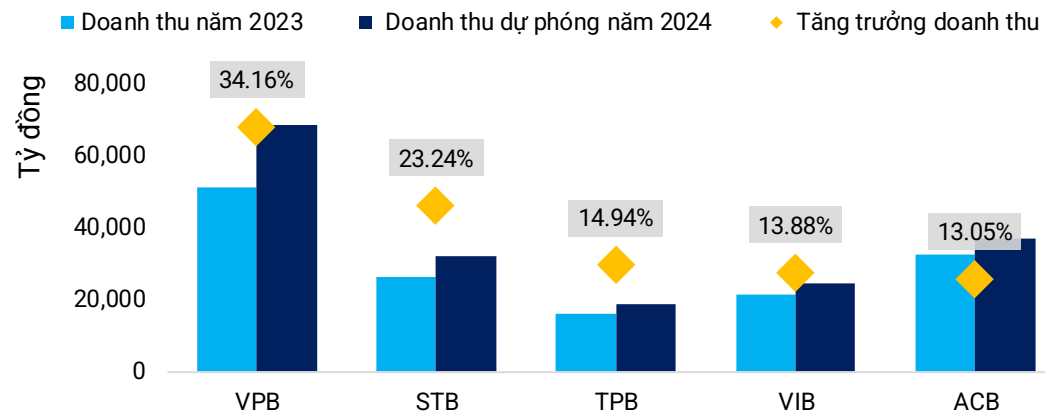


# DỰ PHÓNG TĂNG TRƯỞNG DOANH THU CÁC NGÂN HÀNG

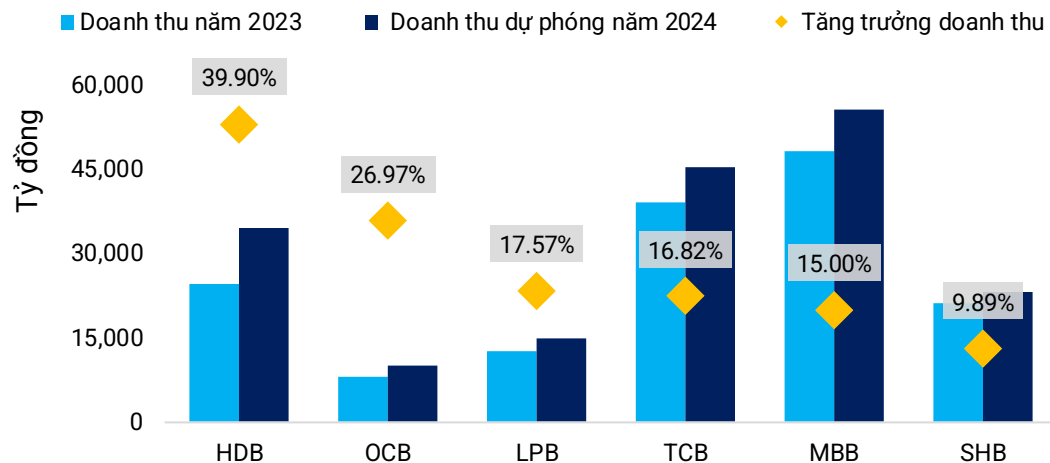
## Nhóm ngân hàng quốc doanh



## Nhóm ngân hàng chuyên cho vay cá nhân



## Nhóm ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp



Dựa trên sức khỏe tài chính và kế hoạch kinh doanh thì mức tăng trưởng doanh thu của các ngân hàng được thể hiện ở trên:

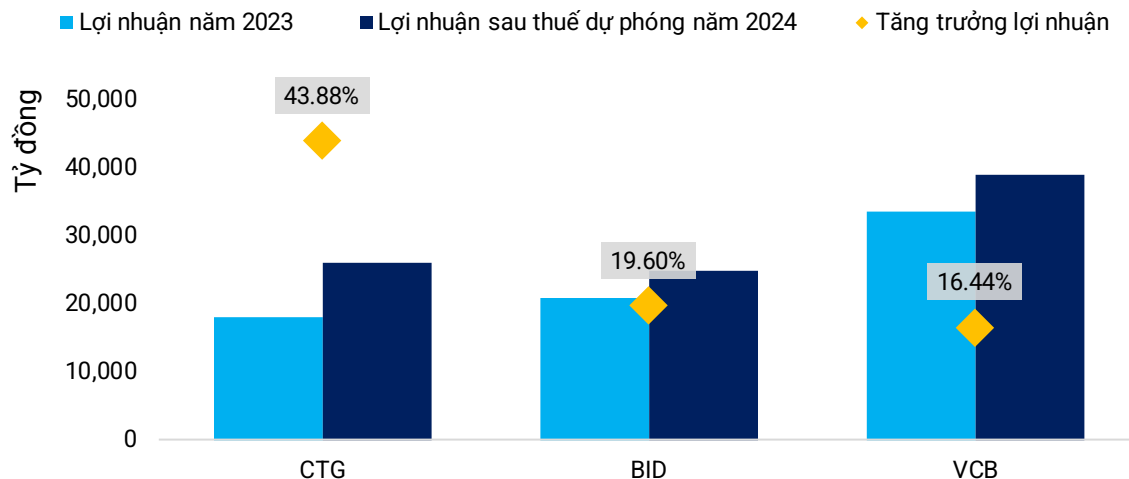
**Đối với nhóm các ngân hàng quốc:** VCB duy trì mức tăng trưởng tốt hơn do có điểm sức khỏe tài chính tốt hơn so với BID và CTG. Hạn chế về hệ số CAR cũng sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng của BID và CTG.

**Đối với nhóm ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp:** HDB, OCB và LPB được dự báo sẽ có mức tăng trưởng tốt. Trong khi SHB được dự báo có mức tăng trưởng chậm lại do nợ xấu tăng lên và mức bao phủ nợ xấu mỏng lại sẽ có những hạn chế nhất định trong tăng trưởng tín dụng.

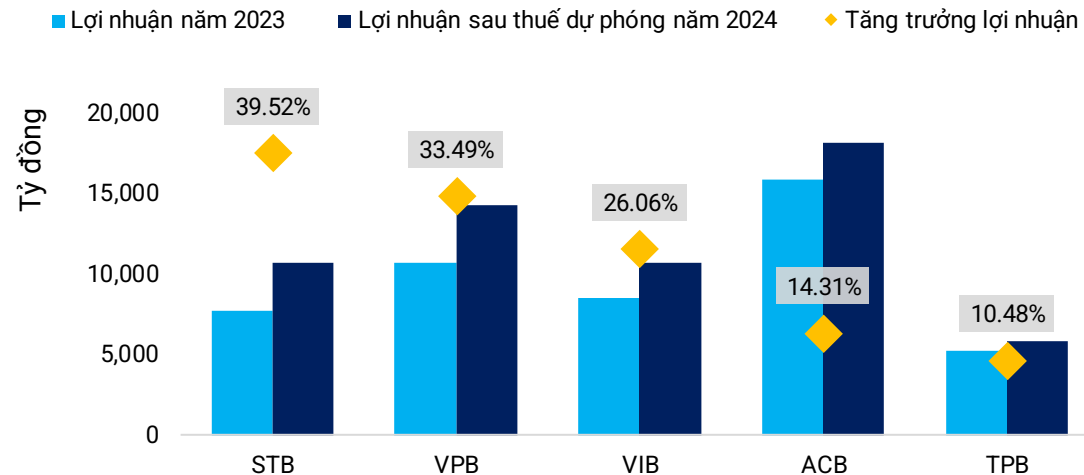
**Đối với nhóm ngân hàng chuyên cho vay cá nhân:** VPB và STB được dự kiến sẽ tăng trưởng vượt trội hơn so với các ngân hàng trong nhóm khi tăng trưởng thu nhập từ hoạt động dịch vụ, chủ yếu từ bảo hiểm nhân thọ.

# DỰ PHÓNG TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN CÁC NGÂN HÀNG

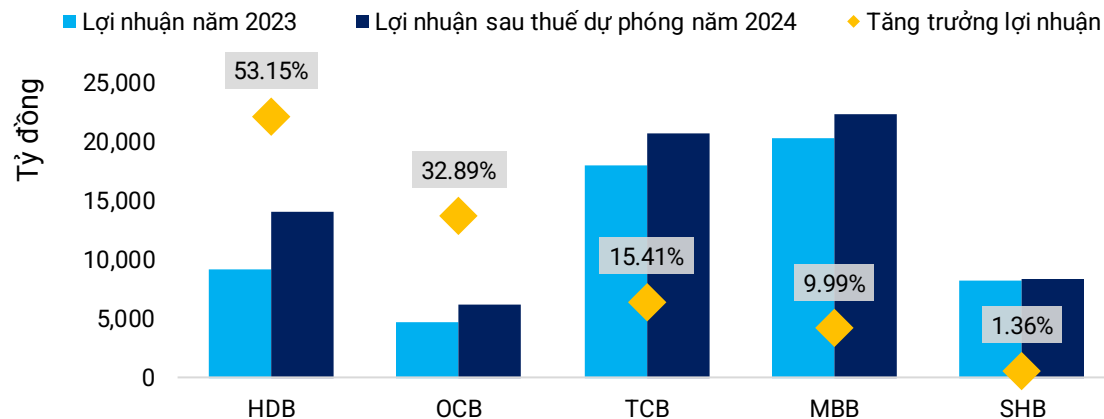
## Nhóm ngân hàng quốc doanh



## Nhóm ngân hàng chuyên cho vay cá nhân



## Nhóm ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp



Dựa vào kế hoạch kinh doanh ước tính của các ngân hàng thì lợi nhuận của các ngân hàng được ước tính như sau:

**Đối với nhóm các ngân hàng quốc:** Mặc dù có mức tăng trưởng doanh thu thấp nhưng CTG được dự báo có mức tăng trưởng lợi nhuận vượt trội do NIM được cải thiện và giảm chi phí trích lập dự phòng nợ xấu.

**Đối với nhóm ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp:** Mức tăng trưởng lợi nhuận cao của nhóm ngân hàng này được dành cho HDB và OCB khi thu nhập từ hoạt động dịch vụ của hai ngân hàng dự kiến tăng vọt.

**Đối với nhóm ngân hàng chuyên cho vay cá nhân:** STB và VPB được dự kiến tăng trưởng vượt trội về lợi nhuận do STB dự kiến gia tăng thu nhập từ hoạt động đại lý bảo hiểm và VPB sẽ giảm đáng kể chi phí trích lập dự phòng.





# CẢM ƠN

**Công ty Cổ phần WiGroup**

Địa chỉ: Tòa nhà Bcons Tower II, 42/1 Ung Văn Khiêm, Phường  
25, Quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh

Hotline: 1900 3109

Email: [tuvan@wigroup.vn](mailto:tuvan@wigroup.vn)

Website: <https://www.wigroup.vn/>

